UEH UNIVERSITY

KẾT QUẢ CHUYỂN ĐIỂM HỌC PHẦN TIẾNG ANH KHÓA 48 ĐHCQ THÁNG 9 NĂM 2022 (DỰ KIẾN)

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1	31221020003	Lê Trần Khả	Ái	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2	31221020003	Lê Trần Khả	Ái	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3	31221020003	Lê Trần Khả	Ái	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4	31221020003	Lê Trần Khả	Ái	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
5	31221021180	Bùi Minh Nhật	An	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
6	31221021180	Bùi Minh Nhật	An	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
7	31221021180	Bùi Minh Nhật	An	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
8	31221021180	Bùi Minh Nhật	An	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
9	31221021644	Bùi Thu	An	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	6.50	10.00
10	31221021644	Bùi Thu	An	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.50	10.00
11	31221021644	Bùi Thu	An	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.50	10.00
12	31221021644	Bùi Thu	An	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.50	10.00
13	31221020954	Đinh Thị Xuân	An	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
14	31221020954	Đinh Thị Xuân	An	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
15	31221020954	Đinh Thị Xuân	An	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
16	31221020954	Đinh Thị Xuân	An	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
17	31221023803	Đỗ Ngọc Thiên	An	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
18	31221023803	Đỗ Ngọc Thiên	An	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
19	31221024420	Đoàn Trần Xuân	An	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
20	31221024420	Đoàn Trần Xuân	An	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
21	31221024420	Đoàn Trần Xuân	An	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
22	31221024420	Đoàn Trần Xuân	An	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
23	31221023556	Hà Trần Như	An	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
24	31221023556	Hà Trần Như	An	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
25	31221023556	Hà Trần Như	An	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
26	31221023556	Hà Trần Như	An	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
27	31221026484	Hoàng Thị Thúy	An	Tài chính CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	755.00	10.00
28	31221026484	Hoàng Thị Thúy	An	Tài chính CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	755.00	10.00
29	31221026484	Hoàng Thị Thúy	An	Tài chính CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	755.00	9.00
30	31221021914	Huỳnh Phương	An	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
31	31221021914	Huỳnh Phương	An	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
32	31221021914	Huỳnh Phương	An	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
33	31221021914	Huỳnh Phương	An	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
34	31221026759	Lê Bình	An	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
35	31221026759	Lê Bình	An	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
36	31221026759	Lê Bình	An	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
37	31221021520	Lê Thị Hoài	An	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
38	31221021520	Lê Thị Hoài	An	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
39	31221021520	Lê Thị Hoài	An	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
40	31221021520	Lê Thị Hoài	An	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
41	31221023248	Lê Thị Khánh	An	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
42	31221023248	Lê Thị Khánh	An	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
43	31221023248	Lê Thị Khánh	An	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
44	31221024845	Nguyễn Đức	An	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
45	31221024845	Nguyễn Đức	An	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
46	31221024845	Nguyễn Đức	An	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
47	31221024845	Nguyễn Đức	An	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
48	31221026758	Nguyễn Ngọc Quốc	An	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	695.00	10.00
49	31221026758	Nguyễn Ngọc Quốc	An	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	695.00	10.00
50	31221026758	Nguyễn Ngọc Quốc	An	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	695.00	10.00
51	31221026758	Nguyễn Ngọc Quốc	An	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	695.00	9.00
52	31221021247	Nguyễn Phước Khang	An	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 1	6.00	10.00
53	31221021247	Nguyễn Phước Khang	An	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	6.00	10.00
54	31221021247	Nguyễn Phước Khang	An	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 3	6.00	10.00
55	31221021247	Nguyễn Phước Khang	An	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513128	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 4	6.00	9.00
56	31221022734	Nguyễn Thị Thái	An	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
57	31221022734	Nguyễn Thị Thái	An	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
58	31221025121	Nguyễn Thị Xuân	An	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
59	31221025121	Nguyễn Thị Xuân	An	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
60	31221025121	Nguyễn Thị Xuân	An	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
61	31221025121	Nguyễn Thị Xuân	An	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
62	31221023424	Phan Hoài Phúc	An	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
63	31221023424	Phan Hoài Phúc	An	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
64	31221023424	Phan Hoài Phúc	An	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
65	31221023424	Phan Hoài Phúc	An	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
66	31221020083	Phan Minh	An	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 1	6.00	10.00
67	31221020083	Phan Minh	An	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	6.00	10.00
68	31221020083	Phan Minh	An	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 3	6.00	10.00
69	31221020083	Phan Minh	An	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513128	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 4	6.00	9.00
70	31221021521	Tô Thị Ngọc	An	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
71	31221021521	Tô Thị Ngọc	An	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
72	31221021521	Tô Thị Ngọc	An	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
73	31221021521	Tô Thị Ngọc	An	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
74	31221024889	Trần Khang	An	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
75	31221024889	Trần Khang	An	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
76	31221024889	Trần Khang	An	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
77	31221024889	Trần Khang	An	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
78	31221024669	Trần Quốc	An	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
79	31221024669	Trần Quốc	An	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
80	31221024669	Trần Quốc	An	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
81	31221024669	Trần Quốc	An	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
82	31221023251	Trần Thúy	An	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.00	10.00
83	31221023251	Trần Thúy	An	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.00	10.00
84	31221023251	Trần Thúy	An	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.00	10.00
85	31221023251	Trần Thúy	An	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.00	10.00
86	31221022609	Võ Ý	An	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
87	31221022609	Võ Ý	An	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
88	31221022609	Võ Ý	An	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
89	31221020810	Nguyễn Hồng	Ân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
90	31221020810	Nguyễn Hồng	Ân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
91	31221020810	Nguyễn Hồng	Ân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
92	31221020810	Nguyễn Hồng	Ân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
93	31221025263	Nguyễn Phúc Hiếu	Ân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
94	31221025263	Nguyễn Phúc Hiếu	Ân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
95	31221020611	Phạm Bùi Thiên	Ân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.00	10.00
96	31221020611	Phạm Bùi Thiên	Ân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
97	31221020611	Phạm Bùi Thiên	Ân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
98	31221020611	Phạm Bùi Thiên	Ân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.00	10.00
99	31221023253	Bùi Phương	Anh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
100	31221023253	Bùi Phương	Anh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
101	31221023253	Bùi Phương	Anh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
102	31221023253	Bùi Phương	Anh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
103	31221023269	Bùi Quang	Anh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
104	31221023269	Bùi Quang	Anh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
105	31221023269	Bùi Quang	Anh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
106	31221023269	Bùi Quang	Anh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
107	31221024986	Chu Tường	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
108	31221024986	Chu Tường	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
109	31221024986	Chu Tường	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
110	31221024986	Chu Tường	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
111	31221026762	Đặng Như Tuấn	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
112	31221026762	Đặng Như Tuấn	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
113	31221026762	Đặng Như Tuấn	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
114	31221020686	Đào Thị Quỳnh	Anh	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
115	31221020686	Đào Thị Quỳnh	Anh	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
116	31221020686	Đào Thị Quỳnh	Anh	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
117	31221020087	Đinh Thị Hồng	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
118	31221020087	Đinh Thị Hồng	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
119	31221020087	Đinh Thị Hồng	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
120	31221020087	Đinh Thị Hồng	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
121	31221023259	Đỗ Hải	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
122	31221023259	Đỗ Hải	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
123	31221023259	Đỗ Hải	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
124	31221023259	Đỗ Hải	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
125	31221027041	Đỗ Phạm Thị Vân	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
126	31221027041	Đỗ Phạm Thị Vân	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
127	31221027041	Đỗ Phạm Thị Vân	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
128	31221027041	Đỗ Phạm Thị Vân	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
129	31221023087	Đỗ Trung	Anh	Quản lý công - K48	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	645.00	10.00
130	31221023087	Đỗ Trung	Anh	Quản lý công - K48	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	645.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
131	31221023087	Đỗ Trung	Anh	Quản lý công - K48	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	645.00	9.00
132	31221023087	Đỗ Trung	Anh	Quản lý công - K48	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	645.00	8.00
133	31221021334	Đoàn Mai	Anh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
134	31221021334	Đoàn Mai	Anh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
135	31221021334	Đoàn Mai	Anh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
136	31221025264	Dương Quỳnh	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
137	31221025264	Dương Quỳnh	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
138	31221025264	Dương Quỳnh	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
139	31221023254	Hà Phương	Anh	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
140	31221023254	Hà Phương	Anh	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
141	31221023254	Hà Phương	Anh	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
142	31221023254	Hà Phương	Anh	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
143	31221022998	Hồ Quế	Anh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
144	31221020252	Hoàng Lê Trâm	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
145	31221020252	Hoàng Lê Trâm	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
146	31221020252	Hoàng Lê Trâm	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
147	31221020252	Hoàng Lê Trâm	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
148	31221020814	Hoàng Phương	Anh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
149	31221020814	Hoàng Phương	Anh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
150	31221026656	Hoàng Phương	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
151	31221026656	Hoàng Phương	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
152	31221026656	Hoàng Phương	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
153	31221024362	Hoàng Phương	Anh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
154	31221024362	Hoàng Phương	Anh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
155	31221024362	Hoàng Phương	Anh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
156	31221024362	Hoàng Phương	Anh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
157	31221025034	Hoàng Tú	Anh	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
158	31221025034	Hoàng Tú	Anh	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
159	31221025034	Hoàng Tú	Anh	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
160	31221025034	Hoàng Tú	Anh	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
161	31221020173	Kien Minh	Anh	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
162	31221020173	Kien Minh	Anh	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
163	31221026454	Lê Bảo	Anh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
164	31221026454	Lê Bảo	Anh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
165	31221026454	Lê Bảo	Anh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
166	31221026454	Lê Bảo	Anh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
167	31221020690	Lê Cao Nhật	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
168	31221020690	Lê Cao Nhật	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
169	31221020690	Lê Cao Nhật	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
170	31221020690	Lê Cao Nhật	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
171	31221020811	Lê Hoàng Lan	Anh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
172	31221020811	Lê Hoàng Lan	Anh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
173	31221020811	Lê Hoàng Lan	Anh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
174	31221023935	Lê Hoàng Thục	Anh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
175	31221023935	Lê Hoàng Thục	Anh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
176	31221023935	Lê Hoàng Thục	Anh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
177	31221024846	Lê Mai	Anh	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
178	31221024846	Lê Mai	Anh	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
179	31221024846	Lê Mai	Anh	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
180	31221024741	Lê Minh Hoàng	Anh	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
181	31221024741	Lê Minh Hoàng	Anh	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
182	31221024741	Lê Minh Hoàng	Anh	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
183	31221024741	Lê Minh Hoàng	Anh	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
184	31221025266	Lê Ngọc	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
185	31221025266	Lê Ngọc	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
186	31221025266	Lê Ngọc	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
187	31221025266	Lê Ngọc	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
188	31221024891	Lê Nguyễn Châu	Anh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
189	31221024891	Lê Nguyễn Châu	Anh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
190	31221023260	Lê Nguyễn Phương	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
191	31221023260	Lê Nguyễn Phương	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
192	31221021380	Lê Phạm Ngọc	Anh	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
193	31221021380	Lê Phạm Ngọc	Anh	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
194	31221021380	Lê Phạm Ngọc	Anh	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
195	31221021380	Lê Phạm Ngọc	Anh	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
196	31221020960	Lê Phương	Anh	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
197	31221020960	Lê Phương	Anh	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
198	31221020960	Lê Phương	Anh	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.00	8.00
199	31221020960	Lê Phương	Anh	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.00	7.00
200	31221026488	Lê Vũ Nhật	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
201	31221026488	Lê Vũ Nhật	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
202	31221026488	Lê Vũ Nhật	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
203	31221026488	Lê Vũ Nhật	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
204	31221021525	Lưu Kiều Vân	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
205	31221021525	Lưu Kiều Vân	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
206	31221021525	Lưu Kiều Vân	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
207	31221021525	Lưu Kiều Vân	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
208	31221026766	Ngô Châu	Anh	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
209	31221026766	Ngô Châu	Anh	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
210	31221026766	Ngô Châu	Anh	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
211	31221026766	Ngô Châu	Anh	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
212	31221023426	Ngô Đức Minh	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
213	31221022529	Ngô Lan	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
214	31221022529	Ngô Lan	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
215	31221022529	Ngô Lan	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
216	31221022529	Ngô Lan	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
217	31221023558	Nguyễn Đặng Tú	Anh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
218	31221023558	Nguyễn Đặng Tú	Anh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
219	31221023558	Nguyễn Đặng Tú	Anh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
220	31221023558	Nguyễn Đặng Tú	Anh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
221	31221020093	Nguyễn Đức Nam	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
222	31221020093	Nguyễn Đức Nam	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
223	31221020093	Nguyễn Đức Nam	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
224	31221020093	Nguyễn Đức Nam	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
225	31221020816	Nguyễn Hà Phương	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
226	31221020816	Nguyễn Hà Phương	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
227	31221020816	Nguyễn Hà Phương	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
228	31221020816	Nguyễn Hà Phương	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
229	31221020091	Nguyễn Hải	Anh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
230	31221020091	Nguyễn Hải	Anh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
231	31221020091	Nguyễn Hải	Anh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
232	31221020091	Nguyễn Hải	Anh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
233	31221020959	Nguyễn Hoàng	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	6.00	10.00
234	31221020959	Nguyễn Hoàng	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.00	10.00
235	31221020959	Nguyễn Hoàng	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.00	10.00
236	31221020959	Nguyễn Hoàng	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.00	9.00
237	31221026858	Nguyễn Hoàng Hạ	Anh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 1	6.50	10.00
238	31221026858	Nguyễn Hoàng Hạ	Anh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	6.50	10.00
239	31221026858	Nguyễn Hoàng Hạ	Anh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 3	6.50	10.00
240	31221026858	Nguyễn Hoàng Hạ	Anh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513128	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 4	6.50	10.00
241	31221020961	Nguyễn Hoàng Trâm	Anh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
242	31221020961	Nguyễn Hoàng Trâm	Anh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
243	31221020961	Nguyễn Hoàng Trâm	Anh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
244	31221020961	Nguyễn Hoàng Trâm	Anh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
245	31221021527	Nguyễn Huỳnh	Anh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513097	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 1	8.00	10.00
246	31221021527	Nguyễn Huỳnh	Anh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	8.00	10.00
247	31221021527	Nguyễn Huỳnh	Anh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	8.00	10.00
248	31221021527	Nguyễn Huỳnh	Anh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	8.00	10.00
249	31221020207	Nguyễn Lê Minh	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
250	31221020207	Nguyễn Lê Minh	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
251	31221020207	Nguyễn Lê Minh	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
252	31221020207	Nguyễn Lê Minh	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
253	31221026487	Nguyễn Lê Trúc	Anh	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
254	31221026487	Nguyễn Lê Trúc	Anh	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
255	31221023261	Nguyễn Lê Tú	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
256	31221023261	Nguyễn Lê Tú	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
257	31221023261	Nguyễn Lê Tú	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
258	31221023261	Nguyễn Lê Tú	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
259	31221027013	Nguyễn Mai	Anh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
260	31221027013	Nguyễn Mai	Anh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
261	31221024987	Nguyễn Mai	Anh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
262	31221024987	Nguyễn Mai	Anh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
263	31221024987	Nguyễn Mai	Anh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
264	31221024987	Nguyễn Mai	Anh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
265	31221025207	Nguyễn Mai	Anh	Tài chính CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	825.00	10.00
266	31221025207	Nguyễn Mai	Anh	Tài chính CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	825.00	10.00
267	31221025207	Nguyễn Mai	Anh	Tài chính CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	825.00	10.00
268	31221025207	Nguyễn Mai	Anh	Tài chính CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	825.00	10.00
269	31221023490	Nguyễn Minh	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
270	31221023490	Nguyễn Minh	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
271	31221023490	Nguyễn Minh	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
272	31221021249	Nguyễn Minh	Anh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
273	31221021249	Nguyễn Minh	Anh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
274	31221027071	Nguyễn Nhật	Anh	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
275	31221027071	Nguyễn Nhật	Anh	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
276	31221027071	Nguyễn Nhật	Anh	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
277	31221027071	Nguyễn Nhật	Anh	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
278	31221024500	Nguyễn Phạm Châu	Anh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
279	31221024500	Nguyễn Phạm Châu	Anh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
280	31221024500	Nguyễn Phạm Châu	Anh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
281	31221024500	Nguyễn Phạm Châu	Anh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
282	31221020535	Nguyễn Phước	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
283	31221020535	Nguyễn Phước	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
284	31221020535	Nguyễn Phước	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
285	31221020535	Nguyễn Phước	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
286	31221023945	Nguyễn Thái Phương	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
287	31221023945	Nguyễn Thái Phương	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
288	31221023945	Nguyễn Thái Phương	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
289	31221025538	Nguyễn Thị Kim	Anh	Kinh doanh thương mại - K48	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	780.00	10.00
290	31221025538	Nguyễn Thị Kim	Anh	Kinh doanh thương mại - K48	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	780.00	10.00
291	31221025538	Nguyễn Thị Kim	Anh	Kinh doanh thương mại - K48	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	780.00	10.00
292	31221025538	Nguyễn Thị Kim	Anh	Kinh doanh thương mại - K48	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	780.00	10.00
293	31221023262	Nguyễn Thị Lan	Anh	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
294	31221023262	Nguyễn Thị Lan	Anh	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
295	31221023262	Nguyễn Thị Lan	Anh	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
296	31221023262	Nguyễn Thị Lan	Anh	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
297	31221023806	Nguyễn Thị Lan	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
298	31221023806	Nguyễn Thị Lan	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
299	31221023806	Nguyễn Thị Lan	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
300	31221022774	Nguyễn Thị Minh	Anh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
301	31221022774	Nguyễn Thị Minh	Anh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
302	31221022774	Nguyễn Thị Minh	Anh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
303	31221022774	Nguyễn Thị Minh	Anh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
304	31221025200	Nguyễn Thị Phúc	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.50	10.00
305	31221025200	Nguyễn Thị Phúc	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.50	10.00
306	31221025200	Nguyễn Thị Phúc	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.50	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
307	31221025200	Nguyễn Thị Phúc	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.50	10.00
308	31221024610	Nguyễn Thục	Anh	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
309	31221024610	Nguyễn Thục	Anh	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
310	31221024610	Nguyễn Thục	Anh	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
311	31221024610	Nguyễn Thục	Anh	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
312	31221021085	Nguyễn Thụy Thùy	Anh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
313	31221021085	Nguyễn Thụy Thùy	Anh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
314	31221021085	Nguyễn Thụy Thùy	Anh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
315	31221021085	Nguyễn Thụy Thùy	Anh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
316	31221020471	Nguyễn Trần Cát	Anh	Quản trị bệnh viện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
317	31221020471	Nguyễn Trần Cát	Anh	Quản trị bệnh viện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
318	31221024722	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
319	31221024722	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
320	31221024722	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
321	31221024722	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
322	31221022401	Nguyễn Tuấn	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
323	31221022401	Nguyễn Tuấn	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
324	31221022401	Nguyễn Tuấn	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
325	31221022401	Nguyễn Tuấn	Anh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
326	31221020326	Nguyễn Vân	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
327	31221020326	Nguyễn Vân	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
328	31221020326	Nguyễn Vân	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
329	31221020326	Nguyễn Vân	Anh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
330	31221023946	Ninh Ngọc Lê	Anh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
331	31221023946	Ninh Ngọc Lê	Anh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
332	31221023946	Ninh Ngọc Lê	Anh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
333	31221023946	Ninh Ngọc Lê	Anh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
334	31221021530	Phạm Ngọc	Anh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
335	31221021530	Phạm Ngọc	Anh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
336	31221021530	Phạm Ngọc	Anh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
337	31221021530	Phạm Ngọc	Anh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
338	31221020963	Phạm Ngọc Quỳnh	Anh	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
339	31221020963	Phạm Ngọc Quỳnh	Anh	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
340	31221020963	Phạm Ngọc Quỳnh	Anh	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
341	31221020963	Phạm Ngọc Quỳnh	Anh	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
342	31221020688	Phạm Ngọc Trâm	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
343	31221020688	Phạm Ngọc Trâm	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
344	31221020688	Phạm Ngọc Trâm	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
345	31221020688	Phạm Ngọc Trâm	Anh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
346	31221020327	Phạm Phương	Anh	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
347	31221020327	Phạm Phương	Anh	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
348	31221020327	Phạm Phương	Anh	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
349	31221020327	Phạm Phương	Anh	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
350	31221020007	Phạm Thùy	Anh	Quản trị bệnh viện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
351	31221020007	Phạm Thùy	Anh	Quản trị bệnh viện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
352	31221020007	Phạm Thùy	Anh	Quản trị bệnh viện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
353	31221020007	Phạm Thùy	Anh	Quản trị bệnh viện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
354	31221023263	Trần Bảo	Anh	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
355	31221023263	Trần Bảo	Anh	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
356	31221023263	Trần Bảo	Anh	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
357	31221023263	Trần Bảo	Anh	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
358	31221026931	Trần Cao Minh	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
359	31221026489	Trần Lan	Anh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
360	31221026489	Trần Lan	Anh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
361	31221026489	Trần Lan	Anh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
362	31221025406	Trần Lê Văn	Anh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	765.00	10.00
363	31221025406	Trần Lê Văn	Anh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	765.00	10.00
364	31221025406	Trần Lê Văn	Anh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	765.00	10.00
365	31221025406	Trần Lê Văn	Anh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	765.00	10.00
366	31221022141	Trần Nhựt Lan	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.00	10.00
367	31221022141	Trần Nhựt Lan	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
368	31221022141	Trần Nhựt Lan	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
369	31221022141	Trần Nhựt Lan	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.00	10.00
370	31221022697	Trần Thị Phương	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
371	31221022697	Trần Thị Phương	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
372	31221022697	Trần Thị Phương	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
373	31221022697	Trần Thị Phương	Anh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
374	31221021242	Trần Thị Tú	Anh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
375	31221021242	Trần Thị Tú	Anh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
376	31221021242	Trần Thị Tú	Anh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
377	31221021242	Trần Thị Tú	Anh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
378	31221022400	Trịnh Hà Vân	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
379	31221022400	Trịnh Hà Vân	Anh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
380	31221022924	Trịnh Minh	Anh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
381	31221022924	Trịnh Minh	Anh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
382	31221022528	Trịnh Thị Quỳnh	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
383	31221022528	Trịnh Thị Quỳnh	Anh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
384	31221022205	Trương Ngọc Phương	Anh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
385	31221022205	Trương Ngọc Phương	Anh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
386	31221022205	Trương Ngọc Phương	Anh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
387	31221022205	Trương Ngọc Phương	Anh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
388	31221025151	Trương Thị Châu	Anh	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
389	31221025151	Trương Thị Châu	Anh	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
390	31221025151	Trương Thị Châu	Anh	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
391	31221023264	Vũ Vân	Anh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
392	31221023264	Vũ Vân	Anh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
393	31221023264	Vũ Vân	Anh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
394	31221020009	Đinh Lê Nhật	Ánh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
395	31221020009	Đinh Lê Nhật	Ánh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
396	31221020009	Đinh Lê Nhật	Ánh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
397	31221020009	Đinh Lê Nhật	Ánh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
398	31221020253	Dương Ngọc	Ánh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.50	10.00
399	31221020253	Dương Ngọc	Ánh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.50	10.00
400	31221020253	Dương Ngọc	Ánh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.50	10.00
401	31221020253	Dương Ngọc	Ánh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.50	10.00
402	31221023215	Huỳnh Thị Kim	Ánh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
403	31221023215	Huỳnh Thị Kim	Ánh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
404	31221023215	Huỳnh Thị Kim	Ánh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
405	31221023215	Huỳnh Thị Kim	Ánh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
406	31221023492	Mai Ngọc	Ánh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
407	31221023492	Mai Ngọc	Ánh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
408	31221023492	Mai Ngọc	Ánh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
409	31221023492	Mai Ngọc	Ánh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
410	31221024742	Mai Thủy	Ánh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
411	31221024742	Mai Thủy	Ánh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
412	31221024742	Mai Thủy	Ánh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
413	31221024564	Nguyễn Giang Ngọc	Ánh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
414	31221024564	Nguyễn Giang Ngọc	Ánh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
415	31221024564	Nguyễn Giang Ngọc	Ánh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
416	31221024564	Nguyễn Giang Ngọc	Ánh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
417	31221020691	Nguyễn Hoàng	Bách	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
418	31221020691	Nguyễn Hoàng	Bách	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
419	31221020691	Nguyễn Hoàng	Bách	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
420	31221020691	Nguyễn Hoàng	Bách	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
421	31221020328	Nguyễn Ngọc	Bách	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
422	31221020328	Nguyễn Ngọc	Bách	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
423	31221020328	Nguyễn Ngọc	Bách	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
424	31221020328	Nguyễn Ngọc	Bách	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
425	31221026894	Phạm Đình Khánh	Băng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
426	31221026894	Phạm Đình Khánh	Băng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
427	31221026894	Phạm Đình Khánh	Băng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
428	31221022349	Dương Gia	Bảo	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
429	31221022349	Dương Gia	Bảo	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
430	31221022349	Dương Gia	Bảo	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
431	31221022349	Dương Gia	Bảo	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
432	31221023881	Hà Phúc Gia	Bảo	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
433	31221023881	Hà Phúc Gia	Bảo	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
434	31221023881	Hà Phúc Gia	Bảo	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
435	31221025540	Huỳnh Phan Quốc	Bảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
436	31221025540	Huỳnh Phan Quốc	Bảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
437	31221022376	Lâm Gia	Bảo	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
438	31221022376	Lâm Gia	Bảo	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
439	31221022376	Lâm Gia	Bảo	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
440	31221022376	Lâm Gia	Bảo	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
441	31221020406	Lưu Trân	Bảo	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
442	31221020406	Lưu Trân	Bảo	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
443	31221020406	Lưu Trân	Bảo	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
444	31221020406	Lưu Trân	Bảo	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
445	31221021964	Lý Gia	Bảo	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
446	31221021964	Lý Gia	Bảo	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
447	31221022206	Ngô Quốc	Bảo	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
448	31221022206	Ngô Quốc	Bảo	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
449	31221022206	Ngô Quốc	Bảo	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
450	31221020820	Nguyễn Đình Quốc	Bảo	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
451	31221020820	Nguyễn Đình Quốc	Bảo	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
452	31221020820	Nguyễn Đình Quốc	Bảo	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
453	31221020820	Nguyễn Đình Quốc	Bảo	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
454	31221021917	Nguyễn Đức Nguyên	Bảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
455	31221021917	Nguyễn Đức Nguyên	Bảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
456	31221021917	Nguyễn Đức Nguyên	Bảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
457	31221021917	Nguyễn Đức Nguyên	Bảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
458	31221023273	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
459	31221023273	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
460	31221023273	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
461	31221023273	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
462	31221024744	Nguyễn Quốc	Bảo	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
463	31221024744	Nguyễn Quốc	Bảo	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
464	31221024744	Nguyễn Quốc	Bảo	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.00	8.00
465	31221024744	Nguyễn Quốc	Bảo	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.00	7.00
466	31221022402	Nguyễn Tấn Gia	Bảo	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
467	31221022402	Nguyễn Tấn Gia	Bảo	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
468	31221022402	Nguyễn Tấn Gia	Bảo	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
469	31221022402	Nguyễn Tấn Gia	Bảo	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
470	31221025036	Nguyễn Thị Ngọc	Bảo	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
471	31221025036	Nguyễn Thị Ngọc	Bảo	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
472	31221025036	Nguyễn Thị Ngọc	Bảo	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
473	31221025036	Nguyễn Thị Ngọc	Bảo	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
474	31221021651	Nguyễn Thiên	Bảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
475	31221021651	Nguyễn Thiên	Bảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
476	31221021651	Nguyễn Thiên	Bảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
477	31221026573	Thái Ngọc	Bảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.50	10.00
478	31221026573	Thái Ngọc	Bảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.50	10.00
479	31221026573	Thái Ngọc	Bảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.50	10.00
480	31221025926	Trần Gia	Bảo	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
481	31221025926	Trần Gia	Bảo	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
482	31221025926	Trần Gia	Bảo	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
483	31221025926	Trần Gia	Bảo	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
484	31221025268	Trần Hoàng Tuấn	Bảo	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
485	31221025268	Trần Hoàng Tuấn	Bảo	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
486	31221025268	Trần Hoàng Tuấn	Bảo	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
487	31221025268	Trần Hoàng Tuấn	Bảo	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
488	31221021092	Võ Hoàng	Bảo	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
489	31221021092	Võ Hoàng	Bảo	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
490	31221021092	Võ Hoàng	Bảo	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.00	8.00
491	31221021092	Võ Hoàng	Bảo	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.00	7.00
492	31221023955	Lưu Huỳnh Quốc	Bình	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
493	31221023955	Lưu Huỳnh Quốc	Bình	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
494	31221023955	Lưu Huỳnh Quốc	Bình	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
495	31221023955	Lưu Huỳnh Quốc	Bình	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
496	31221023808	Nguyễn Duy	Bình	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
497	31221023808	Nguyễn Duy	Bình	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
498	31221023808	Nguyễn Duy	Bình	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
499	31221023808	Nguyễn Duy	Bình	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
500	31221021185	Nguyễn Hòa	Bình	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
501	31221021185	Nguyễn Hòa	Bình	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
502	31221021185	Nguyễn Hòa	Bình	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
503	31221021185	Nguyễn Hòa	Bình	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
504	31221020821	Nguyễn Ngọc Mỹ	Bình	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
505	31221020821	Nguyễn Ngọc Mỹ	Bình	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
506	31221020821	Nguyễn Ngọc Mỹ	Bình	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
507	31221020821	Nguyễn Ngọc Mỹ	Bình	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
508	31221023274	Nguyễn Ngọc Thanh	Bình	Kinh doanh nông nghiệp - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
509	31221023274	Nguyễn Ngọc Thanh	Bình	Kinh doanh nông nghiệp - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
510	31221023274	Nguyễn Ngọc Thanh	Bình	Kinh doanh nông nghiệp - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
511	31221023274	Nguyễn Ngọc Thanh	Bình	Kinh doanh nông nghiệp - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
512	31221021532	Nguyễn Thị Mai	Bình	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513097	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 1	6.00	10.00
513	31221021532	Nguyễn Thị Mai	Bình	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	6.00	10.00
514	31221021532	Nguyễn Thị Mai	Bình	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	6.00	10.00
515	31221021532	Nguyễn Thị Mai	Bình	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	6.00	9.00
516	31221022142	Nguyễn Thị Xuân	Bình	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
517	31221022142	Nguyễn Thị Xuân	Bình	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
518	31221022142	Nguyễn Thị Xuân	Bình	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
519	31221022404	Võ Thiệu	Bình	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
520	31221022404	Võ Thiệu	Bình	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
521	31221022404	Võ Thiệu	Bình	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
522	31221022404	Võ Thiệu	Bình	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
523	31221020011	Nông Bội	Bội	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
524	31221020011	Nông Bội	Bội	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
525	31221020011	Nông Bội	Bội	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
526	31221020011	Nông Bội	Bội	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
527	31221020331	Trịnh Ngọc	Các	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
528	31221020331	Trịnh Ngọc	Các	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
529	31221020331	Trịnh Ngọc	Các	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
530	31221020331	Trịnh Ngọc	Các	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
531	31221024678	Bùi Lê Bảo	Châu	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
532	31221024678	Bùi Lê Bảo	Châu	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
533	31221024678	Bùi Lê Bảo	Châu	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
534	31221024678	Bùi Lê Bảo	Châu	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
535	31221020616	Đỗ Ngọc Minh	Châu	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
536	31221020616	Đỗ Ngọc Minh	Châu	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
537	31221020616	Đỗ Ngọc Minh	Châu	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
538	31221020616	Đỗ Ngọc Minh	Châu	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
539	31221025154	Hoàng Hải	Châu	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
540	31221025154	Hoàng Hải	Châu	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
541	31221025154	Hoàng Hải	Châu	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
542	31221025154	Hoàng Hải	Châu	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
543	31221023430	Hoàng Thị Bảo	Châu	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
544	31221020696	Lê Bảo	Châu	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
545	31221020696	Lê Bảo	Châu	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
546	31221020696	Lê Bảo	Châu	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
547	31221020696	Lê Bảo	Châu	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
548	31221025155	Lê Thị Minh	Châu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
549	31221025155	Lê Thị Minh	Châu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
550	31221025155	Lê Thị Minh	Châu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
551	31221025155	Lê Thị Minh	Châu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
552	31221025367	Nguyễn Lê Quỳnh	Châu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
553	31221025367	Nguyễn Lê Quỳnh	Châu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
554	31221025367	Nguyễn Lê Quỳnh	Châu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
555	31221025367	Nguyễn Lê Quỳnh	Châu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
556	31221024746	Nguyễn Phụng	Châu	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
557	31221024746	Nguyễn Phụng	Châu	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
558	31221024746	Nguyễn Phụng	Châu	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
559	31221024746	Nguyễn Phụng	Châu	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
560	31221020474	Phan Lê Bảo	Châu	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
561	31221020474	Phan Lê Bảo	Châu	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
562	31221020474	Phan Lê Bảo	Châu	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
563	31221020474	Phan Lê Bảo	Châu	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
564	31221020212	Trần Minh	Châu	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
565	31221020212	Trần Minh	Châu	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
566	31221020212	Trần Minh	Châu	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
567	31221020212	Trần Minh	Châu	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
568	31221020211	Trịnh Ngọc Minh	Châu	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
569	31221020211	Trịnh Ngọc Minh	Châu	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
570	31221020211	Trịnh Ngọc Minh	Châu	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
571	31221020211	Trịnh Ngọc Minh	Châu	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
572	31221024998	Cao Phan Bảo	Chi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
573	31221024998	Cao Phan Bảo	Chi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
574	31221024998	Cao Phan Bảo	Chi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
575	31221024998	Cao Phan Bảo	Chi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
576	31221020699	Đặng Ngọc Na	Chi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.00	10.00
577	31221020699	Đặng Ngọc Na	Chi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
578	31221023276	Đỗ Quỳnh	Chi	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
579	31221023276	Đỗ Quỳnh	Chi	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
580	31221023276	Đỗ Quỳnh	Chi	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
581	31221023276	Đỗ Quỳnh	Chi	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
582	31221020700	Phạm Khánh	Chi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
583	31221020700	Phạm Khánh	Chi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
584	31221020700	Phạm Khánh	Chi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
585	31221024481	Trần Võ Quỳnh	Chi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
586	31221024481	Trần Võ Quỳnh	Chi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
587	31221024481	Trần Võ Quỳnh	Chi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
588	31221024481	Trần Võ Quỳnh	Chi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
589	31221021386	Trần Phạm Thanh	Chúc	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
590	31221021386	Trần Phạm Thanh	Chúc	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
591	31221021386	Trần Phạm Thanh	Chúc	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
592	31221021386	Trần Phạm Thanh	Chúc	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
593	31221026574	Đinh Chí	Công	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513072	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	6.50	10.00
594	31221026574	Đinh Chí	Công	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513073	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	6.50	10.00
595	31221026574	Đinh Chí	Công	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513074	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P3	6.50	10.00
596	31221026574	Đinh Chí	Công	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513075	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P4	6.50	9.00
597	31221023962	Châu Việt	Cường	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
598	31221023962	Châu Việt	Cường	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
599	31221023962	Châu Việt	Cường	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
600	31221020408	Đỗ Quốc	Cường	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
601	31221020408	Đỗ Quốc	Cường	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
602	31221025064	Lê Long	Cường	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
603	31221025064	Lê Long	Cường	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
604	31221025064	Lê Long	Cường	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
605	31221025064	Lê Long	Cường	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
606	31221020826	Nguyễn Mạnh	Cường	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
607	31221020826	Nguyễn Mạnh	Cường	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
608	31221020826	Nguyễn Mạnh	Cường	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
609	31221020826	Nguyễn Mạnh	Cường	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
610	31221021186	Ông Ngô Việt	Cường	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.00	10.00
611	31221021186	Ông Ngô Việt	Cường	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.00	10.00
612	31221021186	Ông Ngô Việt	Cường	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.00	10.00
613	31221021186	Ông Ngô Việt	Cường	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.00	10.00
614	31221027114	Phùng Minh	Cường	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
615	31221027114	Phùng Minh	Cường	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
616	31221027114	Phùng Minh	Cường	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
617	31221026576	Nguyễn Linh	Đan	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
618	31221022532	Nguyễn Ngọc Linh	Đan	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
619	31221022532	Nguyễn Ngọc Linh	Đan	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
620	31221022532	Nguyễn Ngọc Linh	Đan	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
621	31221022532	Nguyễn Ngọc Linh	Đan	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
622	31221023963	Nguyễn Yên	Đan	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
623	31221023963	Nguyễn Yên	Đan	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
624	31221023963	Nguyễn Yên	Đan	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.00	10.00
625	31221025710	Trần Tuyết	Đan	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
626	31221025710	Trần Tuyết	Đan	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
627	31221025710	Trần Tuyết	Đan	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.00	8.00
628	31221026895	Trương Nữ Ý	Đan	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
629	31221026895	Trương Nữ Ý	Đan	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
630	31221026895	Trương Nữ Ý	Đan	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
631	31221026895	Trương Nữ Ý	Đan	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
632	31221024492	Võ Tâm	Đan	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
633	31221024492	Võ Tâm	Đan	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
634	31221024492	Võ Tâm	Đan	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
635	31221024492	Võ Tâm	Đan	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
636	31221020828	Bùi Hoàng	Danh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
637	31221020828	Bùi Hoàng	Danh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
638	31221021850	Phan Thị Hồng	Đào	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
639	31221021850	Phan Thị Hồng	Đào	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
640	31221021850	Phan Thị Hồng	Đào	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
641	31221021850	Phan Thị Hồng	Đào	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
642	31221027068	Hoàng Trần Tuấn	Đạt	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
643	31221027068	Hoàng Trần Tuấn	Đạt	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
644	31221027068	Hoàng Trần Tuấn	Đạt	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
645	31221027068	Hoàng Trần Tuấn	Đạt	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
646	31221022096	Lê Thành	Đạt	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
647	31221022096	Lê Thành	Đạt	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
648	31221022096	Lê Thành	Đạt	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
649	31221024566	Nguyễn Quốc	Đạt	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
650	31221024566	Nguyễn Quốc	Đạt	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
651	31221024566	Nguyễn Quốc	Đạt	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
652	31221024566	Nguyễn Quốc	Đạt	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
653	31221020464	Nguyễn Sỹ	Đạt	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
654	31221020464	Nguyễn Sỹ	Đạt	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
655	31221020464	Nguyễn Sỹ	Đạt	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
656	31221021190	Nguyễn Thành	Đạt	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
657	31221021190	Nguyễn Thành	Đạt	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
658	31221021190	Nguyễn Thành	Đạt	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
659	31221021190	Nguyễn Thành	Đạt	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
660	31221025544	Nguyễn Trần Tiến	Đạt	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
661	31221025544	Nguyễn Trần Tiến	Đạt	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
662	31221025544	Nguyễn Trần Tiến	Đạt	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
663	31221024902	Phạm Đoàn Tiến	Đạt	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
664	31221024902	Phạm Đoàn Tiến	Đạt	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
665	31221024902	Phạm Đoàn Tiến	Đạt	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
666	31221024902	Phạm Đoàn Tiến	Đạt	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
667	31221024701	Phan Thành	Đạt	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
668	31221024701	Phan Thành	Đạt	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
669	31221024701	Phan Thành	Đạt	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.00	10.00
670	31221023030	Thái Thành	Đạt	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
671	31221023030	Thái Thành	Đạt	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
672	31221024901	Trần Nguyên Triệu	Đạt	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
673	31221024901	Trần Nguyên Triệu	Đạt	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
674	31221024901	Trần Nguyên Triệu	Đạt	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
675	31221024901	Trần Nguyên Triệu	Đạt	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
676	31221022740	Trần Quốc	Đạt	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
677	31221022740	Trần Quốc	Đạt	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
678	31221022740	Trần Quốc	Đạt	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
679	31221022740	Trần Quốc	Đạt	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
680	31221025065	Trần Văn Tấn	Đạt	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
681	31221025065	Trần Văn Tấn	Đạt	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
682	31221025065	Trần Văn Tấn	Đạt	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
683	31221025065	Trần Văn Tấn	Đạt	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
684	31221025066	Trương Tuấn	Đạt	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.00	10.00
685	31221025066	Trương Tuấn	Đạt	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.00	10.00
686	31221025066	Trương Tuấn	Đạt	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.00	10.00
687	31221025066	Trương Tuấn	Đạt	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.00	10.00
688	31221026029	Võ Trương Hiền	Đạt	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
689	31221026029	Võ Trương Hiền	Đạt	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
690	31221026029	Võ Trương Hiền	Đạt	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
691	31221026029	Võ Trương Hiền	Đạt	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
692	31221023073	Trần Nguyễn Gia	Di	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
693	31221020829	Trương Khánh	Di	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.00	10.00
694	31221020829	Trương Khánh	Di	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.00	10.00
695	31221020829	Trương Khánh	Di	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.00	10.00
696	31221020829	Trương Khánh	Di	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.00	10.00
697	31221025014	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
698	31221025014	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
699	31221025014	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
700	31221025014	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
701	31221025545	Trần Huy	Đô	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
702	31221025545	Trần Huy	Đô	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
703	31221025545	Trần Huy	Đô	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
704	31221025545	Trần Huy	Đô	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
705	31221020830	Phù Chí	Doãn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
706	31221020830	Phù Chí	Doãn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
707	31221020830	Phù Chí	Doãn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
708	31221020830	Phù Chí	Doãn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
709	31221020213	Bùi Hồ Thục	Đoan	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
710	31221020213	Bùi Hồ Thục	Đoan	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
711	31221020213	Bùi Hồ Thục	Đoan	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
712	31221020213	Bùi Hồ Thục	Đoan	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
713	31221024652	Nguyễn Thị Thục	Đoan	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
714	31221024652	Nguyễn Thị Thục	Đoan	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
715	31221024652	Nguyễn Thị Thục	Đoan	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
716	31221024652	Nguyễn Thị Thục	Đoan	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
717	31221020476	Đồng Nguyễn Ngọc	Đức	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
718	31221020476	Đồng Nguyễn Ngọc	Đức	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
719	31221020476	Đồng Nguyễn Ngọc	Đức	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
720	31221020476	Đồng Nguyễn Ngọc	Đức	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
721	31221025067	Hoàng Nhật	Đức	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
722	31221025067	Hoàng Nhật	Đức	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
723	31221024904	Lê Minh	Đức	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
724	31221024904	Lê Minh	Đức	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
725	31221024904	Lê Minh	Đức	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
726	31221023968	Nguyễn Minh	Đức	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
727	31221023968	Nguyễn Minh	Đức	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
728	31221023968	Nguyễn Minh	Đức	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
729	31221023968	Nguyễn Minh	Đức	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
730	31221022124	Trần Gia	Đức	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
731	31221022124	Trần Gia	Đức	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
732	31221022124	Trần Gia	Đức	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
733	31221026771	Bùi Phương	Dung	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
734	31221026771	Bùi Phương	Dung	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
735	31221020708	Đào Trần Phương	Dung	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
736	31221020708	Đào Trần Phương	Dung	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
737	31221024702	Lâm Ngọc	Dung	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
738	31221024702	Lâm Ngọc	Dung	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
739	31221024702	Lâm Ngọc	Dung	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
740	31221024702	Lâm Ngọc	Dung	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
741	31221022611	Nguyễn Hạnh	Dung	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
742	31221025453	Phan Kim	Dung	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	770.00	10.00
743	31221025453	Phan Kim	Dung	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	770.00	10.00
744	31221025453	Phan Kim	Dung	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	770.00	10.00
745	31221025453	Phan Kim	Dung	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	770.00	10.00
746	31221025068	Võ Thị Thùy	Dung	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
747	31221025068	Võ Thị Thùy	Dung	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
748	31221025068	Võ Thị Thùy	Dung	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
749	31221025068	Võ Thị Thùy	Dung	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
750	31221022776	Cao Lê Xuân	Dũng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
751	31221022776	Cao Lê Xuân	Dũng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
752	31221022776	Cao Lê Xuân	Dũng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
753	31221022776	Cao Lê Xuân	Dũng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
754	31221023283	Trần Mạnh	Dũng	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
755	31221023283	Trần Mạnh	Dũng	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
756	31221023283	Trần Mạnh	Dũng	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
757	31221023283	Trần Mạnh	Dũng	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
758	31221025800	Trần Minh	Dũng	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
759	31221025800	Trần Minh	Dũng	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
760	31221025800	Trần Minh	Dũng	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
761	31221025800	Trần Minh	Dũng	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
762	31221023284	Trần Tấn	Dũng	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	910.00	10.00
763	31221023284	Trần Tấn	Dũng	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	910.00	10.00
764	31221023284	Trần Tấn	Dũng	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	910.00	10.00
765	31221023284	Trần Tấn	Dũng	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	910.00	10.00
766	31221022500	Châu Đặng Thùy	Dương	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.00	9.00
767	31221022500	Châu Đặng Thùy	Dương	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.00	8.00
768	31221024427	Châu Kiến	Dương	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
769	31221024427	Châu Kiến	Dương	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
770	31221024427	Châu Kiến	Dương	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
771	31221024427	Châu Kiến	Dương	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
772	31221020709	Đặng Quý	Dương	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
773	31221020709	Đặng Quý	Dương	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
774	31221020709	Đặng Quý	Dương	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
775	31221020709	Đặng Quý	Dương	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
776	31221025273	Hoàng Nguyễn Thùy	Dương	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
777	31221025273	Hoàng Nguyễn Thùy	Dương	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
778	31221025273	Hoàng Nguyễn Thùy	Dương	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
779	31221025273	Hoàng Nguyễn Thùy	Dương	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
780	31221025625	Lê Thanh Thùy	Dương	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
781	31221025625	Lê Thanh Thùy	Dương	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
782	31221025625	Lê Thanh Thùy	Dương	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
783	31221025625	Lê Thanh Thùy	Dương	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
784	31221022651	Lê Thị Ánh	Dương	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
785	31221022651	Lê Thị Ánh	Dương	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
786	31221022651	Lê Thị Ánh	Dương	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
787	31221022651	Lê Thị Ánh	Dương	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
788	31221022537	Nguyễn Bình Hải	Dương	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	8.00	10.00
789	31221022537	Nguyễn Bình Hải	Dương	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	8.00	10.00
790	31221022537	Nguyễn Bình Hải	Dương	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	8.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
791	31221022537	Nguyễn Bình Hải	Dương	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	8.00	10.00
792	31221021390	Nguyễn Đoàn Hải	Dương	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
793	31221021390	Nguyễn Đoàn Hải	Dương	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
794	31221021390	Nguyễn Đoàn Hải	Dương	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
795	31221021390	Nguyễn Đoàn Hải	Dương	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
796	31221025225	Nguyễn Hải	Dương	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
797	31221026962	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
798	31221026962	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
799	31221026492	Nguyễn Thùy	Dương	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
800	31221026492	Nguyễn Thùy	Dương	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
801	31221026492	Nguyễn Thùy	Dương	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
802	31221026492	Nguyễn Thùy	Dương	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
803	31221027129	Phạm Thùy	Dương	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 1	6.50	10.00
804	31221027129	Phạm Thùy	Dương	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	6.50	10.00
805	31221027129	Phạm Thùy	Dương	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 3	6.50	10.00
806	31221026861	Phạm Thùy	Dương	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
807	31221026861	Phạm Thùy	Dương	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
808	31221026861	Phạm Thùy	Dương	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
809	31221026861	Phạm Thùy	Dương	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
810	31221022591	Trần Thùy	Dương	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
811	31221022591	Trần Thùy	Dương	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
812	31221022591	Trần Thùy	Dương	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
813	31221022591	Trần Thùy	Dương	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
814	31221022630	Võ Hoàng	Dương	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
815	31221022630	Võ Hoàng	Dương	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
816	31221022630	Võ Hoàng	Dương	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.00	8.00
817	31221021096	Võ Nguyên Thùy	Dương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
818	31221021096	Võ Nguyên Thùy	Dương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
819	31221021096	Võ Nguyên Thùy	Dương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
820	31221021096	Võ Nguyên Thùy	Dương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
821	31221022702	Đặng Vũ Hữu	Duy	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
822	31221022702	Đặng Vũ Hữu	Duy	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
823	31221022702	Đặng Vũ Hữu	Duy	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
824	31221022702	Đặng Vũ Hữu	Duy	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
825	31221021258	Kiều Bảo	Duy	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
826	31221021258	Kiều Bảo	Duy	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
827	31221021258	Kiều Bảo	Duy	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
828	31221025801	Lê Vũ	Duy	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513072	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	7.00	10.00
829	31221025801	Lê Vũ	Duy	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513073	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	7.00	10.00
830	31221025801	Lê Vũ	Duy	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513074	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P3	7.00	10.00
831	31221025801	Lê Vũ	Duy	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513075	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P4	7.00	10.00
832	31221020832	Ngô Bảo	Duy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 1	6.50	10.00
833	31221020832	Ngô Bảo	Duy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	6.50	10.00
834	31221020832	Ngô Bảo	Duy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 3	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
835	31221020832	Ngô Bảo	Duy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513128	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 4	6.50	10.00
836	31221020096	Thân Trọng	Duy	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
837	31221020096	Thân Trọng	Duy	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
838	31221020096	Thân Trọng	Duy	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
839	31221020096	Thân Trọng	Duy	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
840	31221023565	Thời Minh	Duy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
841	31221023565	Thời Minh	Duy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
842	31221023565	Thời Minh	Duy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
843	31221023565	Thời Minh	Duy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
844	31221023143	Trần Minh	Duy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
845	31221023143	Trần Minh	Duy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
846	31221023143	Trần Minh	Duy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
847	31221023143	Trần Minh	Duy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
848	31221022368	Trần Thái	Duy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
849	31221022368	Trần Thái	Duy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
850	31221022368	Trần Thái	Duy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
851	31221022099	Cao Nguyễn Mỹ	Duyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
852	31221022099	Cao Nguyễn Mỹ	Duyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
853	31221023773	Dương Thị Kỳ	Duyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
854	31221023773	Dương Thị Kỳ	Duyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
855	31221023773	Dương Thị Kỳ	Duyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
856	31221023773	Dương Thị Kỳ	Duyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
857	31221021538	Nguyễn Cao Hoài	Duyên	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
858	31221021538	Nguyễn Cao Hoài	Duyên	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
859	31221021538	Nguyễn Cao Hoài	Duyên	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
860	31221021538	Nguyễn Cao Hoài	Duyên	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
861	31221026477	Nguyễn Đoàn Mỹ	Duyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
862	31221026477	Nguyễn Đoàn Mỹ	Duyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
863	31221026477	Nguyễn Đoàn Mỹ	Duyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
864	31221025069	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
865	31221025069	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
866	31221020178	Phan Đoàn Kim	Duyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.50	10.00
867	31221020178	Phan Đoàn Kim	Duyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.50	10.00
868	31221020178	Phan Đoàn Kim	Duyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.50	10.00
869	31221025369	Phan Lê Thùy	Duyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
870	31221024814	Trà Lê Hoài	Duyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
871	31221024814	Trà Lê Hoài	Duyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
872	31221024814	Trà Lê Hoài	Duyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
873	31221020833	Trịnh Phương Mai	Duyên	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
874	31221020833	Trịnh Phương Mai	Duyên	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
875	31221020833	Trịnh Phương Mai	Duyên	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
876	31221020833	Trịnh Phương Mai	Duyên	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
877	31221025500	Đặng Quỳnh	Giang	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
878	31221025500	Đặng Quỳnh	Giang	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
879	31221025500	Đặng Quỳnh	Giang	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
880	31221025500	Đặng Quỳnh	Giang	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
881	31221020834	Đào Lê Tịnh	Giang	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.00	9.00
882	31221023973	Hồ Hương	Giang	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
883	31221023973	Hồ Hương	Giang	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
884	31221024975	Hồ Thị Trà	Giang	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
885	31221024975	Hồ Thị Trà	Giang	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
886	31221024975	Hồ Thị Trà	Giang	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
887	31221024975	Hồ Thị Trà	Giang	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
888	31221023567	La Hoàng	Giang	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
889	31221023567	La Hoàng	Giang	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
890	31221023567	La Hoàng	Giang	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
891	31221023567	La Hoàng	Giang	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
892	31221025498	Lê Hạ	Giang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
893	31221025498	Lê Hạ	Giang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
894	31221025498	Lê Hạ	Giang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
895	31221023971	Lê Nguyễn Hương	Giang	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513097	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 1	6.50	10.00
896	31221023971	Lê Nguyễn Hương	Giang	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	6.50	10.00
897	31221023971	Lê Nguyễn Hương	Giang	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	6.50	10.00
898	31221023971	Lê Nguyễn Hương	Giang	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	6.50	10.00
899	31221023289	Lê Trường	Giang	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
900	31221023289	Lê Trường	Giang	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
901	31221023289	Lê Trường	Giang	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
902	31221023289	Lê Trường	Giang	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
903	31221023290	Nguyễn Hoàng Ngân	Giang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
904	31221023290	Nguyễn Hoàng Ngân	Giang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
905	31221023290	Nguyễn Hoàng Ngân	Giang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
906	31221024847	Nguyễn Hương	Giang	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
907	31221024847	Nguyễn Hương	Giang	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
908	31221024847	Nguyễn Hương	Giang	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
909	31221024847	Nguyễn Hương	Giang	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
910	31221024278	Nguyễn Hương	Giang	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
911	31221024278	Nguyễn Hương	Giang	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
912	31221024278	Nguyễn Hương	Giang	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
913	31221024278	Nguyễn Hương	Giang	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
914	31221022745	Nguyễn Linh Hương	Giang	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
915	31221022745	Nguyễn Linh Hương	Giang	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
916	31221022265	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
917	31221022265	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
918	31221022265	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
919	31221022265	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
920	31221022408	Nguyễn Ngọc Trà	Giang	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
921	31221022408	Nguyễn Ngọc Trà	Giang	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
922	31221022408	Nguyễn Ngọc Trà	Giang	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
923	31221022408	Nguyễn Ngọc Trà	Giang	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
924	31221025548	Phạm Nguyễn Hương	Giang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
925	31221025548	Phạm Nguyễn Hương	Giang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
926	31221025548	Phạm Nguyễn Hương	Giang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
927	31221025548	Phạm Nguyễn Hương	Giang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
928	31221021656	Nguyễn Huỳnh Hương	Giao	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
929	31221021656	Nguyễn Huỳnh Hương	Giao	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
930	31221021656	Nguyễn Huỳnh Hương	Giao	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
931	31221021656	Nguyễn Huỳnh Hương	Giao	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
932	31221024748	Nguyễn Võ Quỳnh	Giao	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.00	9.00
933	31221024748	Nguyễn Võ Quỳnh	Giao	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.00	8.00
934	31221022538	Võ Nguyên	Giáp	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
935	31221022538	Võ Nguyên	Giáp	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
936	31221024749	Đặng Kim Xuân	Hà	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
937	31221024749	Đặng Kim Xuân	Hà	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
938	31221023293	Đinh Ngọc	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
939	31221023293	Đinh Ngọc	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
940	31221023293	Đinh Ngọc	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
941	31221023293	Đinh Ngọc	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
942	31221023291	Đỗ Thu	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
943	31221023291	Đỗ Thu	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
944	31221023291	Đỗ Thu	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
945	31221023291	Đỗ Thu	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
946	31221020099	Lê Thị Ngân	Hà	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
947	31221020099	Lê Thị Ngân	Hà	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
948	31221020099	Lê Thị Ngân	Hà	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
949	31221020099	Lê Thị Ngân	Hà	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
950	31221027115	Nguyễn Hoàng Khánh	Hà	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
951	31221027115	Nguyễn Hoàng Khánh	Hà	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
952	31221023292	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hà	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
953	31221023292	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hà	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
954	31221023292	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hà	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
955	31221023292	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hà	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
956	31221020101	Nguyễn Minh	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
957	31221020101	Nguyễn Minh	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
958	31221020101	Nguyễn Minh	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
959	31221020101	Nguyễn Minh	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
960	31221021100	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
961	31221021100	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
962	31221021100	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
963	31221021100	Nguyễn Thị Mỹ	Hà	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
964	31221025552	Nguyễn Viết Khánh	Hà	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
965	31221022145	Phạm Khánh	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
966	31221022145	Phạm Khánh	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
967	31221022145	Phạm Khánh	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
968	31221022145	Phạm Khánh	Hà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
969	31221020100	Võ Trúc	Hà	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
970	31221020100	Võ Trúc	Hà	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
971	31221020100	Võ Trúc	Hà	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
972	31221023032	Bạch Châu Liên	Hạ	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
973	31221023032	Bạch Châu Liên	Hạ	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
974	31221023032	Bạch Châu Liên	Hạ	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
975	31221023032	Bạch Châu Liên	Hạ	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
976	31221026281	Đào Nguyên Nhật	Hạ	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
977	31221026281	Đào Nguyên Nhật	Hạ	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
978	31221026281	Đào Nguyên Nhật	Hạ	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
979	31221026281	Đào Nguyên Nhật	Hạ	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
980	31221023295	Phạm Viết	Hải	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
981	31221023295	Phạm Viết	Hải	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
982	31221023295	Phạm Viết	Hải	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
983	31221023295	Phạm Viết	Hải	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
984	31221020836	Trương Thế	Hải	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
985	31221020836	Trương Thế	Hải	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
986	31221020836	Trương Thế	Hải	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
987	31221020836	Trương Thế	Hải	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
988	31221023980	Bùi Gia	Hân	Quản lý công - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
989	31221023980	Bùi Gia	Hân	Quản lý công - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.00	8.00
990	31221023980	Bùi Gia	Hân	Quản lý công - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.00	7.00
991	31221021548	Bùi Lê Bảo	Hân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
992	31221021548	Bùi Lê Bảo	Hân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
993	31221021548	Bùi Lê Bảo	Hân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
994	31221021548	Bùi Lê Bảo	Hân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
995	31221020264	Bùi Thục	Hân	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
996	31221020264	Bùi Thục	Hân	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
997	31221020264	Bùi Thục	Hân	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
998	31221026047	Đinh Gia	Hân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
999	31221026047	Đinh Gia	Hân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1000	31221026047	Đinh Gia	Hân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1001	31221026047	Đinh Gia	Hân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1002	31221020339	Đỗ Gia	Hân	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1003	31221020339	Đỗ Gia	Hân	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1004	31221020339	Đỗ Gia	Hân	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1005	31221020339	Đỗ Gia	Hân	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1006	31221023449	Đoàn Khải	Hân	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1007	31221023449	Đoàn Khải	Hân	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1008	31221023449	Đoàn Khải	Hân	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1009	31221023449	Đoàn Khải	Hân	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1010	31221023979	Đoàn Trịnh Ngọc	Hân	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1011	31221023979	Đoàn Trịnh Ngọc	Hân	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1012	31221023979	Đoàn Trịnh Ngọc	Hân	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1013	31221021193	Dương Gia	Hân	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1014	31221021193	Dương Gia	Hân	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1015	31221021193	Dương Gia	Hân	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1016	31221021193	Dương Gia	Hân	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1017	31221020975	Hồ Vũ Gia	Hân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1018	31221020975	Hồ Vũ Gia	Hân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1019	31221020975	Hồ Vũ Gia	Hân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1020	31221020975	Hồ Vũ Gia	Hân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1021	31221025696	Huỳnh Gia	Hân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1022	31221025696	Huỳnh Gia	Hân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1023	31221025696	Huỳnh Gia	Hân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1024	31221025696	Huỳnh Gia	Hân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1025	31221020338	Huỳnh Gia	Hân	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
1026	31221020338	Huỳnh Gia	Hân	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
1027	31221020338	Huỳnh Gia	Hân	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
1028	31221020338	Huỳnh Gia	Hân	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
1029	31221021458	Lạc Gia	Hân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
1030	31221021458	Lạc Gia	Hân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
1031	31221021458	Lạc Gia	Hân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
1032	31221021458	Lạc Gia	Hân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
1033	31221024428	Lê Gia	Hân	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
1034	31221024428	Lê Gia	Hân	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
1035	31221024428	Lê Gia	Hân	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
1036	31221024428	Lê Gia	Hân	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
1037	31221022929	Lê Trần Bảo	Hân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1038	31221022929	Lê Trần Bảo	Hân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1039	31221022929	Lê Trần Bảo	Hân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1040	31221022929	Lê Trần Bảo	Hân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1041	31221020216	Lữ Phạm Gia	Hân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1042	31221020216	Lữ Phạm Gia	Hân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1043	31221020216	Lữ Phạm Gia	Hân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1044	31221020216	Lữ Phạm Gia	Hân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1045	31221020547	Lưu Hân	Hân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1046	31221020547	Lưu Hân	Hân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1047	31221020547	Lưu Hân	Hân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1048	31221020547	Lưu Hân	Hân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1049	31221020546	Lý Gia	Hân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
1050	31221020546	Lý Gia	Hân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
1051	31221021102	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
1052	31221021102	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
1053	31221021102	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
1054	31221021102	Nguyễn Hoàng Gia	Hân	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1055	31221023296	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.00	10.00
1056	31221023296	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
1057	31221023296	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
1058	31221023296	Nguyễn Hoàng Ngọc	Hân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.00	10.00
1059	31221020624	Nguyễn Minh	Hân	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1060	31221020624	Nguyễn Minh	Hân	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1061	31221024429	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
1062	31221024429	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
1063	31221024429	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
1064	31221024429	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
1065	31221020838	Ninh Gia	Hân	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1066	31221020838	Ninh Gia	Hân	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1067	31221020838	Ninh Gia	Hân	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1068	31221020838	Ninh Gia	Hân	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1069	31221020839	Phạm Nguyễn Gia	Hân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
1070	31221020839	Phạm Nguyễn Gia	Hân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
1071	31221020839	Phạm Nguyễn Gia	Hân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
1072	31221020839	Phạm Nguyễn Gia	Hân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
1073	31221025279	Phan Khả	Hân	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1074	31221025279	Phan Khả	Hân	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1075	31221025279	Phan Khả	Hân	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1076	31221025279	Phan Khả	Hân	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1077	31221026497	Phùng Vũ Gia	Hân	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1078	31221026497	Phùng Vũ Gia	Hân	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1079	31221026497	Phùng Vũ Gia	Hân	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1080	31221026497	Phùng Vũ Gia	Hân	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1081	31221020102	Tạ Bảo	Hân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
1082	31221020102	Tạ Bảo	Hân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
1083	31221020102	Tạ Bảo	Hân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
1084	31221020102	Tạ Bảo	Hân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
1085	31221020411	Trần Hoàng Bảo	Hân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
1086	31221020411	Trần Hoàng Bảo	Hân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
1087	31221026876	Trương Ngọc	Hân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1088	31221026876	Trương Ngọc	Hân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1089	31221026876	Trương Ngọc	Hân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1090	31221026876	Trương Ngọc	Hân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1091	31221026045	Trương Nguyễn Bảo	Hân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1092	31221026045	Trương Nguyễn Bảo	Hân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1093	31221026045	Trương Nguyễn Bảo	Hân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1094	31221025501	Võ Duy Gia	Hân	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1095	31221025501	Võ Duy Gia	Hân	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1096	31221025501	Võ Duy Gia	Hân	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1097	31221025501	Võ Duy Gia	Hân	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1098	31221026049	Võ Gia	Hân	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1099	31221026049	Võ Gia	Hân	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1100	31221026049	Võ Gia	Hân	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1101	31221026049	Võ Gia	Hân	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1102	31221021262	Đoàn Thúy	Hằng	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
1103	31221021262	Đoàn Thúy	Hằng	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
1104	31221021262	Đoàn Thúy	Hằng	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
1105	31221021262	Đoàn Thúy	Hằng	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
1106	31221020179	Dương Nguyễn Thúy	Hằng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
1107	31221020179	Dương Nguyễn Thúy	Hằng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
1108	31221020179	Dương Nguyễn Thúy	Hằng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
1109	31221020179	Dương Nguyễn Thúy	Hằng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
1110	31221020625	Hoàng Thúy	Hằng	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1111	31221020625	Hoàng Thúy	Hằng	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1112	31221020625	Hoàng Thúy	Hằng	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1113	31221020625	Hoàng Thúy	Hằng	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1114	31221025809	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
1115	31221025809	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
1116	31221025809	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
1117	31221025809	Huỳnh Thị Thúy	Hằng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
1118	31221025737	Lâm Thúy	Hằng	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1119	31221023297	Lê Thu	Hằng	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.00	10.00
1120	31221023297	Lê Thu	Hằng	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.00	9.00
1121	31221025428	Lương Phương	Hằng	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1122	31221025428	Lương Phương	Hằng	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1123	31221025428	Lương Phương	Hằng	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1124	31221025428	Lương Phương	Hằng	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1125	31221024679	Mạc Thị Thanh	Hằng	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513074	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P3	7.00	10.00
1126	31221024679	Mạc Thị Thanh	Hằng	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513075	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P4	7.00	10.00
1127	31221025427	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
1128	31221025427	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
1129	31221025427	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
1130	31221025427	Nguyễn Thị Minh	Hằng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
1131	31221026717	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
1132	31221026717	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
1133	31221026717	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
1134	31221026717	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
1135	31221026050	Nguyễn Thúy	Hằng	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1136	31221026050	Nguyễn Thúy	Hằng	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1137	31221026050	Nguyễn Thúy	Hằng	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1138	31221026050	Nguyễn Thúy	Hằng	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1139	31221023431	Trần Nguyễn Ngọc	Hằng	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.00	9.00
1140	31221024910	Lương Thị Hồng	Hạnh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1141	31221024910	Lương Thị Hồng	Hạnh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1142	31221024910	Lương Thị Hồng	Hạnh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1143	31221024910	Lương Thị Hồng	Hạnh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1144	31221022540	Nguyễn Trần Phương	Hạnh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
1145	31221020020	Trần Minh	Hạnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
1146	31221020020	Trần Minh	Hạnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
1147	31221020020	Trần Minh	Hạnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
1148	31221020020	Trần Minh	Hạnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
1149	31221020976	Nguyễn Anh	Hào	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1150	31221020976	Nguyễn Anh	Hào	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1151	31221020976	Nguyễn Anh	Hào	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1152	31221023813	Trương Gia	Hào	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1153	31221023813	Trương Gia	Hào	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1154	31221025555	Đặng Huỳnh Tấn	Hậu	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
1155	31221025555	Đặng Huỳnh Tấn	Hậu	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
1156	31221025555	Đặng Huỳnh Tấn	Hậu	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
1157	31221025555	Đặng Huỳnh Tấn	Hậu	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
1158	31221021502	Nguyễn Hoàng Phúc	Hậu	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1159	31221021502	Nguyễn Hoàng Phúc	Hậu	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1160	31221021502	Nguyễn Hoàng Phúc	Hậu	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1161	31221021502	Nguyễn Hoàng Phúc	Hậu	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1162	31221020022	Trần Thị Hiếu	Hậu	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1163	31221020022	Trần Thị Hiếu	Hậu	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1164	31221020022	Trần Thị Hiếu	Hậu	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1165	31221020022	Trần Thị Hiếu	Hậu	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1166	31221025371	Hồ Thị Thanh	Hiền	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
1167	31221025371	Hồ Thị Thanh	Hiền	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
1168	31221025371	Hồ Thị Thanh	Hiền	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
1169	31221025371	Hồ Thị Thanh	Hiền	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
1170	31221024618	Hoàng Bảo Mỹ	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	TOEIC	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	700.00	10.00
1171	31221024618	Hoàng Bảo Mỹ	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	TOEIC	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	700.00	10.00
1172	31221024618	Hoàng Bảo Mỹ	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	TOEIC	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	700.00	10.00
1173	31221024618	Hoàng Bảo Mỹ	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	TOEIC	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	700.00	10.00
1174	31221020267	Hoàng Minh	Hiền	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1175	31221020267	Hoàng Minh	Hiền	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1176	31221020267	Hoàng Minh	Hiền	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1177	31221020267	Hoàng Minh	Hiền	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1178	31221024829	Huỳnh Thu	Hiền	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1179	31221024829	Huỳnh Thu	Hiền	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1180	31221024829	Huỳnh Thu	Hiền	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1181	31221020719	Lê Phạm Thu	Hiền	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
1182	31221020719	Lê Phạm Thu	Hiền	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
1183	31221020719	Lê Phạm Thu	Hiền	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
1184	31221020719	Lê Phạm Thu	Hiền	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
1185	31221027047	Lê Thu	Hiền	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1186	31221027047	Lê Thu	Hiền	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1187	31221024912	Nguyễn Thanh	Hiền	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1188	31221024912	Nguyễn Thanh	Hiền	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1189	31221025738	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1190	31221025738	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1191	31221023300	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
1192	31221023300	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
1193	31221023300	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
1194	31221023300	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
1195	31221024552	Nguyễn Thúy	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
1196	31221024552	Nguyễn Thúy	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
1197	31221024552	Nguyễn Thúy	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
1198	31221024552	Nguyễn Thúy	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
1199	31221025813	Nguyễn Trương Thúy	Hiền	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.50	10.00
1200	31221025813	Nguyễn Trương Thúy	Hiền	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.50	10.00
1201	31221021264	Trịnh Thúy	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
1202	31221021264	Trịnh Thúy	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
1203	31221021264	Trịnh Thúy	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
1204	31221021264	Trịnh Thúy	Hiền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
1205	31221020103	Võ Đức	Hiền	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1206	31221020103	Võ Đức	Hiền	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1207	31221020103	Võ Đức	Hiền	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1208	31221020103	Võ Đức	Hiền	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1209	31221020721	Vũ Thị Thanh	Hiền	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
1210	31221020721	Vũ Thị Thanh	Hiền	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
1211	31221020721	Vũ Thị Thanh	Hiền	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
1212	31221020721	Vũ Thị Thanh	Hiền	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
1213	31221025814	Nguyễn Quang	Hiền	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1214	31221025814	Nguyễn Quang	Hiền	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1215	31221025814	Nguyễn Quang	Hiền	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1216	31221025814	Nguyễn Quang	Hiền	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1217	31221023989	Hứa Minh	Hiếu	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1218	31221023989	Hứa Minh	Hiếu	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1219	31221023989	Hứa Minh	Hiếu	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1220	31221023989	Hứa Minh	Hiếu	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1221	31221024914	Nguyễn Đăng	Hiếu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
1222	31221024914	Nguyễn Đăng	Hiếu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
1223	31221024914	Nguyễn Đăng	Hiếu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
1224	31221024914	Nguyễn Đăng	Hiếu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
1225	31221025816	Nguyễn Thanh	Hiếu	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
1226	31221025816	Nguyễn Thanh	Hiếu	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
1227	31221025816	Nguyễn Thanh	Hiếu	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
1228	31221025816	Nguyễn Thanh	Hiếu	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
1229	31221022543	Trần Minh	Hiếu	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
1230	31221022543	Trần Minh	Hiếu	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1231	31221022543	Trần Minh	Hiếu	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
1232	31221022543	Trần Minh	Hiếu	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
1233	31221021104	Nguyễn Hữu	Hòa	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1234	31221021104	Nguyễn Hữu	Hòa	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1235	31221021104	Nguyễn Hữu	Hòa	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1236	31221021104	Nguyễn Hữu	Hòa	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1237	31221024430	Nguyễn Huỳnh Nguyên	Hòa	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1238	31221024430	Nguyễn Huỳnh Nguyên	Hòa	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1239	31221024430	Nguyễn Huỳnh Nguyên	Hòa	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1240	31221024430	Nguyễn Huỳnh Nguyên	Hòa	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1241	31221020626	Phạm	Hòa	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1242	31221020626	Phạm	Hòa	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1243	31221020626	Phạm	Hòa	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1244	31221020626	Phạm	Hòa	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1245	31221024751	Phạm Đình	Hoan	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1246	31221024751	Phạm Đình	Hoan	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1247	31221024751	Phạm Đình	Hoan	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1248	31221024751	Phạm Đình	Hoan	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1249	31221023303	Đặng Nguyễn	Hoàn	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1250	31221023303	Đặng Nguyễn	Hoàn	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1251	31221023303	Đặng Nguyễn	Hoàn	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1252	31221023303	Đặng Nguyễn	Hoàn	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1253	31221021551	Đặng Quốc	Hoàn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
1254	31221021551	Đặng Quốc	Hoàn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
1255	31221021551	Đặng Quốc	Hoàn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
1256	31221021551	Đặng Quốc	Hoàn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
1257	31221026054	Bùi Nguyễn Thiên	Hoàng	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1258	31221026054	Bùi Nguyễn Thiên	Hoàng	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1259	31221026054	Bùi Nguyễn Thiên	Hoàng	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1260	31221026054	Bùi Nguyễn Thiên	Hoàng	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1261	31221024653	Huỳnh Công	Hoàng	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
1262	31221024653	Huỳnh Công	Hoàng	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
1263	31221026898	Lê Việt	Hoàng	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1264	31221026898	Lê Việt	Hoàng	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1265	31221026898	Lê Việt	Hoàng	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1266	31221023305	Lương Nhật	Hoàng	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1267	31221023305	Lương Nhật	Hoàng	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1268	31221023305	Lương Nhật	Hoàng	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1269	31221023305	Lương Nhật	Hoàng	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1270	31221023432	Nguyễn Huy	Hoàng	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	6.00	10.00
1271	31221023432	Nguyễn Huy	Hoàng	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	6.00	10.00
1272	31221023432	Nguyễn Huy	Hoàng	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	6.00	9.00
1273	31221020842	Nguyễn Việt Khánh	Hoàng	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1274	31221020842	Nguyễn Việt Khánh	Hoàng	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1275	31221020842	Nguyễn Việt Khánh	Hoàng	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1276	31221020842	Nguyễn Việt Khánh	Hoàng	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1277	31221025073	Phạm Đoàn Việt	Hoàng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
1278	31221025073	Phạm Đoàn Việt	Hoàng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
1279	31221025073	Phạm Đoàn Việt	Hoàng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
1280	31221025073	Phạm Đoàn Việt	Hoàng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
1281	31221024654	Phan Gia Phương	Hoàng	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1282	31221024654	Phan Gia Phương	Hoàng	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1283	31221024654	Phan Gia Phương	Hoàng	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1284	31221024654	Phan Gia Phương	Hoàng	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1285	31221023993	Trần Huy	Hoàng	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1286	31221023993	Trần Huy	Hoàng	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1287	31221023993	Trần Huy	Hoàng	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1288	31221023993	Trần Huy	Hoàng	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1289	31221021105	Trần Phan Nhật	Hoàng	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1290	31221021105	Trần Phan Nhật	Hoàng	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1291	31221023466	Trương Lê	Hoàng	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1292	31221023466	Trương Lê	Hoàng	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1293	31221023466	Trương Lê	Hoàng	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1294	31221023466	Trương Lê	Hoàng	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1295	31221025074	Trương Minh	Hoàng	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1296	31221025074	Trương Minh	Hoàng	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1297	31221025074	Trương Minh	Hoàng	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1298	31221025074	Trương Minh	Hoàng	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1299	31221023306	Vũ Huy	Hoàng	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
1300	31221023306	Vũ Huy	Hoàng	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
1301	31221023306	Vũ Huy	Hoàng	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
1302	31221024688	Lê Thị Bích	Hợp	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
1303	31221024688	Lê Thị Bích	Hợp	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
1304	31221024688	Lê Thị Bích	Hợp	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
1305	31221023307	Thái Quốc	Huân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1306	31221023307	Thái Quốc	Huân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1307	31221023307	Thái Quốc	Huân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1308	31221023307	Thái Quốc	Huân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1309	31221020550	Lâm Yến	Huệ	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	765.00	10.00
1310	31221020550	Lâm Yến	Huệ	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	765.00	10.00
1311	31221020550	Lâm Yến	Huệ	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	765.00	10.00
1312	31221020550	Lâm Yến	Huệ	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	765.00	10.00
1313	31221025132	Lê Đoàn Minh	Huệ	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1314	31221025132	Lê Đoàn Minh	Huệ	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1315	31221025132	Lê Đoàn Minh	Huệ	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1316	31221025132	Lê Đoàn Minh	Huệ	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1317	31221024671	Lê Văn	Hùng	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1318	31221024671	Lê Văn	Hùng	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1319	31221024671	Lê Văn	Hùng	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1320	31221024671	Lê Văn	Hùng	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1321	31221021462	Đào Ngọc	Hưng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
1322	31221021462	Đào Ngọc	Hưng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
1323	31221021462	Đào Ngọc	Hưng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
1324	31221021462	Đào Ngọc	Hưng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
1325	31221024853	Hoàng Mạnh	Hưng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
1326	31221024853	Hoàng Mạnh	Hưng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
1327	31221024853	Hoàng Mạnh	Hưng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
1328	31221024853	Hoàng Mạnh	Hưng	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
1329	31221020629	Lê Quang	Hưng	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
1330	31221020629	Lê Quang	Hưng	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
1331	31221020629	Lê Quang	Hưng	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
1332	31221026231	Nguyễn Đỗ Quang	Hưng	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1333	31221026231	Nguyễn Đỗ Quang	Hưng	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1334	31221026231	Nguyễn Đỗ Quang	Hưng	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1335	31221026231	Nguyễn Đỗ Quang	Hưng	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1336	31221024917	Nguyễn Văn	Hưng	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.00	9.00
1337	31221024917	Nguyễn Văn	Hưng	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.00	8.00
1338	31221025372	Phạm Hoàng	Hưng	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
1339	31221025372	Phạm Hoàng	Hưng	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
1340	31221025372	Phạm Hoàng	Hưng	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
1341	31221025372	Phạm Hoàng	Hưng	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
1342	31221025283	Trần Lê Quốc	Hưng	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1343	31221025283	Trần Lê Quốc	Hưng	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1344	31221025283	Trần Lê Quốc	Hưng	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1345	31221025283	Trần Lê Quốc	Hưng	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1346	31221020553	Trương Thái	Hưng	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1347	31221020553	Trương Thái	Hưng	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1348	31221020553	Trương Thái	Hưng	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1349	31221020219	Võ Việt	Hưng	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1350	31221020219	Võ Việt	Hưng	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1351	31221020219	Võ Việt	Hưng	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1352	31221020219	Võ Việt	Hưng	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1353	31221027073	Đỗ Thu	Hương	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1354	31221027073	Đỗ Thu	Hương	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1355	31221027073	Đỗ Thu	Hương	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1356	31221027073	Đỗ Thu	Hương	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1357	31221024695	Ngô Thị Thanh	Hương	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1358	31221024695	Ngô Thị Thanh	Hương	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1359	31221024695	Ngô Thị Thanh	Hương	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1360	31221024695	Ngô Thị Thanh	Hương	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1361	31221020844	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Hương	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513097	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 1	6.50	10.00
1362	31221020844	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Hương	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1363	31221020844	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Hương	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	6.50	10.00
1364	31221020844	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Hương	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	6.50	10.00
1365	31221025160	Nguyễn Minh	Hương	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1366	31221025160	Nguyễn Minh	Hương	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1367	31221025160	Nguyễn Minh	Hương	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1368	31221025160	Nguyễn Minh	Hương	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1369	31221023633	Nguyễn Ngọc Mỹ	Hương	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1370	31221023633	Nguyễn Ngọc Mỹ	Hương	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1371	31221023633	Nguyễn Ngọc Mỹ	Hương	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1372	31221023633	Nguyễn Ngọc Mỹ	Hương	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1373	31221026294	Nguyễn Ngọc Sông	Hương	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1374	31221026294	Nguyễn Ngọc Sông	Hương	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1375	31221026294	Nguyễn Ngọc Sông	Hương	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1376	31221026294	Nguyễn Ngọc Sông	Hương	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1377	31221026900	Nguyễn Quỳnh	Hương	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1378	31221026900	Nguyễn Quỳnh	Hương	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1379	31221026900	Nguyễn Quỳnh	Hương	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1380	31221026900	Nguyễn Quỳnh	Hương	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1381	31221021553	Nguyễn Quỳnh	Hương	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1382	31221021553	Nguyễn Quỳnh	Hương	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1383	31221021553	Nguyễn Quỳnh	Hương	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1384	31221021553	Nguyễn Quỳnh	Hương	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1385	31221024918	Trần Mai	Hương	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
1386	31221020344	Võ Nguyễn Thiên	Hương	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1387	31221020344	Võ Nguyễn Thiên	Hương	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1388	31221020344	Võ Nguyễn Thiên	Hương	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1389	31221020344	Võ Nguyễn Thiên	Hương	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1390	31221023308	Vương Quỳnh	Hương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
1391	31221023308	Vương Quỳnh	Hương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
1392	31221023308	Vương Quỳnh	Hương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
1393	31221023308	Vương Quỳnh	Hương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
1394	31221022595	Đào Thị	Hường	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1395	31221022595	Đào Thị	Hường	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1396	31221022595	Đào Thị	Hường	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1397	31221025672	Phạm Trần Thủy	Hường	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1398	31221025672	Phạm Trần Thủy	Hường	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1399	31221025672	Phạm Trần Thủy	Hường	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1400	31221025672	Phạm Trần Thủy	Hường	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1401	31221025075	Dương Gia	Huy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1402	31221025075	Dương Gia	Huy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1403	31221025075	Dương Gia	Huy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1404	31221025075	Dương Gia	Huy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1405	31221020024	Hồ Minh	Huy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
1406	31221020024	Hồ Minh	Huy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1407	31221020024	Hồ Minh	Huy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
1408	31221020024	Hồ Minh	Huy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
1409	31221022614	Huỳnh Nhật	Huy	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1410	31221022614	Huỳnh Nhật	Huy	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1411	31221022614	Huỳnh Nhật	Huy	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1412	31221022614	Huỳnh Nhật	Huy	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1413	31221023712	Huỳnh Quốc	Huy	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.50	10.00
1414	31221023712	Huỳnh Quốc	Huy	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.50	10.00
1415	31221022545	Lê Anh	Huy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
1416	31221022545	Lê Anh	Huy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
1417	31221021107	Lê Hoàng	Huy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1418	31221021107	Lê Hoàng	Huy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1419	31221021107	Lê Hoàng	Huy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1420	31221021107	Lê Hoàng	Huy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1421	31221020345	Lê Nguyễn Minh	Huy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1422	31221020345	Lê Nguyễn Minh	Huy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1423	31221020345	Lê Nguyễn Minh	Huy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1424	31221020345	Lê Nguyễn Minh	Huy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1425	31221023092	Lý Gia	Huy	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
1426	31221023092	Lý Gia	Huy	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
1427	31221023092	Lý Gia	Huy	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
1428	31221020982	Nguyễn Đình	Huy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1429	31221020982	Nguyễn Đình	Huy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1430	31221020982	Nguyễn Đình	Huy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1431	31221020982	Nguyễn Đình	Huy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1432	31221023310	Nguyễn Đình Quang	Huy	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
1433	31221023310	Nguyễn Đình Quang	Huy	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
1434	31221023310	Nguyễn Đình Quang	Huy	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
1435	31221023310	Nguyễn Đình Quang	Huy	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
1436	31221022228	Nguyễn Minh	Huy	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1437	31221022228	Nguyễn Minh	Huy	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1438	31221022228	Nguyễn Minh	Huy	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1439	31221022228	Nguyễn Minh	Huy	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1440	31221026057	Nguyễn Ngọc Bảo	Huy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
1441	31221026057	Nguyễn Ngọc Bảo	Huy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
1442	31221026057	Nguyễn Ngọc Bảo	Huy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
1443	31221026057	Nguyễn Ngọc Bảo	Huy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
1444	31221021196	Phạm Nhật	Huy	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
1445	31221021196	Phạm Nhật	Huy	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
1446	31221021196	Phạm Nhật	Huy	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
1447	31221021196	Phạm Nhật	Huy	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
1448	31221025162	Phạm Quang	Huy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
1449	31221025162	Phạm Quang	Huy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
1450	31221025162	Phạm Quang	Huy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1451	31221025162	Phạm Quang	Huy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
1452	31221020981	Phan Mạnh	Huy	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1453	31221020981	Phan Mạnh	Huy	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1454	31221020981	Phan Mạnh	Huy	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1455	31221020981	Phan Mạnh	Huy	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1456	31221023499	Trần Quang	Huy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1457	31221023499	Trần Quang	Huy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1458	31221023499	Trần Quang	Huy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1459	31221023499	Trần Quang	Huy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1460	31221023741	Trần Võ Hoàng	Huy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1461	31221023741	Trần Võ Hoàng	Huy	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1462	31221022379	Trương Dũ Nhất	Huy	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
1463	31221022379	Trương Dũ Nhất	Huy	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
1464	31221022379	Trương Dũ Nhất	Huy	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
1465	31221022379	Trương Dũ Nhất	Huy	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
1466	31221021660	Võ Nhật	Huy	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1467	31221021660	Võ Nhật	Huy	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1468	31221022781	Dương Thị Như	Huyền	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1469	31221022781	Dương Thị Như	Huyền	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1470	31221022781	Dương Thị Như	Huyền	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1471	31221024920	Hoàng Khánh	Huyền	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1472	31221024920	Hoàng Khánh	Huyền	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1473	31221024920	Hoàng Khánh	Huyền	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1474	31221024920	Hoàng Khánh	Huyền	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1475	31221025117	Lê Minh	Huyền	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513072	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	6.50	10.00
1476	31221025117	Lê Minh	Huyền	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513073	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	6.50	10.00
1477	31221025117	Lê Minh	Huyền	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513074	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P3	6.50	10.00
1478	31221025117	Lê Minh	Huyền	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513075	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P4	6.50	9.00
1479	31221024921	Nguyễn Diệp	Huyền	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1480	31221024921	Nguyễn Diệp	Huyền	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1481	31221024921	Nguyễn Diệp	Huyền	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1482	31221024921	Nguyễn Diệp	Huyền	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1483	31221024830	Nguyễn Huỳnh Diệu	Huyền	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1484	31221023313	Nguyễn Khánh	Huyền	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513072	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	5.50	10.00
1485	31221023313	Nguyễn Khánh	Huyền	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513073	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	5.50	9.00
1486	31221025078	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1487	31221025078	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1488	31221025078	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1489	31221025078	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1490	31221024241	Nguyễn Vũ Ngọc	Huyền	Kế toán (DC) - K48	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	870.00	10.00
1491	31221024241	Nguyễn Vũ Ngọc	Huyền	Kế toán (DC) - K48	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	870.00	10.00
1492	31221024241	Nguyễn Vũ Ngọc	Huyền	Kế toán (DC) - K48	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	870.00	10.00
1493	31221024241	Nguyễn Vũ Ngọc	Huyền	Kế toán (DC) - K48	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	870.00	10.00
1494	31221026721	Phạm Thị Thu	Huyền	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1495	31221026721	Phạm Thị Thu	Huyền	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1496	31221026721	Phạm Thị Thu	Huyền	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1497	31221026721	Phạm Thị Thu	Huyền	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1498	31221020848	Tạ Bùi Minh	Huyền	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
1499	31221020848	Tạ Bùi Minh	Huyền	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
1500	31221020848	Tạ Bùi Minh	Huyền	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
1501	31221020848	Tạ Bùi Minh	Huyền	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
1502	31221025565	Trần Nhật	Huyền	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1503	31221025565	Trần Nhật	Huyền	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1504	31221025565	Trần Nhật	Huyền	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1505	31221027027	Trần Thu	Huyền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
1506	31221027027	Trần Thu	Huyền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
1507	31221027027	Trần Thu	Huyền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
1508	31221027027	Trần Thu	Huyền	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
1509	31221023150	Trần Thu	Huyền	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1510	31221023150	Trần Thu	Huyền	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1511	31221023150	Trần Thu	Huyền	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1512	31221020484	Bùi Nguyễn	Kha	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
1513	31221020484	Bùi Nguyễn	Kha	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
1514	31221020484	Bùi Nguyễn	Kha	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
1515	31221020484	Bùi Nguyễn	Kha	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
1516	31221025412	Kiều Tịnh	Kha	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1517	31221025412	Kiều Tịnh	Kha	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1518	31221025412	Kiều Tịnh	Kha	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1519	31221025412	Kiều Tịnh	Kha	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1520	31221024431	Lê Trung	Khải	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1521	31221024431	Lê Trung	Khải	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1522	31221024431	Lê Trung	Khải	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1523	31221024431	Lê Trung	Khải	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1524	31221025163	Nguyễn Hồ Hữu	Khải	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
1525	31221025163	Nguyễn Hồ Hữu	Khải	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
1526	31221025163	Nguyễn Hồ Hữu	Khải	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
1527	31221025163	Nguyễn Hồ Hữu	Khải	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
1528	31221022355	Đỗ Minh	Khang	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
1529	31221022355	Đỗ Minh	Khang	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
1530	31221022355	Đỗ Minh	Khang	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
1531	31221023033	Lâm Minh	Khang	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	7.00	10.00
1532	31221023033	Lâm Minh	Khang	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	7.00	10.00
1533	31221021720	Nguyễn An	Khang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.50	10.00
1534	31221021720	Nguyễn An	Khang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.50	10.00
1535	31221021720	Nguyễn An	Khang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.50	10.00
1536	31221021720	Nguyễn An	Khang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.50	10.00
1537	31221020984	Nguyễn Phúc Nguyên	Khang	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1538	31221020984	Nguyễn Phúc Nguyên	Khang	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1539	31221020984	Nguyễn Phúc Nguyên	Khang	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1540	31221020984	Nguyễn Phúc Nguyên	Khang	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1541	31221020346	Nguyễn Thái	Khang	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1542	31221020346	Nguyễn Thái	Khang	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1543	31221020346	Nguyễn Thái	Khang	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1544	31221020346	Nguyễn Thái	Khang	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1545	31221024000	Phạm Hoàng	Khang	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.50	10.00
1546	31221024000	Phạm Hoàng	Khang	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.50	10.00
1547	31221024000	Phạm Hoàng	Khang	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.50	10.00
1548	31221024000	Phạm Hoàng	Khang	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.50	10.00
1549	31221022933	Thái Vĩnh	Khang	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1550	31221022933	Thái Vĩnh	Khang	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1551	31221022411	Trần Vĩnh	Khang	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1552	31221022411	Trần Vĩnh	Khang	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1553	31221022411	Trần Vĩnh	Khang	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1554	31221022411	Trần Vĩnh	Khang	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1555	31221026662	Trịnh An	Khang	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1556	31221026662	Trịnh An	Khang	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1557	31221026662	Trịnh An	Khang	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1558	31221026662	Trịnh An	Khang	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1559	31221020631	Trương Minh	Khang	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1560	31221020631	Trương Minh	Khang	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1561	31221020631	Trương Minh	Khang	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1562	31221020631	Trương Minh	Khang	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1563	31221021268	Bùi Phương	Khanh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1564	31221021268	Bùi Phương	Khanh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1565	31221021268	Bùi Phương	Khanh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1566	31221021268	Bùi Phương	Khanh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1567	31221020987	Đào Hồng	Khanh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1568	31221020987	Đào Hồng	Khanh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1569	31221020987	Đào Hồng	Khanh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1570	31221020987	Đào Hồng	Khanh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1571	31221020726	Nguyễn Phi	Khanh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
1572	31221020726	Nguyễn Phi	Khanh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
1573	31221020726	Nguyễn Phi	Khanh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
1574	31221020726	Nguyễn Phi	Khanh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
1575	31221022551	Phạm Hoàng Công	Khanh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
1576	31221022551	Phạm Hoàng Công	Khanh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
1577	31221022551	Phạm Hoàng Công	Khanh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
1578	31221022550	Trần Ngọc Đăng	Khanh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
1579	31221022550	Trần Ngọc Đăng	Khanh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
1580	31221022550	Trần Ngọc Đăng	Khanh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
1581	31221022550	Trần Ngọc Đăng	Khanh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
1582	31221027079	Bùi Ngọc	Khánh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1583	31221027079	Bùi Ngọc	Khánh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1584	31221027079	Bùi Ngọc	Khánh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1585	31221027079	Bùi Ngọc	Khánh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1586	31221025705	Đỗ Nhật	Khánh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1587	31221025705	Đỗ Nhật	Khánh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1588	31221025705	Đỗ Nhật	Khánh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1589	31221020990	Hồ Viết	Khánh	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1590	31221020990	Hồ Viết	Khánh	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1591	31221020990	Hồ Viết	Khánh	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1592	31221020990	Hồ Viết	Khánh	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1593	31221021465	Huỳnh Kim	Khánh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1594	31221021465	Huỳnh Kim	Khánh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1595	31221021465	Huỳnh Kim	Khánh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1596	31221021465	Huỳnh Kim	Khánh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1597	31221020727	Huỳnh Quang	Khánh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
1598	31221020727	Huỳnh Quang	Khánh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
1599	31221025566	Lâm Thiện	Khánh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1600	31221025566	Lâm Thiện	Khánh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1601	31221021883	Lê Hà Phương	Khánh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
1602	31221021883	Lê Hà Phương	Khánh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
1603	31221021883	Lê Hà Phương	Khánh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
1604	31221025820	Nguyễn Lê Ngọc	Khánh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1605	31221025820	Nguyễn Lê Ngọc	Khánh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1606	31221025820	Nguyễn Lê Ngọc	Khánh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1607	31221025820	Nguyễn Lê Ngọc	Khánh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1608	31221020277	Nguyễn Quốc	Khánh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
1609	31221020277	Nguyễn Quốc	Khánh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
1610	31221020277	Nguyễn Quốc	Khánh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
1611	31221020277	Nguyễn Quốc	Khánh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
1612	31221021464	Nguyễn Thụy Ngọc	Khánh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
1613	31221021464	Nguyễn Thụy Ngọc	Khánh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
1614	31221021464	Nguyễn Thụy Ngọc	Khánh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
1615	31221021464	Nguyễn Thụy Ngọc	Khánh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
1616	31221025201	Phạm Bảo	Khánh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.50	10.00
1617	31221025201	Phạm Bảo	Khánh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.50	10.00
1618	31221025201	Phạm Bảo	Khánh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.50	10.00
1619	31221022754	Phan Bá Hoàng	Khánh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1620	31221022754	Phan Bá Hoàng	Khánh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1621	31221022754	Phan Bá Hoàng	Khánh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1622	31221022754	Phan Bá Hoàng	Khánh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1623	31221020989	Trương Hà Đoan	Khánh	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
1624	31221020989	Trương Hà Đoan	Khánh	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
1625	31221020989	Trương Hà Đoan	Khánh	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
1626	31221020989	Trương Hà Đoan	Khánh	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1627	31221021198	Lê Trần Thụy	Khê	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
1628	31221021198	Lê Trần Thụy	Khê	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
1629	31221021198	Lê Trần Thụy	Khê	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
1630	31221021198	Lê Trần Thụy	Khê	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
1631	31221022552	Phạm Gia	Khiêm	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.50	10.00
1632	31221022552	Phạm Gia	Khiêm	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.50	10.00
1633	31221022552	Phạm Gia	Khiêm	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.50	10.00
1634	31221022552	Phạm Gia	Khiêm	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.50	10.00
1635	31221021112	Vương Gia	Khiêm	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1636	31221021112	Vương Gia	Khiêm	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1637	31221021112	Vương Gia	Khiêm	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1638	31221021112	Vương Gia	Khiêm	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1639	31221021341	Đồng Nguyễn Anh	Khoa	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1640	31221021341	Đồng Nguyễn Anh	Khoa	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1641	31221021341	Đồng Nguyễn Anh	Khoa	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1642	31221021341	Đồng Nguyễn Anh	Khoa	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1643	31221021115	Hoàng Nguyên	Khoa	Quản trị bệnh viện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1644	31221021115	Hoàng Nguyên	Khoa	Quản trị bệnh viện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1645	31221021115	Hoàng Nguyên	Khoa	Quản trị bệnh viện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1646	31221021115	Hoàng Nguyên	Khoa	Quản trị bệnh viện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1647	31221020853	Lê Đình Anh	Khoa	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
1648	31221020853	Lê Đình Anh	Khoa	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
1649	31221020853	Lê Đình Anh	Khoa	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
1650	31221020853	Lê Đình Anh	Khoa	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
1651	31221023152	Lê Phạm Đăng	Khoa	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
1652	31221023152	Lê Phạm Đăng	Khoa	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
1653	31221023152	Lê Phạm Đăng	Khoa	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
1654	31221023152	Lê Phạm Đăng	Khoa	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
1655	31221022553	Nguyễn Hoàng	Khoa	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
1656	31221022553	Nguyễn Hoàng	Khoa	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
1657	31221022553	Nguyễn Hoàng	Khoa	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
1658	31221021113	Tô Đăng	Khoa	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 1	6.00	10.00
1659	31221021113	Tô Đăng	Khoa	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	6.00	10.00
1660	31221021113	Tô Đăng	Khoa	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 3	6.00	10.00
1661	31221021113	Tô Đăng	Khoa	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513128	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 4	6.00	9.00
1662	31221022154	Trần Duy	Khoa	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1663	31221022154	Trần Duy	Khoa	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1664	31221022154	Trần Duy	Khoa	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1665	31221022154	Trần Duy	Khoa	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1666	31221021558	Trần Ngọc Đăng	Khoa	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1667	31221021558	Trần Ngọc Đăng	Khoa	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1668	31221021558	Trần Ngọc Đăng	Khoa	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1669	31221021558	Trần Ngọc Đăng	Khoa	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1670	31221026903	Trương Vũ Uyên	Khoa	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1671	31221026903	Trương Vũ Uyên	Khoa	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1672	31221026903	Trương Vũ Uyên	Khoa	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1673	31221024922	Đặng Quang	Khôi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1674	31221024922	Đặng Quang	Khôi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1675	31221024922	Đặng Quang	Khôi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1676	31221024922	Đặng Quang	Khôi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1677	31221025203	Lê Thanh	Khôi	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1678	31221025203	Lê Thanh	Khôi	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1679	31221025203	Lê Thanh	Khôi	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1680	31221025203	Lê Thanh	Khôi	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1681	31221023848	Nguyễn Minh	Khôi	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
1682	31221023848	Nguyễn Minh	Khôi	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
1683	31221020557	Trang Quốc	Khôi	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1684	31221020557	Trang Quốc	Khôi	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1685	31221020557	Trang Quốc	Khôi	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1686	31221026006	Võ Xuân Lê	Khôi	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1687	31221026006	Võ Xuân Lê	Khôi	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1688	31221026006	Võ Xuân Lê	Khôi	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1689	31221026006	Võ Xuân Lê	Khôi	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1690	31221020731	Vũ Minh	Khôi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.50	10.00
1691	31221020731	Vũ Minh	Khôi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.50	10.00
1692	31221020731	Vũ Minh	Khôi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.50	10.00
1693	31221020731	Vũ Minh	Khôi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.50	10.00
1694	31221020732	Dương Minh	Khuê	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.00	10.00
1695	31221020732	Dương Minh	Khuê	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
1696	31221021561	Lê Lý Diệu	Khuê	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1697	31221021561	Lê Lý Diệu	Khuê	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1698	31221021561	Lê Lý Diệu	Khuê	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1699	31221021561	Lê Lý Diệu	Khuê	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1700	31221026066	Mai Lê Lam	Khuê	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
1701	31221026066	Mai Lê Lam	Khuê	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
1702	31221026066	Mai Lê Lam	Khuê	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
1703	31221026066	Mai Lê Lam	Khuê	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
1704	31221026786	Nguyễn Ngọc	Khuê	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1705	31221026786	Nguyễn Ngọc	Khuê	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1706	31221026786	Nguyễn Ngọc	Khuê	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1707	31221026786	Nguyễn Ngọc	Khuê	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1708	31221021562	Ngô Diệp	Khương	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1709	31221021562	Ngô Diệp	Khương	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1710	31221021562	Ngô Diệp	Khương	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1711	31221020028	Hoàng Ngọc Bảo	Khuyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1712	31221020028	Hoàng Ngọc Bảo	Khuyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1713	31221020028	Hoàng Ngọc Bảo	Khuyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1714	31221020028	Hoàng Ngọc Bảo	Khuyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1715	31221020029	Lưu Ngọc Khánh	Khuyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1716	31221020029	Lưu Ngọc Khánh	Khuyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1717	31221020029	Lưu Ngọc Khánh	Khuyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1718	31221020029	Lưu Ngọc Khánh	Khuyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1719	31221023315	Nguyễn Trần Thảo	Khuyên	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1720	31221023315	Nguyễn Trần Thảo	Khuyên	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1721	31221023315	Nguyễn Trần Thảo	Khuyên	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1722	31221020486	Lê Trung	Kiên	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
1723	31221026590	Phan Trung	Kiên	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1724	31221026590	Phan Trung	Kiên	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1725	31221026590	Phan Trung	Kiên	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1726	31221026590	Phan Trung	Kiên	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1727	31221020995	Phùng Sông	Kiên	Kinh doanh nông nghiệp - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
1728	31221020995	Phùng Sông	Kiên	Kinh doanh nông nghiệp - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
1729	31221020995	Phùng Sông	Kiên	Kinh doanh nông nghiệp - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.00	8.00
1730	31221020995	Phùng Sông	Kiên	Kinh doanh nông nghiệp - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.00	7.00
1731	31221022673	Châu Chí	Kiện	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1732	31221022673	Châu Chí	Kiện	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1733	31221022673	Châu Chí	Kiện	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1734	31221022673	Châu Chí	Kiện	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1735	31221023781	Phạm Nguyễn Tuấn	Kiệt	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.50	10.00
1736	31221023781	Phạm Nguyễn Tuấn	Kiệt	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.50	10.00
1737	31221020279	Thang Thế	Kiệt	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
1738	31221020279	Thang Thế	Kiệt	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
1739	31221020279	Thang Thế	Kiệt	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
1740	31221020279	Thang Thế	Kiệt	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
1741	31221026301	Trần Trí	Kiệt	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1742	31221026301	Trần Trí	Kiệt	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1743	31221026301	Trần Trí	Kiệt	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1744	31221026301	Trần Trí	Kiệt	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1745	31221024003	Đặng Hoàng Thiên	Kim	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.50	10.00
1746	31221024003	Đặng Hoàng Thiên	Kim	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.50	10.00
1747	31221024003	Đặng Hoàng Thiên	Kim	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.50	10.00
1748	31221021117	Huỳnh Đặng Thiên	Kim	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1749	31221021117	Huỳnh Đặng Thiên	Kim	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1750	31221021117	Huỳnh Đặng Thiên	Kim	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1751	31221026591	Lê Đình Hồng	Kim	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1752	31221026591	Lê Đình Hồng	Kim	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1753	31221026591	Lê Đình Hồng	Kim	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1754	31221026591	Lê Đình Hồng	Kim	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1755	31221023317	Nguyễn Khắc Vĩnh	Kim	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1756	31221023317	Nguyễn Khắc Vĩnh	Kim	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1757	31221023317	Nguyễn Khắc Vĩnh	Kim	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1758	31221023616	Nguyễn Bạch Hồng	Lam	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1759	31221023616	Nguyễn Bạch Hồng	Lam	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1760	31221023616	Nguyễn Bạch Hồng	Lam	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1761	31221024007	Nguyễn Tạ Trà	Lam	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	8.00	10.00
1762	31221024007	Nguyễn Tạ Trà	Lam	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	8.00	10.00
1763	31221024434	Nguyễn Thái Ngọc	Lam	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1764	31221024434	Nguyễn Thái Ngọc	Lam	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1765	31221020998	Đinh Bảo	Lâm	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
1766	31221020998	Đinh Bảo	Lâm	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
1767	31221021244	Hồ Sỹ	Lâm	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.00	10.00
1768	31221021244	Hồ Sỹ	Lâm	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.00	10.00
1769	31221021244	Hồ Sỹ	Lâm	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.00	10.00
1770	31221021244	Hồ Sỹ	Lâm	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.00	10.00
1771	31221024435	Nguyễn Vũ	Lâm	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513072	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	6.00	10.00
1772	31221024435	Nguyễn Vũ	Lâm	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513073	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	6.00	10.00
1773	31221021407	Nguyễn Vương Thanh	Lâm	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1774	31221024628	Biện Ngọc Hoàng	Lan	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1775	31221024628	Biện Ngọc Hoàng	Lan	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1776	31221024628	Biện Ngọc Hoàng	Lan	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1777	31221021565	Trịnh Thị Tuyết	Lan	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1778	31221021565	Trịnh Thị Tuyết	Lan	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1779	31221021565	Trịnh Thị Tuyết	Lan	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1780	31221021565	Trịnh Thị Tuyết	Lan	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1781	31221021199	Nguyễn Hoàng Ngọc	Lân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1782	31221021199	Nguyễn Hoàng Ngọc	Lân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1783	31221021199	Nguyễn Hoàng Ngọc	Lân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1784	31221020077	Lê Bích	Lê	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1785	31221020077	Lê Bích	Lê	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1786	31221020077	Lê Bích	Lê	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1787	31221020077	Lê Bích	Lê	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1788	31221020857	Đỗ Huỳnh Bích	Liên	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1789	31221020857	Đỗ Huỳnh Bích	Liên	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1790	31221020857	Đỗ Huỳnh Bích	Liên	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1791	31221020857	Đỗ Huỳnh Bích	Liên	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1792	31221020633	Nguyễn Hồng	Liên	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513097	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 1	7.50	10.00
1793	31221020633	Nguyễn Hồng	Liên	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	7.50	10.00
1794	31221020633	Nguyễn Hồng	Liên	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	7.50	10.00
1795	31221020633	Nguyễn Hồng	Liên	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	7.50	10.00
1796	31221022556	Bùi Diệu	Linh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	7.00	10.00
1797	31221022556	Bùi Diệu	Linh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	7.00	10.00
1798	31221022556	Bùi Diệu	Linh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	7.00	10.00
1799	31221020115	Bùi Lê Ngọc	Linh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1800	31221020115	Bùi Lê Ngọc	Linh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1801	31221020115	Bùi Lê Ngọc	Linh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1802	31221020115	Bùi Lê Ngọc	Linh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1803	31221025881	Đặng Tiểu	Linh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1804	31221025881	Đặng Tiểu	Linh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1805	31221020283	Đào Tấn Thùy	Linh	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1806	31221020283	Đào Tấn Thùy	Linh	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1807	31221020283	Đào Tấn Thùy	Linh	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1808	31221020283	Đào Tấn Thùy	Linh	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1809	31221022887	Đinh Thị Khánh	Linh	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1810	31221022887	Đinh Thị Khánh	Linh	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1811	31221022887	Đinh Thị Khánh	Linh	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1812	31221022887	Đinh Thị Khánh	Linh	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1813	31221021567	Đỗ Nhật	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.50	10.00
1814	31221021567	Đỗ Nhật	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.50	10.00
1815	31221021567	Đỗ Nhật	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.50	10.00
1816	31221021567	Đỗ Nhật	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.50	10.00
1817	31221024817	Đỗ Trần Mỹ	Linh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1818	31221024817	Đỗ Trần Mỹ	Linh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1819	31221024817	Đỗ Trần Mỹ	Linh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1820	31221024817	Đỗ Trần Mỹ	Linh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1821	31221024009	Đỗ Văn	Linh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1822	31221021004	Giản Phương	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
1823	31221021004	Giản Phương	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
1824	31221021004	Giản Phương	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
1825	31221021004	Giản Phương	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
1826	31221026075	Hà Thị Mai	Linh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1827	31221026075	Hà Thị Mai	Linh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1828	31221026075	Hà Thị Mai	Linh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1829	31221026075	Hà Thị Mai	Linh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1830	31221026008	Hà Trần Nhã	Linh	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1831	31221026008	Hà Trần Nhã	Linh	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1832	31221026008	Hà Trần Nhã	Linh	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1833	31221026008	Hà Trần Nhã	Linh	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1834	31221024924	Hồ Thị Khánh	Linh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1835	31221024924	Hồ Thị Khánh	Linh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1836	31221024924	Hồ Thị Khánh	Linh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1837	31221024924	Hồ Thị Khánh	Linh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1838	31221024717	Hồ Thị Mỹ	Linh	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
1839	31221021568	Hồ Trần Tú	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
1840	31221021568	Hồ Trần Tú	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
1841	31221021568	Hồ Trần Tú	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
1842	31221021568	Hồ Trần Tú	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
1843	31221021000	Huỳnh Ngọc	Linh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1844	31221021000	Huỳnh Ngọc	Linh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1845	31221021000	Huỳnh Ngọc	Linh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1846	31221021000	Huỳnh Ngọc	Linh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1847	31221021410	Lê Ngọc Phương	Linh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1848	31221021410	Lê Ngọc Phương	Linh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1849	31221021410	Lê Ngọc Phương	Linh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1850	31221021410	Lê Ngọc Phương	Linh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1851	31221027081	Lê Phạm Yến	Linh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1852	31221027081	Lê Phạm Yến	Linh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1853	31221027081	Lê Phạm Yến	Linh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1854	31221027081	Lê Phạm Yến	Linh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1855	31221020559	Lê Trần Phương	Linh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1856	31221020559	Lê Trần Phương	Linh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1857	31221020559	Lê Trần Phương	Linh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1858	31221020559	Lê Trần Phương	Linh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1859	31221020116	Lê Uyển	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
1860	31221020116	Lê Uyển	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
1861	31221020116	Lê Uyển	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
1862	31221020116	Lê Uyển	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
1863	31221020117	Lê Vũ Khánh	Linh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1864	31221020117	Lê Vũ Khánh	Linh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1865	31221020117	Lê Vũ Khánh	Linh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1866	31221020117	Lê Vũ Khánh	Linh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1867	31221020861	Ngô Thùy	Linh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1868	31221020861	Ngô Thùy	Linh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1869	31221020861	Ngô Thùy	Linh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1870	31221020861	Ngô Thùy	Linh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1871	31221025571	Nguyễn Khánh	Linh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1872	31221025571	Nguyễn Khánh	Linh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1873	31221025571	Nguyễn Khánh	Linh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1874	31221025571	Nguyễn Khánh	Linh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1875	31221025170	Nguyễn Khánh	Linh	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1876	31221025170	Nguyễn Khánh	Linh	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1877	31221025170	Nguyễn Khánh	Linh	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1878	31221025170	Nguyễn Khánh	Linh	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1879	31221022783	Nguyễn Khánh	Linh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
1880	31221022783	Nguyễn Khánh	Linh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
1881	31221022783	Nguyễn Khánh	Linh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
1882	31221022783	Nguyễn Khánh	Linh	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
1883	31221024461	Nguyễn Lê Diệu	Linh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.00	9.00
1884	31221021409	Nguyễn Ngọc	Linh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1885	31221021409	Nguyễn Ngọc	Linh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1886	31221021409	Nguyễn Ngọc	Linh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1887	31221021409	Nguyễn Ngọc	Linh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1888	31221026928	Nguyễn Ngọc	Linh	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1889	31221026928	Nguyễn Ngọc	Linh	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1890	31221026928	Nguyễn Ngọc	Linh	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1891	31221026928	Nguyễn Ngọc	Linh	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1892	31221024437	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513097	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 1	7.00	10.00
1893	31221024437	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	7.00	10.00
1894	31221024437	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	7.00	10.00
1895	31221024437	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	7.00	10.00
1896	31221026070	Nguyễn Ngọc Thảo	Linh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
1897	31221026070	Nguyễn Ngọc Thảo	Linh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
1898	31221025171	Nguyễn Phương	Linh	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1899	31221025171	Nguyễn Phương	Linh	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1900	31221024923	Nguyễn Phương	Linh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1901	31221024923	Nguyễn Phương	Linh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1902	31221024923	Nguyễn Phương	Linh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1903	31221024923	Nguyễn Phương	Linh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1904	31221026789	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1905	31221026789	Nguyễn Thị Khánh	Linh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1906	31221023322	Nguyễn Thị Phương	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
1907	31221023322	Nguyễn Thị Phương	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
1908	31221023322	Nguyễn Thị Phương	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
1909	31221024926	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1910	31221024926	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1911	31221024926	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1912	31221024926	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1913	31221026663	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
1914	31221026663	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
1915	31221026663	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
1916	31221025487	Nguyễn Trần Khánh	Linh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1917	31221025487	Nguyễn Trần Khánh	Linh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1918	31221025487	Nguyễn Trần Khánh	Linh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1919	31221023320	Phạm Khánh	Linh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
1920	31221023320	Phạm Khánh	Linh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
1921	31221023320	Phạm Khánh	Linh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
1922	31221023320	Phạm Khánh	Linh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
1923	31221025291	Phạm Khánh	Linh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
1924	31221025291	Phạm Khánh	Linh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
1925	31221025291	Phạm Khánh	Linh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
1926	31221025291	Phạm Khánh	Linh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
1927	31221024927	Phạm Thị Khánh	Linh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
1928	31221024927	Phạm Thị Khánh	Linh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
1929	31221024927	Phạm Thị Khánh	Linh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
1930	31221024927	Phạm Thị Khánh	Linh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
1931	31221022597	Tăng Gia	Linh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1932	31221022597	Tăng Gia	Linh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1933	31221022597	Tăng Gia	Linh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1934	31221022597	Tăng Gia	Linh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1935	31221023435	Trần Hoàng	Linh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
1936	31221023435	Trần Hoàng	Linh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
1937	31221023435	Trần Hoàng	Linh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
1938	31221025743	Trần Ngô Ngọc	Linh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
1939	31221025743	Trần Ngô Ngọc	Linh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
1940	31221025743	Trần Ngô Ngọc	Linh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
1941	31221025743	Trần Ngô Ngọc	Linh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
1942	31221020488	Trần Ngọc Thủy	Linh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1943	31221020488	Trần Ngọc Thủy	Linh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1944	31221020488	Trần Ngọc Thủy	Linh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1945	31221020488	Trần Ngọc Thủy	Linh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1946	31221021121	Trần Phương	Linh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
1947	31221021121	Trần Phương	Linh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1948	31221021121	Trần Phương	Linh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1949	31221021121	Trần Phương	Linh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1950	31221024012	Trương Khánh	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
1951	31221024012	Trương Khánh	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
1952	31221024012	Trương Khánh	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
1953	31221024012	Trương Khánh	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
1954	31221020035	Võ Duy Khánh	Linh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 1	6.00	10.00
1955	31221020035	Võ Duy Khánh	Linh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	6.00	10.00
1956	31221020035	Võ Duy Khánh	Linh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 3	6.00	10.00
1957	31221020035	Võ Duy Khánh	Linh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513128	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 4	6.00	9.00
1958	31221023095	Võ Hoàng Yến	Linh	Marketing CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	940.00	10.00
1959	31221023095	Võ Hoàng Yến	Linh	Marketing CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	940.00	10.00
1960	31221023095	Võ Hoàng Yến	Linh	Marketing CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	940.00	10.00
1961	31221023095	Võ Hoàng Yến	Linh	Marketing CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	940.00	10.00
1962	31221027138	Võ Lương Khánh	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
1963	31221027138	Võ Lương Khánh	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
1964	31221027138	Võ Lương Khánh	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
1965	31221027138	Võ Lương Khánh	Linh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
1966	31221025292	Võ Y	Linh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
1967	31221025292	Võ Y	Linh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
1968	31221025292	Võ Y	Linh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
1969	31221025292	Võ Y	Linh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
1970	31221026634	Hồ Hoàng Khánh	Loan	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
1971	31221026634	Hồ Hoàng Khánh	Loan	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
1972	31221026634	Hồ Hoàng Khánh	Loan	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
1973	31221022800	Nguyễn Lê Ngọc	Loan	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
1974	31221022800	Nguyễn Lê Ngọc	Loan	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
1975	31221022800	Nguyễn Lê Ngọc	Loan	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
1976	31221022800	Nguyễn Lê Ngọc	Loan	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
1977	31221022627	Trần Thị Hồng	Loan	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513072	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	6.00	10.00
1978	31221024928	Đặng Vũ Đăng	Lộc	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
1979	31221024928	Đặng Vũ Đăng	Lộc	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
1980	31221024928	Đặng Vũ Đăng	Lộc	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
1981	31221024928	Đặng Vũ Đăng	Lộc	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
1982	31221020227	Huỳnh Đắc	Lộc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	8.00	10.00
1983	31221020227	Huỳnh Đắc	Lộc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	8.00	10.00
1984	31221020227	Huỳnh Đắc	Lộc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	8.00	10.00
1985	31221020227	Huỳnh Đắc	Lộc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	8.00	10.00
1986	31221026905	Huỳnh Thị Công	Lộc	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
1987	31221026905	Huỳnh Thị Công	Lộc	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
1988	31221026905	Huỳnh Thị Công	Lộc	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
1989	31221026905	Huỳnh Thị Công	Lộc	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
1990	31221022183	La Gia	Lộc	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.00	10.00
1991	31221022183	La Gia	Lộc	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.00	10.00
1992	31221025173	Nguyễn Văn	Lộc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.00	10.00
1993	31221025173	Nguyễn Văn	Lộc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.00	10.00
1994	31221025173	Nguyễn Văn	Lộc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.00	10.00
1995	31221025173	Nguyễn Văn	Lộc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.00	10.00
1996	31221020186	Lưu Kim	Lợi	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
1997	31221020186	Lưu Kim	Lợi	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
1998	31221020186	Lưu Kim	Lợi	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
1999	31221020186	Lưu Kim	Lợi	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
2000	31221024758	Trương Công	Lợi	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2001	31221024758	Trương Công	Lợi	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2002	31221024758	Trương Công	Lợi	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2003	31221024758	Trương Công	Lợi	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2004	31221021932	Võ Trung Quốc	Lợi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	5.50	9.00
2005	31221021932	Võ Trung Quốc	Lợi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	5.50	9.00
2006	31221021932	Võ Trung Quốc	Lợi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	5.50	8.00
2007	31221024631	Lê Huy	Long	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
2008	31221024631	Lê Huy	Long	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2009	31221024631	Lê Huy	Long	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2010	31221024631	Lê Huy	Long	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2011	31221020037	Lê Thiện Hoàng	Long	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
2012	31221020037	Lê Thiện Hoàng	Long	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
2013	31221020037	Lê Thiện Hoàng	Long	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
2014	31221020037	Lê Thiện Hoàng	Long	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
2015	31221026514	Nguyễn Bảo	Long	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	8.50	10.00
2016	31221026514	Nguyễn Bảo	Long	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	8.50	10.00
2017	31221026514	Nguyễn Bảo	Long	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	8.50	10.00
2018	31221027139	Nguyễn Hoàng	Long	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2019	31221027139	Nguyễn Hoàng	Long	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2020	31221027139	Nguyễn Hoàng	Long	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2021	31221027139	Nguyễn Hoàng	Long	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2022	31221020421	Nguyễn Hùng	Long	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	6.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2023	31221020421	Nguyễn Hùng	Long	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.00	10.00
2024	31221020421	Nguyễn Hùng	Long	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.00	10.00
2025	31221021570	Trần Bảo Hoàng	Long	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2026	31221021570	Trần Bảo Hoàng	Long	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2027	31221020038	Trần Châu	Long	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2028	31221020038	Trần Châu	Long	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2029	31221020038	Trần Châu	Long	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2030	31221020038	Trần Châu	Long	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2031	31221026906	Nguyễn Đức	Luân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	8.00	10.00
2032	31221026906	Nguyễn Đức	Luân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	8.00	10.00
2033	31221026906	Nguyễn Đức	Luân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	8.00	10.00
2034	31221024632	Nguyễn Thành Phúc	Luân	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2035	31221024632	Nguyễn Thành Phúc	Luân	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2036	31221024632	Nguyễn Thành Phúc	Luân	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2037	31221024632	Nguyễn Thành Phúc	Luân	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2038	31221025573	Lê Thanh	Lưu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
2039	31221025573	Lê Thanh	Lưu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
2040	31221025573	Lê Thanh	Lưu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
2041	31221025573	Lê Thanh	Lưu	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
2042	31221021008	Mai Hồ Quốc	Luyện	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2043	31221021008	Mai Hồ Quốc	Luyện	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2044	31221021008	Mai Hồ Quốc	Luyện	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2045	31221021008	Mai Hồ Quốc	Luyện	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2046	31221022282	Ngô Thế	Luyện	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.00	10.00
2047	31221022282	Ngô Thế	Luyện	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
2048	31221022282	Ngô Thế	Luyện	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
2049	31221022282	Ngô Thế	Luyện	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.00	10.00
2050	31221025081	Hoàng Li	Ly	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
2051	31221025081	Hoàng Li	Ly	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2052	31221025081	Hoàng Li	Ly	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2053	31221025081	Hoàng Li	Ly	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2054	31221023436	Lê Trần Khánh	Ly	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
2055	31221023436	Lê Trần Khánh	Ly	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
2056	31221023436	Lê Trần Khánh	Ly	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
2057	31221023436	Lê Trần Khánh	Ly	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
2058	31221025215	Nguyễn Hoàng Thảo	Ly	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2059	31221025215	Nguyễn Hoàng Thảo	Ly	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2060	31221025215	Nguyễn Hoàng Thảo	Ly	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2061	31221024704	Nguyễn Kha	Ly	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2062	31221024704	Nguyễn Kha	Ly	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2063	31221024704	Nguyễn Kha	Ly	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2064	31221024704	Nguyễn Kha	Ly	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2065	31221026307	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2066	31221026307	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2067	31221026307	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2068	31221026307	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
2069	31221022599	Trần Thị Mai	Ly	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
2070	31221022599	Trần Thị Mai	Ly	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
2071	31221020863	Đỗ Trần Ngọc	Mai	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2072	31221020863	Đỗ Trần Ngọc	Mai	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2073	31221020863	Đỗ Trần Ngọc	Mai	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2074	31221020863	Đỗ Trần Ngọc	Mai	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2075	31221023329	Dương Thị Tuyết	Mai	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
2076	31221023329	Dương Thị Tuyết	Mai	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
2077	31221023329	Dương Thị Tuyết	Mai	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
2078	31221023329	Dương Thị Tuyết	Mai	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
2079	31221024705	Hà Thị Ánh	Mai	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2080	31221024705	Hà Thị Ánh	Mai	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2081	31221024705	Hà Thị Ánh	Mai	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2082	31221024705	Hà Thị Ánh	Mai	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2083	31221021572	Hoàng Ngọc	Mai	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2084	31221021572	Hoàng Ngọc	Mai	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2085	31221021572	Hoàng Ngọc	Mai	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2086	31221026795	Lê Ngọc	Mai	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	740.00	10.00
2087	31221026795	Lê Ngọc	Mai	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	740.00	10.00
2088	31221026795	Lê Ngọc	Mai	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	740.00	10.00
2089	31221026795	Lê Ngọc	Mai	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	740.00	9.00
2090	31221024870	Lê Ngọc	Mai	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2091	31221024870	Lê Ngọc	Mai	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2092	31221024870	Lê Ngọc	Mai	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2093	31221020489	Lê Võ Hoàng	Mai	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2094	31221020489	Lê Võ Hoàng	Mai	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2095	31221020489	Lê Võ Hoàng	Mai	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2096	31221020489	Lê Võ Hoàng	Mai	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2097	31221023579	Lương Hồng	Mai	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2098	31221023579	Lương Hồng	Mai	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2099	31221023579	Lương Hồng	Mai	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2100	31221023579	Lương Hồng	Mai	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2101	31221021751	Nguyễn Ngọc	Mai	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2102	31221021751	Nguyễn Ngọc	Mai	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2103	31221021751	Nguyễn Ngọc	Mai	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2104	31221025112	Nguyễn Ngọc	Mai	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2105	31221025112	Nguyễn Ngọc	Mai	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2106	31221025112	Nguyễn Ngọc	Mai	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2107	31221022471	Nguyễn Ngọc Sương	Mai	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2108	31221022471	Nguyễn Ngọc Sương	Mai	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2109	31221022471	Nguyễn Ngọc Sương	Mai	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2110	31221022471	Nguyễn Ngọc Sương	Mai	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2111	31221027082	Nguyễn Phương	Mai	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.00	10.00
2112	31221027082	Nguyễn Phương	Mai	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.00	10.00
2113	31221027082	Nguyễn Phương	Mai	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.00	10.00
2114	31221027082	Nguyễn Phương	Mai	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.00	10.00
2115	31221026793	Nguyễn Sao	Mai	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2116	31221026793	Nguyễn Sao	Mai	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2117	31221026793	Nguyễn Sao	Mai	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2118	31221026793	Nguyễn Sao	Mai	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2119	31221023328	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2120	31221023328	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2121	31221023328	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2122	31221023328	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2123	31221026309	Nguyễn Vũ Quỳnh	Mai	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
2124	31221026309	Nguyễn Vũ Quỳnh	Mai	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2125	31221026309	Nguyễn Vũ Quỳnh	Mai	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2126	31221026309	Nguyễn Vũ Quỳnh	Mai	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2127	31221023332	Phạm Thị Thanh	Mai	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
2128	31221023332	Phạm Thị Thanh	Mai	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2129	31221023332	Phạm Thị Thanh	Mai	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2130	31221023332	Phạm Thị Thanh	Mai	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2131	31221025746	Phan Thị Thanh	Mai	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2132	31221025746	Phan Thị Thanh	Mai	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2133	31221025746	Phan Thị Thanh	Mai	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2134	31221025746	Phan Thị Thanh	Mai	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2135	31221023330	Trần Đào Xuân	Mai	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
2136	31221023330	Trần Đào Xuân	Mai	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
2137	31221023330	Trần Đào Xuân	Mai	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
2138	31221023330	Trần Đào Xuân	Mai	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
2139	31221020636	Trần Ngọc	Mai	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2140	31221020636	Trần Ngọc	Mai	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2141	31221020636	Trần Ngọc	Mai	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2142	31221020636	Trần Ngọc	Mai	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2143	31221022508	Trần Nguyễn Thảo	Mai	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2144	31221022508	Trần Nguyễn Thảo	Mai	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2145	31221024213	Hà Gia	Mẫn	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2146	31221024213	Hà Gia	Mẫn	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2147	31221024213	Hà Gia	Mẫn	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2148	31221020563	Từ Gia	Mẫn	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 1	6.50	10.00
2149	31221020563	Từ Gia	Mẫn	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	6.50	10.00
2150	31221020563	Từ Gia	Mẫn	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 3	6.50	10.00
2151	31221020563	Từ Gia	Mẫn	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513128	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 4	6.50	10.00
2152	31221024248	Lê Trọng	Mạnh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.00	10.00
2153	31221024248	Lê Trọng	Mạnh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.00	10.00
2154	31221024248	Lê Trọng	Mạnh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2155	31221024248	Lê Trọng	Mạnh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.00	10.00
2156	31221025824	Dương Hạnh	Mi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
2157	31221025824	Dương Hạnh	Mi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
2158	31221025824	Dương Hạnh	Mi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
2159	31221023334	Vũ Ngọc Yến	Mi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2160	31221023334	Vũ Ngọc Yến	Mi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2161	31221023334	Vũ Ngọc Yến	Mi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2162	31221023334	Vũ Ngọc Yến	Mi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2163	31221026222	Bùi Nguyễn Bình	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
2164	31221026222	Bùi Nguyễn Bình	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
2165	31221027095	Bùi Nguyễn Trí	Minh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513072	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	6.50	10.00
2166	31221027095	Bùi Nguyễn Trí	Minh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513073	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	6.50	10.00
2167	31221027095	Bùi Nguyễn Trí	Minh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513074	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P3	6.50	10.00
2168	31221027095	Bùi Nguyễn Trí	Minh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513075	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P4	6.50	9.00
2169	31221025576	Đặng Ngọc	Minh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513072	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	6.00	10.00
2170	31221025576	Đặng Ngọc	Minh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513073	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	6.00	10.00
2171	31221025576	Đặng Ngọc	Minh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513074	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P3	6.00	9.00
2172	31221025576	Đặng Ngọc	Minh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513075	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P4	6.00	8.00
2173	31221025693	Đào Anh	Minh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2174	31221025693	Đào Anh	Minh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2175	31221025693	Đào Anh	Minh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2176	31221020426	Đoàn Giang Gia	Minh	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2177	31221020426	Đoàn Giang Gia	Minh	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2178	31221020426	Đoàn Giang Gia	Minh	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2179	31221020426	Đoàn Giang Gia	Minh	Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2180	31221025295	Đoàn Nhật Ý	Minh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2181	31221025295	Đoàn Nhật Ý	Minh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2182	31221025295	Đoàn Nhật Ý	Minh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2183	31221025295	Đoàn Nhật Ý	Minh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2184	31221021127	Hoàng Ngọc Ánh	Minh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2185	31221021127	Hoàng Ngọc Ánh	Minh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2186	31221021127	Hoàng Ngọc Ánh	Minh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2187	31221023335	Lê Hoàng	Minh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2188	31221023335	Lê Hoàng	Minh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2189	31221023335	Lê Hoàng	Minh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2190	31221023335	Lê Hoàng	Minh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2191	31221025747	Lê Như	Minh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
2192	31221025747	Lê Như	Minh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
2193	31221020566	Liên Cầm	Minh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2194	31221020566	Liên Cầm	Minh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2195	31221020566	Liên Cầm	Minh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2196	31221020566	Liên Cầm	Minh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2197	31221020119	Lương Hoàng	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.50	10.00
2198	31221020119	Lương Hoàng	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2199	31221020119	Lương Hoàng	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.50	10.00
2200	31221020119	Lương Hoàng	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.50	10.00
2201	31221026082	Mai Đào Hoàng	Minh	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2202	31221026082	Mai Đào Hoàng	Minh	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2203	31221026082	Mai Đào Hoàng	Minh	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2204	31221026082	Mai Đào Hoàng	Minh	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
2205	31221025083	Ngô Quang	Minh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513072	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	6.00	10.00
2206	31221025083	Ngô Quang	Minh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513073	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	6.00	10.00
2207	31221025083	Ngô Quang	Minh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513074	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P3	6.00	9.00
2208	31221025083	Ngô Quang	Minh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513075	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P4	6.00	8.00
2209	31221020867	Nguyễn Đình	Minh	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2210	31221020867	Nguyễn Đình	Minh	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2211	31221020867	Nguyễn Đình	Minh	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2212	31221026083	Nguyễn Đình Nhật	Minh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	8.00	10.00
2213	31221026083	Nguyễn Đình Nhật	Minh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	8.00	10.00
2214	31221026083	Nguyễn Đình Nhật	Minh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	8.00	10.00
2215	31221026083	Nguyễn Đình Nhật	Minh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	8.00	10.00
2216	31221020868	Nguyễn Đức	Minh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2217	31221020868	Nguyễn Đức	Minh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2218	31221025397	Nguyễn Hiền	Minh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2219	31221025397	Nguyễn Hiền	Minh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2220	31221025397	Nguyễn Hiền	Minh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2221	31221025397	Nguyễn Hiền	Minh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2222	31221022806	Nguyễn Hồ Nhật	Minh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2223	31221022806	Nguyễn Hồ Nhật	Minh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2224	31221022806	Nguyễn Hồ Nhật	Minh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2225	31221022806	Nguyễn Hồ Nhật	Minh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2226	31221025299	Nguyễn Lê Nhật	Minh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
2227	31221025299	Nguyễn Lê Nhật	Minh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
2228	31221025299	Nguyễn Lê Nhật	Minh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
2229	31221025299	Nguyễn Lê Nhật	Minh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
2230	31221022367	Nguyễn Ngọc Phương	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.00	10.00
2231	31221022367	Nguyễn Ngọc Phương	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
2232	31221022367	Nguyễn Ngọc Phương	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
2233	31221022367	Nguyễn Ngọc Phương	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.00	10.00
2234	31221024931	Nguyễn Thị Bình	Minh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2235	31221024931	Nguyễn Thị Bình	Minh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2236	31221024931	Nguyễn Thị Bình	Minh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2237	31221024931	Nguyễn Thị Bình	Minh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
2238	31221021574	Nguyễn Thị Cẩm	Minh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2239	31221021574	Nguyễn Thị Cẩm	Minh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2240	31221021574	Nguyễn Thị Cẩm	Minh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2241	31221024656	Nguyễn Trí	Minh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 1	7.00	10.00
2242	31221024656	Nguyễn Trí	Minh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2243	31221024656	Nguyễn Trí	Minh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 3	7.00	10.00
2244	31221024656	Nguyễn Trí	Minh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513128	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 4	7.00	10.00
2245	31221020353	Nguyễn Tuấn	Minh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
2246	31221020353	Nguyễn Tuấn	Minh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
2247	31221020353	Nguyễn Tuấn	Minh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
2248	31221020353	Nguyễn Tuấn	Minh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
2249	31221025825	Nguyễn Võ Quang	Minh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2250	31221025825	Nguyễn Võ Quang	Minh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2251	31221025825	Nguyễn Võ Quang	Minh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2252	31221023339	Phạm Chu	Minh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2253	31221023339	Phạm Chu	Minh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2254	31221023339	Phạm Chu	Minh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2255	31221023339	Phạm Chu	Minh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2256	31221023336	Phạm Đức	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	6.50	10.00
2257	31221023336	Phạm Đức	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.50	10.00
2258	31221023336	Phạm Đức	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.50	10.00
2259	31221023336	Phạm Đức	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.50	10.00
2260	31221023472	Phan Lê Duy	Minh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2261	31221023472	Phan Lê Duy	Minh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2262	31221023472	Phan Lê Duy	Minh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2263	31221023472	Phan Lê Duy	Minh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2264	31221024762	Phan Tuấn	Minh	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2265	31221024762	Phan Tuấn	Minh	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2266	31221024762	Phan Tuấn	Minh	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2267	31221024762	Phan Tuấn	Minh	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2268	31221024760	Trần Khánh	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.00	10.00
2269	31221024760	Trần Khánh	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
2270	31221024760	Trần Khánh	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
2271	31221023819	Trần Ngọc	Minh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2272	31221023819	Trần Ngọc	Minh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2273	31221023819	Trần Ngọc	Minh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2274	31221023819	Trần Ngọc	Minh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2275	31221020737	Trần Nguyễn Tuyết	Minh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2276	31221020737	Trần Nguyễn Tuyết	Minh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2277	31221020737	Trần Nguyễn Tuyết	Minh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2278	31221020737	Trần Nguyễn Tuyết	Minh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2279	31221026884	Trần Như Hiếu	Minh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2280	31221026884	Trần Như Hiếu	Minh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2281	31221026884	Trần Như Hiếu	Minh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2282	31221020352	Trịnh Ngọc Ánh	Minh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2283	31221020352	Trịnh Ngọc Ánh	Minh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2284	31221020352	Trịnh Ngọc Ánh	Minh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2285	31221020352	Trịnh Ngọc Ánh	Minh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2286	31221023338	Trương Anh	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	8.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2287	31221023338	Trương Anh	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	8.00	10.00
2288	31221023338	Trương Anh	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	8.00	10.00
2289	31221023337	Trương Hoàn	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.50	10.00
2290	31221023337	Trương Hoàn	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.50	10.00
2291	31221023337	Trương Hoàn	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.50	10.00
2292	31221023337	Trương Hoàn	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.50	10.00
2293	31221025297	Võ Phương	Minh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
2294	31221025297	Võ Phương	Minh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2295	31221025297	Võ Phương	Minh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2296	31221025297	Võ Phương	Minh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2297	31221021128	Vũ Xuân Hồng	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2298	31221021128	Vũ Xuân Hồng	Minh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2299	31221024496	Nguyễn Thị Xuân	Mơ	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2300	31221024496	Nguyễn Thị Xuân	Mơ	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2301	31221020870	Hoàng	My	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2302	31221020870	Hoàng	My	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2303	31221020870	Hoàng	My	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2304	31221025680	Nguyễn Diệu	My	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2305	31221025680	Nguyễn Diệu	My	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2306	31221024249	Nguyễn Hoàng Trúc	My	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2307	31221024249	Nguyễn Hoàng Trúc	My	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2308	31221024249	Nguyễn Hoàng Trúc	My	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2309	31221024249	Nguyễn Hoàng Trúc	My	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2310	31221023340	Nguyễn Thị Diễm	My	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2311	31221023340	Nguyễn Thị Diễm	My	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2312	31221023340	Nguyễn Thị Diễm	My	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2313	31221023340	Nguyễn Thị Diễm	My	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2314	31221025827	Nguyễn Trà	My	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
2315	31221025827	Nguyễn Trà	My	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
2316	31221025827	Nguyễn Trà	My	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
2317	31221025378	Phạm Phan Hà	My	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2318	31221025378	Phạm Phan Hà	My	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2319	31221025378	Phạm Phan Hà	My	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2320	31221025378	Phạm Phan Hà	My	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2321	31221025176	Phan Thị Hồng	My	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2322	31221025176	Phan Thị Hồng	My	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2323	31221025176	Phan Thị Hồng	My	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2324	31221025176	Phan Thị Hồng	My	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2325	31221022131	Trần Lê Xuân	My	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2326	31221022131	Trần Lê Xuân	My	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2327	31221022131	Trần Lê Xuân	My	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2328	31221022131	Trần Lê Xuân	My	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2329	31221024021	Trần Vương Phương	My	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2330	31221024021	Trần Vương Phương	My	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2331	31221024021	Trần Vương Phương	My	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2332	31221024021	Trần Vương Phương	My	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2333	31221023341	Trương Hà	My	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	6.00	10.00
2334	31221023341	Trương Hà	My	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 3	6.00	10.00
2335	31221023341	Trương Hà	My	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513128	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 4	6.00	9.00
2336	31221024201	Võ Trần Trà	My	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2337	31221024201	Võ Trần Trà	My	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2338	31221024201	Võ Trần Trà	My	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2339	31221024201	Võ Trần Trà	My	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2340	31221026940	Phan Thị Châu	Mỹ	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
2341	31221026940	Phan Thị Châu	Mỹ	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
2342	31221022938	Thái Hồng	Mỹ	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2343	31221022938	Thái Hồng	Mỹ	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2344	31221020287	Trương Huỳnh	Mỹ	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
2345	31221020287	Trương Huỳnh	Mỹ	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
2346	31221020287	Trương Huỳnh	Mỹ	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
2347	31221020287	Trương Huỳnh	Mỹ	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
2348	31221023535	Ngô Thị Chi	Na	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2349	31221023535	Ngô Thị Chi	Na	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2350	31221023535	Ngô Thị Chi	Na	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2351	31221025653	Võ Ly	Na	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
2352	31221025653	Võ Ly	Na	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2353	31221025653	Võ Ly	Na	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2354	31221025653	Võ Ly	Na	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2355	31221024024	Bùi Phương	Nam	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2356	31221024024	Bùi Phương	Nam	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2357	31221024024	Bùi Phương	Nam	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2358	31221024024	Bùi Phương	Nam	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2359	31221021577	Đoàn Phùng Hải	Nam	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
2360	31221021577	Đoàn Phùng Hải	Nam	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
2361	31221021577	Đoàn Phùng Hải	Nam	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
2362	31221021577	Đoàn Phùng Hải	Nam	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
2363	31221023504	Nguyễn Đặng	Nam	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
2364	31221023504	Nguyễn Đặng	Nam	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
2365	31221023504	Nguyễn Đặng	Nam	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
2366	31221023504	Nguyễn Đặng	Nam	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
2367	31221023204	Nguyễn Quốc	Nam	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
2368	31221023204	Nguyễn Quốc	Nam	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2369	31221023204	Nguyễn Quốc	Nam	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2370	31221023204	Nguyễn Quốc	Nam	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2371	31221020873	Nguyễn Vũ	Nam	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2372	31221020873	Nguyễn Vũ	Nam	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2373	31221025300	Võ Hoài	Nam	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
2374	31221025300	Võ Hoài	Nam	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2375	31221025300	Võ Hoài	Nam	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
2376	31221025300	Võ Hoài	Nam	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
2377	31221022211	Hà Thụy Hằng	Nga	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2378	31221022211	Hà Thụy Hằng	Nga	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2379	31221022211	Hà Thụy Hằng	Nga	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2380	31221022211	Hà Thụy Hằng	Nga	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2381	31221020427	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
2382	31221020427	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
2383	31221020427	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
2384	31221020427	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
2385	31221025911	Phan Thu	Nga	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	5.50	9.00
2386	31221025911	Phan Thu	Nga	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	5.50	9.00
2387	31221025911	Phan Thu	Nga	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	5.50	8.00
2388	31221021581	Bùi Thị Kim	Ngân	Kiểm toán CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	780.00	10.00
2389	31221021581	Bùi Thị Kim	Ngân	Kiểm toán CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	780.00	10.00
2390	31221021581	Bùi Thị Kim	Ngân	Kiểm toán CLC-TV - K48	TOEIC	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	780.00	10.00
2391	31221020041	Bùi Thị Kim	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
2392	31221020041	Bùi Thị Kim	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
2393	31221020041	Bùi Thị Kim	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
2394	31221020041	Bùi Thị Kim	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
2395	31221021289	Đặng Hoàng	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
2396	31221021289	Đặng Hoàng	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
2397	31221021289	Đặng Hoàng	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
2398	31221021289	Đặng Hoàng	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
2399	31221025832	Đinh Bội	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
2400	31221025832	Đinh Bội	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
2401	31221025832	Đinh Bội	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
2402	31221025832	Đinh Bội	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
2403	31221027124	Đỗ Thanh	Ngân	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2404	31221027124	Đỗ Thanh	Ngân	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2405	31221027124	Đỗ Thanh	Ngân	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2406	31221027124	Đỗ Thanh	Ngân	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
2407	31221022232	Đoàn Thị Thảo	Ngân	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
2408	31221022232	Đoàn Thị Thảo	Ngân	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2409	31221022232	Đoàn Thị Thảo	Ngân	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2410	31221022232	Đoàn Thị Thảo	Ngân	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2411	31221026203	Huỳnh Lê Bảo	Ngân	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2412	31221026203	Huỳnh Lê Bảo	Ngân	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2413	31221026203	Huỳnh Lê Bảo	Ngân	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2414	31221026203	Huỳnh Lê Bảo	Ngân	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2415	31221023718	Lê Thanh Liên	Ngân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2416	31221023718	Lê Thanh Liên	Ngân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2417	31221025301	Lê Thị Thảo	Ngân	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2418	31221025301	Lê Thị Thảo	Ngân	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2419	31221025301	Lê Thị Thảo	Ngân	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2420	31221025301	Lê Thị Thảo	Ngân	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
2421	31221020639	Lê Trần Minh	Ngân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
2422	31221020639	Lê Trần Minh	Ngân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
2423	31221020639	Lê Trần Minh	Ngân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
2424	31221020639	Lê Trần Minh	Ngân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
2425	31221025477	Mai Hoàng Châu	Ngân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
2426	31221025477	Mai Hoàng Châu	Ngân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
2427	31221022212	Mai Trương Ngọc	Ngân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2428	31221022212	Mai Trương Ngọc	Ngân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2429	31221022212	Mai Trương Ngọc	Ngân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2430	31221022212	Mai Trương Ngọc	Ngân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2431	31221023582	Nguyễn Đinh Khánh	Ngân	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2432	31221023582	Nguyễn Đinh Khánh	Ngân	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2433	31221023582	Nguyễn Đinh Khánh	Ngân	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2434	31221023582	Nguyễn Đinh Khánh	Ngân	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2435	31221022104	Nguyễn Huỳnh Băng	Ngân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2436	31221022104	Nguyễn Huỳnh Băng	Ngân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2437	31221022104	Nguyễn Huỳnh Băng	Ngân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2438	31221022185	Nguyễn Thái Thu	Ngân	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2439	31221022185	Nguyễn Thái Thu	Ngân	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2440	31221022185	Nguyễn Thái Thu	Ngân	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2441	31221022185	Nguyễn Thái Thu	Ngân	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2442	31221025913	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2443	31221025913	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2444	31221025913	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2445	31221021579	Nguyễn Thị Hoàng	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
2446	31221021579	Nguyễn Thị Hoàng	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
2447	31221021579	Nguyễn Thị Hoàng	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
2448	31221022231	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
2449	31221022231	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
2450	31221022231	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
2451	31221022231	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
2452	31221027117	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2453	31221027117	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2454	31221023583	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2455	31221023583	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2456	31221023583	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2457	31221024484	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2458	31221024484	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2459	31221024484	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2460	31221024484	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2461	31221025580	Nguyễn Thị Thy	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	5.50	9.00
2462	31221025580	Nguyễn Thị Thy	Ngân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	5.50	9.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2463	31221021583	Phạm Kim	Ngân	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2464	31221021583	Phạm Kim	Ngân	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2465	31221021583	Phạm Kim	Ngân	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2466	31221021583	Phạm Kim	Ngân	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
2467	31221025136	Phan Thị Kim	Ngân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2468	31221025136	Phan Thị Kim	Ngân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2469	31221025136	Phan Thị Kim	Ngân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2470	31221025136	Phan Thị Kim	Ngân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2471	31221020229	Thái Thúy	Ngân	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2472	31221020229	Thái Thúy	Ngân	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2473	31221020229	Thái Thúy	Ngân	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2474	31221020876	Trần Đặng Thảo	Ngân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.00	10.00
2475	31221020876	Trần Đặng Thảo	Ngân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
2476	31221020876	Trần Đặng Thảo	Ngân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
2477	31221020876	Trần Đặng Thảo	Ngân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.00	10.00
2478	31221020189	Trần Đình Thiên	Ngân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2479	31221020189	Trần Đình Thiên	Ngân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2480	31221020189	Trần Đình Thiên	Ngân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2481	31221020189	Trần Đình Thiên	Ngân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2482	31221020040	Trần Khánh	Ngân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2483	31221020040	Trần Khánh	Ngân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2484	31221020040	Trần Khánh	Ngân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2485	31221020040	Trần Khánh	Ngân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2486	31221026517	Trần Khánh	Ngân	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2487	31221026517	Trần Khánh	Ngân	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2488	31221026517	Trần Khánh	Ngân	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2489	31221023506	Trần Kim	Ngân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2490	31221024283	Trần Thảo	Ngân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2491	31221024283	Trần Thảo	Ngân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2492	31221024283	Trần Thảo	Ngân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2493	31221024283	Trần Thảo	Ngân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2494	31221021673	Trần Thị Tuyết	Ngân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
2495	31221021673	Trần Thị Tuyết	Ngân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
2496	31221021673	Trần Thị Tuyết	Ngân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
2497	31221021673	Trần Thị Tuyết	Ngân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
2498	31221020571	Trần Thiên	Ngân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2499	31221020571	Trần Thiên	Ngân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2500	31221020571	Trần Thiên	Ngân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2501	31221020571	Trần Thiên	Ngân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2502	31221021582	Trần Thúy	Ngân	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
2503	31221021582	Trần Thúy	Ngân	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2504	31221021582	Trần Thúy	Ngân	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2505	31221021582	Trần Thúy	Ngân	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2506	31221023914	Trịnh Mai	Ngân	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2507	31221023914	Trịnh Mai	Ngân	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
2508	31221023914	Trịnh Mai	Ngân	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
2509	31221023914	Trịnh Mai	Ngân	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
2510	31221025834	Võ Huỳnh Hạnh	Ngân	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
2511	31221025834	Võ Huỳnh Hạnh	Ngân	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
2512	31221025834	Võ Huỳnh Hạnh	Ngân	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
2513	31221025834	Võ Huỳnh Hạnh	Ngân	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
2514	31221025581	Võ Phan Thái	Ngân	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2515	31221025581	Võ Phan Thái	Ngân	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2516	31221025581	Võ Phan Thái	Ngân	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2517	31221025581	Võ Phan Thái	Ngân	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2518	31221024821	Cao Quỳnh	Nghi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2519	31221024821	Cao Quỳnh	Nghi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2520	31221024821	Cao Quỳnh	Nghi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2521	31221024821	Cao Quỳnh	Nghi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2522	31221023344	Đặng Vũ Xuân	Nghi	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2523	31221023344	Đặng Vũ Xuân	Nghi	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2524	31221023344	Đặng Vũ Xuân	Nghi	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2525	31221023344	Đặng Vũ Xuân	Nghi	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2526	31221020190	Giáp Xuân	Nghi	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513097	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 1	6.50	10.00
2527	31221020190	Giáp Xuân	Nghi	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	6.50	10.00
2528	31221020190	Giáp Xuân	Nghi	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	6.50	10.00
2529	31221020190	Giáp Xuân	Nghi	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	6.50	10.00
2530	31221020879	Huỳnh Chung Bảo	Nghi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2531	31221020879	Huỳnh Chung Bảo	Nghi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2532	31221020879	Huỳnh Chung Bảo	Nghi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2533	31221020879	Huỳnh Chung Bảo	Nghi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2534	31221026090	Huỳnh Thị Vân	Nghi	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2535	31221026090	Huỳnh Thị Vân	Nghi	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2536	31221026090	Huỳnh Thị Vân	Nghi	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2537	31221026090	Huỳnh Thị Vân	Nghi	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2538	31221020493	Ngô Lê Thảo	Nghi	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2539	31221020493	Ngô Lê Thảo	Nghi	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2540	31221020493	Ngô Lê Thảo	Nghi	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2541	31221020493	Ngô Lê Thảo	Nghi	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2542	31221025749	Ngô Ngọc Phương	Nghi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2543	31221025749	Ngô Ngọc Phương	Nghi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2544	31221025749	Ngô Ngọc Phương	Nghi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2545	31221025749	Ngô Ngọc Phương	Nghi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2546	31221022562	Nguyễn Bình Trúc	Nghi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2547	31221022562	Nguyễn Bình Trúc	Nghi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2548	31221022562	Nguyễn Bình Trúc	Nghi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2549	31221021208	Nguyễn Ngọc Bảo	Nghi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2550	31221021208	Nguyễn Ngọc Bảo	Nghi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2551	31221021208	Nguyễn Ngọc Bảo	Nghi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2552	31221021208	Nguyễn Ngọc Bảo	Nghi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2553	31221023821	Nguyễn Vĩnh	Nghi	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2554	31221023821	Nguyễn Vĩnh	Nghi	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2555	31221023821	Nguyễn Vĩnh	Nghi	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2556	31221023821	Nguyễn Vĩnh	Nghi	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2557	31221023205	Thái Gia	Nghi	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2558	31221023205	Thái Gia	Nghi	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2559	31221023205	Thái Gia	Nghi	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2560	31221023205	Thái Gia	Nghi	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2561	31221021935	Trần Huỳnh Phương	Nghi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2562	31221021935	Trần Huỳnh Phương	Nghi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2563	31221027094	Hà Xuân	Nghĩa	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2564	31221027094	Hà Xuân	Nghĩa	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2565	31221027094	Hà Xuân	Nghĩa	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2566	31221027094	Hà Xuân	Nghĩa	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
2567	31221024351	Nguyễn Đăng	Nghĩa	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2568	31221024351	Nguyễn Đăng	Nghĩa	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2569	31221024351	Nguyễn Đăng	Nghĩa	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2570	31221024351	Nguyễn Đăng	Nghĩa	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2571	31221020359	Nguyễn Trung	Nghĩa	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2572	31221020359	Nguyễn Trung	Nghĩa	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2573	31221020359	Nguyễn Trung	Nghĩa	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2574	31221020359	Nguyễn Trung	Nghĩa	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2575	31221020079	Phạm Thanh	Nghĩa	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
2576	31221020079	Phạm Thanh	Nghĩa	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2577	31221023345	Phạm Võ Trọng	Nghĩa	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2578	31221023345	Phạm Võ Trọng	Nghĩa	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2579	31221023345	Phạm Võ Trọng	Nghĩa	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
2580	31221024764	Trần Ngọc	Nghĩa	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2581	31221024764	Trần Ngọc	Nghĩa	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2582	31221024764	Trần Ngọc	Nghĩa	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2583	31221024764	Trần Ngọc	Nghĩa	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2584	31221025137	Võ Đức	Nghĩa	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2585	31221025137	Võ Đức	Nghĩa	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2586	31221025137	Võ Đức	Nghĩa	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2587	31221025137	Võ Đức	Nghĩa	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2588	31221022267	Bành Đặng Bảo	Ngọc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
2589	31221022267	Bành Đặng Bảo	Ngọc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
2590	31221022267	Bành Đặng Bảo	Ngọc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
2591	31221022267	Bành Đặng Bảo	Ngọc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
2592	31221025086	Đặng Bảo	Ngọc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2593	31221025086	Đặng Bảo	Ngọc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2594	31221025086	Đặng Bảo	Ngọc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2595	31221025086	Đặng Bảo	Ngọc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2596	31221023158	Đặng Như	Ngọc	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2597	31221023158	Đặng Như	Ngọc	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2598	31221023158	Đặng Như	Ngọc	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2599	31221023158	Đặng Như	Ngọc	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2600	31221024932	Đinh Bảo	Ngọc	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2601	31221024932	Đinh Bảo	Ngọc	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2602	31221025457	Đinh Như	Ngọc	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.50	10.00
2603	31221025457	Đinh Như	Ngọc	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.50	10.00
2604	31221025457	Đinh Như	Ngọc	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.50	10.00
2605	31221024028	Đinh Thị Bảo	Ngọc	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
2606	31221024028	Đinh Thị Bảo	Ngọc	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
2607	31221025055	Hoàng Nguyễn Lâm	Ngọc	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2608	31221025055	Hoàng Nguyễn Lâm	Ngọc	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2609	31221025055	Hoàng Nguyễn Lâm	Ngọc	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2610	31221025148	Hoàng Trần Minh	Ngọc	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2611	31221025148	Hoàng Trần Minh	Ngọc	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2612	31221025148	Hoàng Trần Minh	Ngọc	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2613	31221020124	Huỳnh Lê Thiên	Ngọc	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2614	31221023159	Huỳnh Như	Ngọc	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2615	31221023159	Huỳnh Như	Ngọc	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2616	31221023159	Huỳnh Như	Ngọc	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2617	31221023159	Huỳnh Như	Ngọc	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2618	31221022678	Lâm Hồng	Ngọc	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2619	31221022678	Lâm Hồng	Ngọc	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2620	31221022678	Lâm Hồng	Ngọc	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2621	31221022678	Lâm Hồng	Ngọc	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2622	31221020749	Lê Đình Bảo	Ngọc	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2623	31221022284	Lê Hoàng Bảo	Ngọc	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	6.50	10.00
2624	31221022284	Lê Hoàng Bảo	Ngọc	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.50	10.00
2625	31221022284	Lê Hoàng Bảo	Ngọc	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.50	10.00
2626	31221022284	Lê Hoàng Bảo	Ngọc	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.50	10.00
2627	31221027076	Lê Mỹ	Ngọc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
2628	31221027076	Lê Mỹ	Ngọc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
2629	31221027076	Lê Mỹ	Ngọc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
2630	31221027076	Lê Mỹ	Ngọc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
2631	31221026092	Lê Thị Thiên	Ngọc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2632	31221026092	Lê Thị Thiên	Ngọc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2633	31221026092	Lê Thị Thiên	Ngọc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2634	31221026092	Lê Thị Thiên	Ngọc	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2635	31221021020	Nguyễn Hồ Huyền	Ngọc	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2636	31221021133	Nguyễn Hoàng Như	Ngọc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
2637	31221021133	Nguyễn Hoàng Như	Ngọc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
2638	31221025303	Nguyễn Phước Bảo	Ngọc	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2639	31221025303	Nguyễn Phước Bảo	Ngọc	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2640	31221025303	Nguyễn Phước Bảo	Ngọc	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2641	31221025303	Nguyễn Phước Bảo	Ngọc	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2642	31221022601	Nguyễn Thế	Ngọc	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2643	31221022601	Nguyễn Thế	Ngọc	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2644	31221022601	Nguyễn Thế	Ngọc	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2645	31221022601	Nguyễn Thế	Ngọc	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2646	31221025304	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
2647	31221024822	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2648	31221024822	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2649	31221024822	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2650	31221024822	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2651	31221022677	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2652	31221022677	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2653	31221022677	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2654	31221022677	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2655	31221022617	Phan Bảo	Ngọc	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2656	31221022617	Phan Bảo	Ngọc	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2657	31221022617	Phan Bảo	Ngọc	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2658	31221022617	Phan Bảo	Ngọc	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
2659	31221026522	Phan Lê Bích	Ngọc	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2660	31221026522	Phan Lê Bích	Ngọc	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2661	31221026522	Phan Lê Bích	Ngọc	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2662	31221026522	Phan Lê Bích	Ngọc	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
2663	31221026012	Phan Thị Ánh	Ngọc	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2664	31221026012	Phan Thị Ánh	Ngọc	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2665	31221026012	Phan Thị Ánh	Ngọc	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2666	31221020289	Phan Yến	Ngọc	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	8.00	10.00
2667	31221020289	Phan Yến	Ngọc	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	8.00	10.00
2668	31221020289	Phan Yến	Ngọc	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	8.00	10.00
2669	31221020289	Phan Yến	Ngọc	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	8.00	10.00
2670	31221021294	Thái Thị Minh	Ngọc	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.00	9.00
2671	31221025584	Trần Bảo	Ngọc	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2672	31221025584	Trần Bảo	Ngọc	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2673	31221025584	Trần Bảo	Ngọc	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2674	31221025584	Trần Bảo	Ngọc	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2675	31221020882	Trần Bảo	Ngọc	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2676	31221020882	Trần Bảo	Ngọc	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2677	31221020882	Trần Bảo	Ngọc	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2678	31221020882	Trần Bảo	Ngọc	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2679	31221022417	Võ Thị Mỹ	Ngọc	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2680	31221022417	Võ Thị Mỹ	Ngọc	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2681	31221022417	Võ Thị Mỹ	Ngọc	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2682	31221025837	Vũ Kim	Ngọc	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2683	31221025837	Vũ Kim	Ngọc	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
2684	31221025837	Vũ Kim	Ngọc	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
2685	31221025837	Vũ Kim	Ngọc	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
2686	31221024823	Nguyễn Thi	Ngữ	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2687	31221024823	Nguyễn Thi	Ngữ	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2688	31221025305	Bạch Phúc	Nguyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
2689	31221025305	Bạch Phúc	Nguyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
2690	31221025305	Bạch Phúc	Nguyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
2691	31221025305	Bạch Phúc	Nguyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
2692	31221026317	Đặng Thị Hà	Nguyên	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2693	31221026317	Đặng Thị Hà	Nguyên	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2694	31221026317	Đặng Thị Hà	Nguyên	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2695	31221026317	Đặng Thị Hà	Nguyên	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2696	31221023585	Đỗ Khôi	Nguyên	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2697	31221023585	Đỗ Khôi	Nguyên	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2698	31221023585	Đỗ Khôi	Nguyên	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2699	31221023585	Đỗ Khôi	Nguyên	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2700	31221025087	Đoàn Cao Bình	Nguyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2701	31221025087	Đoàn Cao Bình	Nguyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2702	31221025087	Đoàn Cao Bình	Nguyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2703	31221024441	Dương Phục	Nguyên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2704	31221024441	Dương Phục	Nguyên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2705	31221024441	Dương Phục	Nguyên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2706	31221024441	Dương Phục	Nguyên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2707	31221026093	Hoàng Trần Thảo	Nguyên	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513097	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 1	6.50	10.00
2708	31221026093	Hoàng Trần Thảo	Nguyên	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	6.50	10.00
2709	31221026093	Hoàng Trần Thảo	Nguyên	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	6.50	10.00
2710	31221026093	Hoàng Trần Thảo	Nguyên	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	6.50	10.00
2711	31221022156	Huỳnh Nguyễn Phúc	Nguyên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
2712	31221022156	Huỳnh Nguyễn Phúc	Nguyên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
2713	31221022156	Huỳnh Nguyễn Phúc	Nguyên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
2714	31221022156	Huỳnh Nguyễn Phúc	Nguyên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
2715	31221020884	Huỳnh Trịnh Đăng	Nguyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2716	31221020884	Huỳnh Trịnh Đăng	Nguyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2717	31221020884	Huỳnh Trịnh Đăng	Nguyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2718	31221020884	Huỳnh Trịnh Đăng	Nguyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2719	31221020753	Ma Thuận	Nguyên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2720	31221020753	Ma Thuận	Nguyên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2721	31221020753	Ma Thuận	Nguyên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2722	31221020753	Ma Thuận	Nguyên	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2723	31221024034	Nguyễn Khôi	Nguyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2724	31221024034	Nguyễn Khôi	Nguyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2725	31221024034	Nguyễn Khôi	Nguyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2726	31221024034	Nguyễn Khôi	Nguyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2727	31221024353	Nguyễn Lê Quỳnh	Nguyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
2728	31221024353	Nguyễn Lê Quỳnh	Nguyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
2729	31221024353	Nguyễn Lê Quỳnh	Nguyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
2730	31221024353	Nguyễn Lê Quỳnh	Nguyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
2731	31221024659	Nguyễn Ngọc Khánh	Nguyên	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2732	31221024659	Nguyễn Ngọc Khánh	Nguyên	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2733	31221024659	Nguyễn Ngọc Khánh	Nguyên	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2734	31221025228	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2735	31221025228	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2736	31221025228	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2737	31221025228	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2738	31221022512	Nguyễn Thị Tố	Nguyên	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
2739	31221024934	Phạm Châu	Nguyên	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2740	31221024934	Phạm Châu	Nguyên	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2741	31221024934	Phạm Châu	Nguyên	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2742	31221024934	Phạm Châu	Nguyên	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2743	31221026096	Phạm Ngọc Minh	Nguyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
2744	31221026096	Phạm Ngọc Minh	Nguyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
2745	31221026096	Phạm Ngọc Minh	Nguyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
2746	31221026096	Phạm Ngọc Minh	Nguyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
2747	31221021589	Phạm Phúc	Nguyên	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
2748	31221021589	Phạm Phúc	Nguyên	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2749	31221021589	Phạm Phúc	Nguyên	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2750	31221021589	Phạm Phúc	Nguyên	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2751	31221023350	Trần Nguyễn Thảo	Nguyên	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2752	31221023350	Trần Nguyễn Thảo	Nguyên	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2753	31221023350	Trần Nguyễn Thảo	Nguyên	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2754	31221022984	Trần Thảo	Nguyên	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2755	31221022984	Trần Thảo	Nguyên	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2756	31221022984	Trần Thảo	Nguyên	Kiến trúc và thiết kê đô thị thông minh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2757	31221027106	Trịnh Hải	Nguyên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
2758	31221027106	Trịnh Hải	Nguyên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
2759	31221027106	Trịnh Hải	Nguyên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
2760	31221027106	Trịnh Hải	Nguyên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
2761	31221025307	Võ Huyền Tâm	Nguyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	8.00	10.00
2762	31221025307	Võ Huyền Tâm	Nguyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	8.00	10.00
2763	31221025307	Võ Huyền Tâm	Nguyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	8.00	10.00
2764	31221025307	Võ Huyền Tâm	Nguyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	8.00	10.00
2765	31221024033	Võ Ngọc Thảo	Nguyên	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2766	31221024033	Võ Ngọc Thảo	Nguyên	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2767	31221024033	Võ Ngọc Thảo	Nguyên	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2768	31221026599	Đào Vũ Ánh	Nguyệt	Quản trị bệnh viện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2769	31221026599	Đào Vũ Ánh	Nguyệt	Quản trị bệnh viện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2770	31221020645	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2771	31221020645	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2772	31221020645	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2773	31221020886	Phạm Minh	Nguyệt	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2774	31221020886	Phạm Minh	Nguyệt	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2775	31221020886	Phạm Minh	Nguyệt	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2776	31221020886	Phạm Minh	Nguyệt	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2777	31221020230	Vũ Hiếu	Nguyệt	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2778	31221020230	Vũ Hiếu	Nguyệt	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2779	31221020230	Vũ Hiếu	Nguyệt	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2780	31221020230	Vũ Hiếu	Nguyệt	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2781	31221025635	Đỗ Thanh	Nhàn	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2782	31221025635	Đỗ Thanh	Nhàn	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2783	31221025635	Đỗ Thanh	Nhàn	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2784	31221025635	Đỗ Thanh	Nhàn	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2785	31221026319	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2786	31221025887	Trà Thị Thanh	Nhàn	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2787	31221025887	Trà Thị Thanh	Nhàn	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2788	31221025887	Trà Thị Thanh	Nhàn	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2789	31221024661	Võ Lê Thanh	Nhàn	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2790	31221024661	Võ Lê Thanh	Nhàn	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2791	31221024661	Võ Lê Thanh	Nhàn	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2792	31221021295	Danh Trí	Nhân	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2793	31221021295	Danh Trí	Nhân	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2794	31221021295	Danh Trí	Nhân	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2795	31221021295	Danh Trí	Nhân	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2796	31221022171	Đỗ Lê Tùng	Nhân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2797	31221022171	Đỗ Lê Tùng	Nhân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2798	31221022171	Đỗ Lê Tùng	Nhân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2799	31221022171	Đỗ Lê Tùng	Nhân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2800	31221024254	Lý Vũ Trọng	Nhân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2801	31221024254	Lý Vũ Trọng	Nhân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2802	31221024254	Lý Vũ Trọng	Nhân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2803	31221024254	Lý Vũ Trọng	Nhân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2804	31221021140	Nghiêm Phúc	Nhân	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2805	31221021140	Nghiêm Phúc	Nhân	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2806	31221021140	Nghiêm Phúc	Nhân	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2807	31221021140	Nghiêm Phúc	Nhân	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2808	31221020128	Nguyễn Đặng Trung	Nhân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
2809	31221020128	Nguyễn Đặng Trung	Nhân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
2810	31221020128	Nguyễn Đặng Trung	Nhân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
2811	31221025179	Nguyễn Đình	Nhân	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2812	31221025179	Nguyễn Đình	Nhân	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2813	31221025179	Nguyễn Đình	Nhân	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2814	31221025179	Nguyễn Đình	Nhân	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2815	31221026469	Nguyễn Kim	Nhân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
2816	31221026469	Nguyễn Kim	Nhân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
2817	31221026469	Nguyễn Kim	Nhân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
2818	31221026469	Nguyễn Kim	Nhân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
2819	31221023160	Phan Thành	Nhân	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2820	31221023160	Phan Thành	Nhân	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2821	31221023160	Phan Thành	Nhân	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2822	31221023160	Phan Thành	Nhân	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2823	31221026684	Phan Thành	Nhân	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2824	31221026684	Phan Thành	Nhân	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2825	31221026684	Phan Thành	Nhân	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2826	31221026684	Phan Thành	Nhân	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2827	31221020887	Trần Trọng	Nhân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
2828	31221020887	Trần Trọng	Nhân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
2829	31221020887	Trần Trọng	Nhân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
2830	31221026099	Đoàn Minh	Nhật	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2831	31221026099	Đoàn Minh	Nhật	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2832	31221026099	Đoàn Minh	Nhật	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2833	31221026099	Đoàn Minh	Nhật	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2834	31221021142	Nguyễn Quang	Nhật	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2835	31221021142	Nguyễn Quang	Nhật	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2836	31221021142	Nguyễn Quang	Nhật	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2837	31221021142	Nguyễn Quang	Nhật	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2838	31221023438	Nguyễn Trần Minh	Nhật	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2839	31221023438	Nguyễn Trần Minh	Nhật	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2840	31221023438	Nguyễn Trần Minh	Nhật	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2841	31221023438	Nguyễn Trần Minh	Nhật	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2842	31221020888	Trần Minh	Nhật	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
2843	31221020888	Trần Minh	Nhật	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
2844	31221024936	Võ Hồng	Nhật	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
2845	31221024936	Võ Hồng	Nhật	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
2846	31221024936	Võ Hồng	Nhật	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
2847	31221024936	Võ Hồng	Nhật	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
2848	31221026695	Vũ Thanh Trúc	Nhật	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.00	9.00
2849	31221026104	Bùi Băng	Nhi	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
2850	31221026104	Bùi Băng	Nhi	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
2851	31221026104	Bùi Băng	Nhi	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
2852	31221026104	Bùi Băng	Nhi	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
2853	31221020364	Cao Ngọc Yến	Nhi	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2854	31221020364	Cao Ngọc Yến	Nhi	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2855	31221020364	Cao Ngọc Yến	Nhi	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2856	31221020364	Cao Ngọc Yến	Nhi	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2857	31221020130	Đặng Phương	Nhi	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2858	31221025041	Đặng Yến	Nhi	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2859	31221025041	Đặng Yến	Nhi	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2860	31221025041	Đặng Yến	Nhi	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2861	31221024044	Đào Ngọc	Nhi	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2862	31221024044	Đào Ngọc	Nhi	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2863	31221020889	Đậu An	Nhi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2864	31221020889	Đậu An	Nhi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2865	31221020889	Đậu An	Nhi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2866	31221020889	Đậu An	Nhi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2867	31221025588	Đinh Nữ Nguyệt	Nhi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.50	10.00
2868	31221025588	Đinh Nữ Nguyệt	Nhi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.50	10.00
2869	31221025588	Đinh Nữ Nguyệt	Nhi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.50	10.00
2870	31221026324	Đinh Trần Quỳnh	Nhi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2871	31221026324	Đinh Trần Quỳnh	Nhi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2872	31221026324	Đinh Trần Quỳnh	Nhi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2873	31221026324	Đinh Trần Quỳnh	Nhi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2874	31221023508	Đỗ Thị Thảo	Nhi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2875	31221023508	Đỗ Thị Thảo	Nhi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2876	31221023508	Đỗ Thị Thảo	Nhi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2877	31221023508	Đỗ Thị Thảo	Nhi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2878	31221025589	Đoàn Nguyễn Hạnh	Nhi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
2879	31221025589	Đoàn Nguyễn Hạnh	Nhi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
2880	31221025589	Đoàn Nguyễn Hạnh	Nhi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.00	10.00
2881	31221025841	Đoàn Vũ Yến	Nhi	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2882	31221025841	Đoàn Vũ Yến	Nhi	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2883	31221025841	Đoàn Vũ Yến	Nhi	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2884	31221025841	Đoàn Vũ Yến	Nhi	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2885	31221020648	Dương Ngọc Phương	Nhi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2886	31221020648	Dương Ngọc Phương	Nhi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2887	31221022619	Hồ Ngọc Khánh	Nhi	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2888	31221023588	Hồ Nguyễn Yến	Nhi	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2889	31221023588	Hồ Nguyễn Yến	Nhi	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2890	31221023588	Hồ Nguyễn Yến	Nhi	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2891	31221021209	Hoàng Yến	Nhi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
2892	31221021209	Hoàng Yến	Nhi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
2893	31221021209	Hoàng Yến	Nhi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
2894	31221021209	Hoàng Yến	Nhi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
2895	31221023936	Huỳnh Nguyễn Yến	Nhi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2896	31221023936	Huỳnh Nguyễn Yến	Nhi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2897	31221023936	Huỳnh Nguyễn Yến	Nhi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2898	31221023788	Huỳnh Ngọc Xuân	Nhi	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
2899	31221023788	Huỳnh Ngọc Xuân	Nhi	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
2900	31221023788	Huỳnh Ngọc Xuân	Nhi	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
2901	31221021596	Huỳnh Thị Yến	Nhi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2902	31221021596	Huỳnh Thị Yến	Nhi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2903	31221021596	Huỳnh Thị Yến	Nhi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2904	31221021596	Huỳnh Thị Yến	Nhi	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2905	31221025889	Lâm Yến	Nhi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
2906	31221025889	Lâm Yến	Nhi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2907	31221025889	Lâm Yến	Nhi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2908	31221025889	Lâm Yến	Nhi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2909	31221024049	Lê Đào Phương	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2910	31221024049	Lê Đào Phương	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2911	31221024049	Lê Đào Phương	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2912	31221026810	Lê Vân Yến	Nhi	Thống kê kinh doanh - K48	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	865.00	10.00
2913	31221026810	Lê Vân Yến	Nhi	Thống kê kinh doanh - K48	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	865.00	10.00
2914	31221026810	Lê Vân Yến	Nhi	Thống kê kinh doanh - K48	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	865.00	10.00
2915	31221026810	Lê Vân Yến	Nhi	Thống kê kinh doanh - K48	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	865.00	10.00
2916	31221020366	Lê Vương Phương	Nhi	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2917	31221020366	Lê Vương Phương	Nhi	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2918	31221020366	Lê Vương Phương	Nhi	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2919	31221020366	Lê Vương Phương	Nhi	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2920	31221023824	Lục Xuân	Nhi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2921	31221023824	Lục Xuân	Nhi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2922	31221021597	Ngô Hạnh	Nhi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.50	10.00
2923	31221021597	Ngô Hạnh	Nhi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.50	10.00
2924	31221021597	Ngô Hạnh	Nhi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.50	10.00
2925	31221021597	Ngô Hạnh	Nhi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.50	10.00
2926	31221020497	Nguyễn Ánh Nguyệt	Nhi	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
2927	31221020497	Nguyễn Ánh Nguyệt	Nhi	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2928	31221020497	Nguyễn Ánh Nguyệt	Nhi	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2929	31221024258	Nguyễn Đoàn Yến	Nhi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2930	31221020369	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
2931	31221020369	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
2932	31221020369	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
2933	31221020369	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
2934	31221026106	Nguyễn Lê Yến	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2935	31221026106	Nguyễn Lê Yến	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2936	31221026106	Nguyễn Lê Yến	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2937	31221026106	Nguyễn Lê Yến	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2938	31221022360	Nguyễn Ngọc Thiên	Nhi	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
2939	31221022360	Nguyễn Ngọc Thiên	Nhi	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2940	31221022360	Nguyễn Ngọc Thiên	Nhi	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2941	31221021028	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2942	31221021028	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2943	31221021028	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2944	31221023657	Nguyễn Phạm Hoàng	Nhi	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2945	31221023657	Nguyễn Phạm Hoàng	Nhi	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2946	31221023657	Nguyễn Phạm Hoàng	Nhi	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2947	31221025312	Nguyễn Phan Phương	Nhi	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
2948	31221025312	Nguyễn Phan Phương	Nhi	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
2949	31221025312	Nguyễn Phan Phương	Nhi	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
2950	31221023589	Nguyễn Thanh Uyên	Nhi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
2951	31221023589	Nguyễn Thanh Uyên	Nhi	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
2952	31221024041	Nguyễn Thị Hiền	Nhi	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2953	31221024041	Nguyễn Thị Hiền	Nhi	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2954	31221024041	Nguyễn Thị Hiền	Nhi	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2955	31221025221	Nguyễn Thị Linh	Nhi	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
2956	31221025221	Nguyễn Thị Linh	Nhi	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
2957	31221025089	Nguyễn Trần Ngọc	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2958	31221025089	Nguyễn Trần Ngọc	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2959	31221025089	Nguyễn Trần Ngọc	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2960	31221025089	Nguyễn Trần Ngọc	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2961	31221021939	Nguyễn Vũ Ánh	Nhi	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
2962	31221021939	Nguyễn Vũ Ánh	Nhi	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
2963	31221021939	Nguyễn Vũ Ánh	Nhi	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
2964	31221021144	Nguyễn Yến	Nhi	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
2965	31221021144	Nguyễn Yến	Nhi	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
2966	31221021144	Nguyễn Yến	Nhi	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
2967	31221021144	Nguyễn Yến	Nhi	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
2968	31221025359	Thái Hương	Nhi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2969	31221025359	Thái Hương	Nhi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2970	31221025359	Thái Hương	Nhi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2971	31221025359	Thái Hương	Nhi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2972	31221020291	Thái Nguyễn Yến	Nhi	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
2973	31221020291	Thái Nguyễn Yến	Nhi	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
2974	31221020291	Thái Nguyễn Yến	Nhi	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
2975	31221021423	Tiết Đình Uyển	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
2976	31221021423	Tiết Đình Uyển	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
2977	31221021423	Tiết Đình Uyển	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
2978	31221021423	Tiết Đình Uyển	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
2979	31221021593	Trần Lê Uyên	Nhi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2980	31221021593	Trần Lê Uyên	Nhi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2981	31221021593	Trần Lê Uyên	Nhi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2982	31221021593	Trần Lê Uyên	Nhi	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2983	31221026415	Trần Mai Yến	Nhi	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
2984	31221026415	Trần Mai Yến	Nhi	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
2985	31221026415	Trần Mai Yến	Nhi	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
2986	31221026415	Trần Mai Yến	Nhi	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
2987	31221024048	Trần Nguyễn Phương	Nhi	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
2988	31221024048	Trần Nguyễn Phương	Nhi	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
2989	31221024048	Trần Nguyễn Phương	Nhi	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
2990	31221024048	Trần Nguyễn Phương	Nhi	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
2991	31221024768	Trần Thị Uyển	Nhi	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
2992	31221024768	Trần Thị Uyển	Nhi	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
2993	31221024768	Trần Thị Uyển	Nhi	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
2994	31221025381	Trần Thị Yến	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
2995	31221025381	Trần Thị Yến	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2996	31221025381	Trần Thị Yến	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
2997	31221025381	Trần Thị Yến	Nhi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
2998	31221024709	Võ Minh Ý	Nhi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
2999	31221024709	Võ Minh Ý	Nhi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3000	31221024709	Võ Minh Ý	Nhi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3001	31221026321	Vũ Hoàng Yến	Nhi	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
3002	31221026321	Vũ Hoàng Yến	Nhi	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
3003	31221026321	Vũ Hoàng Yến	Nhi	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.00	8.00
3004	31221022565	Vũ Ngọc Yến	Nhi	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3005	31221022565	Vũ Ngọc Yến	Nhi	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3006	31221022565	Vũ Ngọc Yến	Nhi	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3007	31221022565	Vũ Ngọc Yến	Nhi	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3008	31221022679	Vương Hồng	Nhi	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
3009	31221022679	Vương Hồng	Nhi	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
3010	31221025842	Nguyễn Huỳnh Bảo	Nhị	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
3011	31221025842	Nguyễn Huỳnh Bảo	Nhị	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
3012	31221025842	Nguyễn Huỳnh Bảo	Nhị	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
3013	31221024769	Đỗ Thị	Nhiên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3014	31221024769	Đỗ Thị	Nhiên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3015	31221024769	Đỗ Thị	Nhiên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3016	31221024769	Đỗ Thị	Nhiên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3017	31221026107	Đặng Thị Hà	Nhu	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3018	31221026107	Đặng Thị Hà	Nhu	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3019	31221026107	Đặng Thị Hà	Nhu	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3020	31221026107	Đặng Thị Hà	Nhu	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3021	31221025682	Đặng Tố	Như	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
3022	31221025682	Đặng Tố	Như	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
3023	31221025682	Đặng Tố	Như	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
3024	31221025682	Đặng Tố	Như	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
3025	31221021425	Hoa Ngọc Quỳnh	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
3026	31221021425	Hoa Ngọc Quỳnh	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
3027	31221021425	Hoa Ngọc Quỳnh	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
3028	31221021425	Hoa Ngọc Quỳnh	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
3029	31221023454	Hoàng Thị Quỳnh	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
3030	31221023454	Hoàng Thị Quỳnh	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
3031	31221023454	Hoàng Thị Quỳnh	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
3032	31221023454	Hoàng Thị Quỳnh	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
3033	31221022713	Huỳnh Minh	Như	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3034	31221022713	Huỳnh Minh	Như	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3035	31221022713	Huỳnh Minh	Như	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3036	31221022713	Huỳnh Minh	Như	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3037	31221021941	Huỳnh Ngọc Tâm	Như	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3038	31221021941	Huỳnh Ngọc Tâm	Như	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3039	31221021941	Huỳnh Ngọc Tâm	Như	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3040	31221021941	Huỳnh Ngọc Tâm	Như	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3041	31221023554	Huỳnh Uyên	Như	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3042	31221023554	Huỳnh Uyên	Như	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3043	31221023554	Huỳnh Uyên	Như	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3044	31221023554	Huỳnh Uyên	Như	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3045	31221026812	Lai Tâm	Như	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3046	31221026812	Lai Tâm	Như	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3047	31221026812	Lai Tâm	Như	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3048	31221026812	Lai Tâm	Như	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3049	31221021033	Lâm Ánh	Như	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3050	31221021033	Lâm Ánh	Như	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3051	31221023195	Lâm Quỳnh	Như	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3052	31221023195	Lâm Quỳnh	Như	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3053	31221023195	Lâm Quỳnh	Như	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3054	31221023195	Lâm Quỳnh	Như	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3055	31221025183	Lê Thị Anh	Như	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
3056	31221025183	Lê Thị Anh	Như	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
3057	31221025183	Lê Thị Anh	Như	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
3058	31221025183	Lê Thị Anh	Như	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
3059	31221024057	Lý Gia	Như	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3060	31221024057	Lý Gia	Như	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3061	31221024057	Lý Gia	Như	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3062	31221024057	Lý Gia	Như	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3063	31221020649	Ngô Vũ Quỳnh	Như	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
3064	31221020649	Ngô Vũ Quỳnh	Như	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3065	31221020649	Ngô Vũ Quỳnh	Như	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3066	31221020649	Ngô Vũ Quỳnh	Như	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3067	31221021211	Nguyễn Hoàng Bảo	Như	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
3068	31221021211	Nguyễn Hoàng Bảo	Như	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
3069	31221021211	Nguyễn Hoàng Bảo	Như	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
3070	31221021211	Nguyễn Hoàng Bảo	Như	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
3071	31221024202	Nguyễn Quỳnh	Như	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3072	31221024202	Nguyễn Quỳnh	Như	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3073	31221024202	Nguyễn Quỳnh	Như	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3074	31221024770	Nguyễn Thanh Ái	Như	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
3075	31221024770	Nguyễn Thanh Ái	Như	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
3076	31221024770	Nguyễn Thanh Ái	Như	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.00	10.00
3077	31221025458	Nguyễn Trần Quỳnh	Như	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.00	10.00
3078	31221025458	Nguyễn Trần Quỳnh	Như	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3079	31221025458	Nguyễn Trần Quỳnh	Như	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
3080	31221025458	Nguyễn Trần Quỳnh	Như	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.00	10.00
3081	31221022458	Phạm Ngọc Quỳnh	Như	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
3082	31221022491	Phạm Quỳnh	Như	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3083	31221022491	Phạm Quỳnh	Như	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3084	31221022491	Phạm Quỳnh	Như	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3085	31221022491	Phạm Quỳnh	Như	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3086	31221020296	Phạm Quỳnh	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
3087	31221020296	Phạm Quỳnh	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
3088	31221020296	Phạm Quỳnh	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
3089	31221020296	Phạm Quỳnh	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
3090	31221020576	Phan Hồ Minh	Như	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3091	31221020576	Phan Hồ Minh	Như	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3092	31221020576	Phan Hồ Minh	Như	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3093	31221020576	Phan Hồ Minh	Như	Bảo hiểm - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3094	31221021032	Tạ Thanh Hoàn	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
3095	31221021032	Tạ Thanh Hoàn	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
3096	31221021032	Tạ Thanh Hoàn	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
3097	31221021032	Tạ Thanh Hoàn	Như	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
3098	31221020442	Trần Lê Quỳnh	Như	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	7.00	10.00
3099	31221020442	Trần Lê Quỳnh	Như	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	7.00	10.00
3100	31221025315	Trần Quỳnh	Như	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3101	31221025315	Trần Quỳnh	Như	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3102	31221025315	Trần Quỳnh	Như	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3103	31221025315	Trần Quỳnh	Như	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3104	31221024638	Trần Trọng Minh	Như	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3105	31221024638	Trần Trọng Minh	Như	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3106	31221024638	Trần Trọng Minh	Như	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3107	31221024638	Trần Trọng Minh	Như	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3108	31221026907	Trịnh Nguyễn Kim	Như	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3109	31221026907	Trịnh Nguyễn Kim	Như	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3110	31221026907	Trịnh Nguyễn Kim	Như	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3111	31221026907	Trịnh Nguyễn Kim	Như	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3112	31221025382	Trương Quỳnh	Như	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3113	31221025382	Trương Quỳnh	Như	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3114	31221025382	Trương Quỳnh	Như	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3115	31221025382	Trương Quỳnh	Như	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3116	31221024259	Ngô Thị Cẩm	Nhung	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3117	31221024259	Ngô Thị Cẩm	Nhung	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3118	31221024259	Ngô Thị Cẩm	Nhung	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3119	31221023826	Nguyễn Hồng	Nhung	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3120	31221023826	Nguyễn Hồng	Nhung	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3121	31221025716	Nguyễn Ngọc Khánh	Nhung	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
3122	31221025716	Nguyễn Ngọc Khánh	Nhung	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3123	31221025716	Nguyễn Ngọc Khánh	Nhung	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.00	10.00
3124	31221026813	Nguyễn Phương	Nhung	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3125	31221026813	Nguyễn Phương	Nhung	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3126	31221026813	Nguyễn Phương	Nhung	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3127	31221026813	Nguyễn Phương	Nhung	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3128	31221022474	Trịnh Lê Trang	Nhung	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3129	31221022474	Trịnh Lê Trang	Nhung	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3130	31221022474	Trịnh Lê Trang	Nhung	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3131	31221022474	Trịnh Lê Trang	Nhung	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3132	31221024697	Trần	Nin	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
3133	31221024697	Trần	Nin	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3134	31221024697	Trần	Nin	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3135	31221024697	Trần	Nin	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3136	31221025654	Nguyễn Thị Yến	Ny	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3137	31221025654	Nguyễn Thị Yến	Ny	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3138	31221025654	Nguyễn Thị Yến	Ny	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3139	31221025654	Nguyễn Thị Yến	Ny	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3140	31221025986	Lê Thị Hoàng	Oanh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
3141	31221025986	Lê Thị Hoàng	Oanh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3142	31221025986	Lê Thị Hoàng	Oanh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3143	31221025986	Lê Thị Hoàng	Oanh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3144	31221020761	Nguyễn Lê Thanh	Oanh	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
3145	31221020761	Nguyễn Lê Thanh	Oanh	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3146	31221020761	Nguyễn Lê Thanh	Oanh	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3147	31221020761	Nguyễn Lê Thanh	Oanh	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3148	31221027015	Nguyễn Thị	Oanh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3149	31221027015	Nguyễn Thị	Oanh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3150	31221027015	Nguyễn Thị	Oanh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3151	31221027015	Nguyễn Thị	Oanh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3152	31221025234	Nguyễn Thị Phương	Oanh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3153	31221025234	Nguyễn Thị Phương	Oanh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3154	31221025234	Nguyễn Thị Phương	Oanh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3155	31221025234	Nguyễn Thị Phương	Oanh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3156	31221025383	Nguyễn Vũ Hoàng	Oanh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3157	31221025383	Nguyễn Vũ Hoàng	Oanh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3158	31221025383	Nguyễn Vũ Hoàng	Oanh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3159	31221025383	Nguyễn Vũ Hoàng	Oanh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3160	31221025184	Võ Kim	Oanh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
3161	31221025184	Võ Kim	Oanh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
3162	31221025184	Võ Kim	Oanh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
3163	31221025184	Võ Kim	Oanh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
3164	31221026331	Đỗ Danh Hoàng	Phát	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3165	31221020444	Hồ Thiên	Phát	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3166	31221020444	Hồ Thiên	Phát	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3167	31221020444	Hồ Thiên	Phát	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3168	31221020444	Hồ Thiên	Phát	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3169	31221022256	Lê Vĩ	Phát	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3170	31221022256	Lê Vĩ	Phát	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3171	31221022256	Lê Vĩ	Phát	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3172	31221020578	Lưu Lâm Chí	Phát	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
3173	31221020578	Lưu Lâm Chí	Phát	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
3174	31221020578	Lưu Lâm Chí	Phát	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
3175	31221020578	Lưu Lâm Chí	Phát	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
3176	31221024061	Nguyễn Bá Tấn	Phát	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3177	31221024061	Nguyễn Bá Tấn	Phát	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3178	31221024061	Nguyễn Bá Tấn	Phát	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3179	31221024061	Nguyễn Bá Tấn	Phát	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3180	31221023902	Nguyễn La Thành	Phát	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3181	31221023902	Nguyễn La Thành	Phát	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3182	31221020652	Phạm Nguyễn Hồng	Phát	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
3183	31221020652	Phạm Nguyễn Hồng	Phát	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
3184	31221020652	Phạm Nguyễn Hồng	Phát	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
3185	31221020652	Phạm Nguyễn Hồng	Phát	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
3186	31221024772	Cao Vũ Uyên	Phi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3187	31221024772	Cao Vũ Uyên	Phi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3188	31221024772	Cao Vũ Uyên	Phi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3189	31221026996	Mông Ngọc Sa	Phi	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3190	31221026996	Mông Ngọc Sa	Phi	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3191	31221026470	Nguyễn Hoàng Thanh	Phi	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3192	31221026470	Nguyễn Hoàng Thanh	Phi	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3193	31221026470	Nguyễn Hoàng Thanh	Phi	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3194	31221025185	Lê Đình	Phong	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3195	31221025185	Lê Đình	Phong	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3196	31221025185	Lê Đình	Phong	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3197	31221025185	Lê Đình	Phong	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3198	31221024942	Nguyễn Văn	Phong	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3199	31221024942	Nguyễn Văn	Phong	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3200	31221024942	Nguyễn Văn	Phong	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3201	31221024942	Nguyễn Văn	Phong	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3202	31221026814	Phạm Ngọc	Phú	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.00	10.00
3203	31221026814	Phạm Ngọc	Phú	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.00	10.00
3204	31221026814	Phạm Ngọc	Phú	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.00	10.00
3205	31221026814	Phạm Ngọc	Phú	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.00	10.00
3206	31221024063	Trần Thiên	Phú	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
3207	31221024063	Trần Thiên	Phú	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
3208	31221024063	Trần Thiên	Phú	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
3209	31221024943	Trần Văn	Phú	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3210	31221024943	Trần Văn	Phú	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3211	31221024943	Trần Văn	Phú	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3212	31221024943	Trần Văn	Phú	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3213	31221026604	Đoàn Thái Bảo	Phúc	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
3214	31221026604	Đoàn Thái Bảo	Phúc	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
3215	31221026604	Đoàn Thái Bảo	Phúc	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
3216	31221026604	Đoàn Thái Bảo	Phúc	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
3217	31221026817	Hoàng Gia	Phúc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.50	10.00
3218	31221026817	Hoàng Gia	Phúc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.50	10.00
3219	31221026817	Hoàng Gia	Phúc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.50	10.00
3220	31221026817	Hoàng Gia	Phúc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.50	10.00
3221	31221020043	Huỳnh Thiên	Phúc	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3222	31221020043	Huỳnh Thiên	Phúc	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3223	31221020043	Huỳnh Thiên	Phúc	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3224	31221020043	Huỳnh Thiên	Phúc	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3225	31221021305	Lê Trương Hồng	Phúc	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
3226	31221021305	Lê Trương Hồng	Phúc	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3227	31221021305	Lê Trương Hồng	Phúc	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3228	31221021305	Lê Trương Hồng	Phúc	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3229	31221020234	Lê Vương Thiên	Phúc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
3230	31221020234	Lê Vương Thiên	Phúc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
3231	31221020234	Lê Vương Thiên	Phúc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
3232	31221020234	Lê Vương Thiên	Phúc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
3233	31221023537	Nguyễn Đức Hoàng	Phúc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
3234	31221023537	Nguyễn Đức Hoàng	Phúc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
3235	31221023537	Nguyễn Đức Hoàng	Phúc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
3236	31221023537	Nguyễn Đức Hoàng	Phúc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
3237	31221026332	Nguyễn Khánh	Phúc	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3238	31221026332	Nguyễn Khánh	Phúc	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3239	31221026332	Nguyễn Khánh	Phúc	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3240	31221025989	Nguyễn Tâm	Phúc	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
3241	31221025989	Nguyễn Tâm	Phúc	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
3242	31221025989	Nguyễn Tâm	Phúc	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
3243	31221020136	Nguyễn Thạch Thiên	Phúc	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3244	31221020136	Nguyễn Thạch Thiên	Phúc	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3245	31221020136	Nguyễn Thạch Thiên	Phúc	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3246	31221020136	Nguyễn Thạch Thiên	Phúc	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3247	31221024773	Nguyễn Vũ Bảo	Phúc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.00	9.00
3248	31221024773	Nguyễn Vũ Bảo	Phúc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.00	8.00
3249	31221023360	Tạ Kim	Phúc	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	8.00	10.00
3250	31221023360	Tạ Kim	Phúc	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	8.00	10.00
3251	31221023360	Tạ Kim	Phúc	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	8.00	10.00
3252	31221023360	Tạ Kim	Phúc	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	8.00	10.00
3253	31221021352	Võ Cao Hoàng	Phúc	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3254	31221021352	Võ Cao Hoàng	Phúc	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3255	31221021352	Võ Cao Hoàng	Phúc	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3256	31221021352	Võ Cao Hoàng	Phúc	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3257	31221020298	Tạ Mỹ	Phụng	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3258	31221020298	Tạ Mỹ	Phụng	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3259	31221020298	Tạ Mỹ	Phụng	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3260	31221020298	Tạ Mỹ	Phụng	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3261	31221021942	Trần Dương Thiên	Phụng	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3262	31221021942	Trần Dương Thiên	Phụng	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3263	31221021942	Trần Dương Thiên	Phụng	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3264	31221021942	Trần Dương Thiên	Phụng	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3265	31221020581	Bùi Anh Diễm	Phương	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
3266	31221020581	Bùi Anh Diễm	Phương	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
3267	31221020581	Bùi Anh Diễm	Phương	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
3268	31221020581	Bùi Anh Diễm	Phương	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
3269	31221020504	Bùi Lê	Phương	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3270	31221020504	Bùi Lê	Phương	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3271	31221020504	Bùi Lê	Phương	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3272	31221020504	Bùi Lê	Phương	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3273	31221022419	Bùi Nguyễn Thảo	Phương	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3274	31221022419	Bùi Nguyễn Thảo	Phương	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3275	31221022419	Bùi Nguyễn Thảo	Phương	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3276	31221022419	Bùi Nguyễn Thảo	Phương	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3277	31221024065	Bùi Nhã	Phương	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3278	31221024065	Bùi Nhã	Phương	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3279	31221024065	Bùi Nhã	Phương	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3280	31221024065	Bùi Nhã	Phương	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3281	31221023363	Cao Lan	Phương	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3282	31221023363	Cao Lan	Phương	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3283	31221020896	Châu Ngọc Uyên	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
3284	31221020896	Châu Ngọc Uyên	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
3285	31221020896	Châu Ngọc Uyên	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
3286	31221020896	Châu Ngọc Uyên	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
3287	31221020505	Chu Phạm Nam	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
3288	31221020505	Chu Phạm Nam	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
3289	31221020764	Đào Vũ Lan	Phương	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3290	31221020764	Đào Vũ Lan	Phương	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3291	31221020764	Đào Vũ Lan	Phương	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3292	31221020764	Đào Vũ Lan	Phương	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3293	31221024640	Đỗ Nhật	Phương	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3294	31221024640	Đỗ Nhật	Phương	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3295	31221024640	Đỗ Nhật	Phương	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3296	31221024640	Đỗ Nhật	Phương	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3297	31221022420	Đỗ Thu	Phương	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
3298	31221022420	Đỗ Thu	Phương	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3299	31221022420	Đỗ Thu	Phương	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
3300	31221020044	Hoàng	Phương	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
3301	31221020044	Hoàng	Phương	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3302	31221020044	Hoàng	Phương	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3303	31221020044	Hoàng	Phương	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3304	31221020502	Huỳnh Minh	Phương	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3305	31221020502	Huỳnh Minh	Phương	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3306	31221021681	Lê Ngọc Xuân	Phương	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.00	10.00
3307	31221021681	Lê Ngọc Xuân	Phương	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
3308	31221021681	Lê Ngọc Xuân	Phương	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
3309	31221021681	Lê Ngọc Xuân	Phương	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.00	10.00
3310	31221025317	Lê Thị Thùy	Phương	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
3311	31221025317	Lê Thị Thùy	Phương	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
3312	31221025990	Lê Trần Hải	Phương	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3313	31221025990	Lê Trần Hải	Phương	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3314	31221025990	Lê Trần Hải	Phương	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3315	31221020045	Lê Trần Mai	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
3316	31221020045	Lê Trần Mai	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
3317	31221020045	Lê Trần Mai	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
3318	31221020045	Lê Trần Mai	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
3319	31221021215	Ngô Minh Thanh	Phương	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
3320	31221021215	Ngô Minh Thanh	Phương	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
3321	31221021215	Ngô Minh Thanh	Phương	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
3322	31221021215	Ngô Minh Thanh	Phương	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
3323	31221025094	Nguyễn Châu	Phương	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3324	31221025094	Nguyễn Châu	Phương	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3325	31221025094	Nguyễn Châu	Phương	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3326	31221025094	Nguyễn Châu	Phương	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3327	31221023366	Nguyễn Hà	Phương	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
3328	31221023366	Nguyễn Hà	Phương	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
3329	31221023366	Nguyễn Hà	Phương	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
3330	31221023366	Nguyễn Hà	Phương	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
3331	31221025093	Nguyễn Hữu	Phương	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.00	9.00
3332	31221025093	Nguyễn Hữu	Phương	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.00	8.00
3333	31221020898	Nguyễn Ngọc	Phương	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
3334	31221020898	Nguyễn Ngọc	Phương	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3335	31221020898	Nguyễn Ngọc	Phương	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3336	31221020898	Nguyễn Ngọc	Phương	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3337	31221024261	Nguyễn Ngọc Bảo	Phương	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3338	31221024261	Nguyễn Ngọc Bảo	Phương	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3339	31221024261	Nguyễn Ngọc Bảo	Phương	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3340	31221024261	Nguyễn Ngọc Bảo	Phương	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3341	31221027085	Nguyễn Trần Hà	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
3342	31221027085	Nguyễn Trần Hà	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3343	31221027085	Nguyễn Trần Hà	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
3344	31221027085	Nguyễn Trần Hà	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
3345	31221023368	Phạm Hoài Hà	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
3346	31221023368	Phạm Hoài Hà	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
3347	31221023368	Phạm Hoài Hà	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
3348	31221023368	Phạm Hoài Hà	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
3349	31221020895	Phạm Nam	Phương	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
3350	31221020895	Phạm Nam	Phương	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
3351	31221020895	Phạm Nam	Phương	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
3352	31221020895	Phạm Nam	Phương	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
3353	31221024710	Phan Nguyễn Uyên	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
3354	31221024710	Phan Nguyễn Uyên	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
3355	31221024710	Phan Nguyễn Uyên	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
3356	31221024710	Phan Nguyễn Uyên	Phương	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
3357	31221025593	Trần Thị Thu	Phương	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3358	31221025593	Trần Thị Thu	Phương	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3359	31221025593	Trần Thị Thu	Phương	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3360	31221025593	Trần Thị Thu	Phương	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3361	31221026116	Trương Thị Hồng	Phương	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3362	31221026116	Trương Thị Hồng	Phương	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3363	31221026116	Trương Thị Hồng	Phương	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3364	31221026116	Trương Thị Hồng	Phương	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3365	31221023247	Trần Thị Mỹ	Phường	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3366	31221023247	Trần Thị Mỹ	Phường	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3367	31221023247	Trần Thị Mỹ	Phường	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3368	31221023247	Trần Thị Mỹ	Phường	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3369	31221024066	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3370	31221024066	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3371	31221024066	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3372	31221020467	Lê Hoàng	Quân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
3373	31221020467	Lê Hoàng	Quân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
3374	31221020467	Lê Hoàng	Quân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
3375	31221020467	Lê Hoàng	Quân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
3376	31221025848	Lê Trần Minh	Quân	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3377	31221025848	Lê Trần Minh	Quân	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3378	31221025848	Lê Trần Minh	Quân	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3379	31221025848	Lê Trần Minh	Quân	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3380	31221020508	Lê Viết Khánh	Quân	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3381	31221020508	Lê Viết Khánh	Quân	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3382	31221020508	Lê Viết Khánh	Quân	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3383	31221020508	Lê Viết Khánh	Quân	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3384	31221025320	Lữ Hồng	Quân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3385	31221025320	Lữ Hồng	Quân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3386	31221025320	Lữ Hồng	Quân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3387	31221025320	Lữ Hồng	Quân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3388	31221022645	Nguyễn Hải	Quân	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3389	31221022645	Nguyễn Hải	Quân	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3390	31221022645	Nguyễn Hải	Quân	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3391	31221022645	Nguyễn Hải	Quân	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3392	31221020900	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
3393	31221020900	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3394	31221020900	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3395	31221020900	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3396	31221022361	Nguyễn Minh	Quân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
3397	31221022361	Nguyễn Minh	Quân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
3398	31221022361	Nguyễn Minh	Quân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
3399	31221026850	Phạm Thế	Quân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
3400	31221026850	Phạm Thế	Quân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
3401	31221026850	Phạm Thế	Quân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
3402	31221026850	Phạm Thế	Quân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
3403	31221025960	Trần Anh	Quân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3404	31221025960	Trần Anh	Quân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3405	31221025960	Trần Anh	Quân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3406	31221026118	Trần Anh	Quân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
3407	31221026118	Trần Anh	Quân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
3408	31221026118	Trần Anh	Quân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
3409	31221026118	Trần Anh	Quân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
3410	31221025188	Trần Anh	Quân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3411	31221025188	Trần Anh	Quân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3412	31221025188	Trần Anh	Quân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3413	31221025188	Trần Anh	Quân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3414	31221024070	Vũ Tùng	Quân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3415	31221024070	Vũ Tùng	Quân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3416	31221024070	Vũ Tùng	Quân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3417	31221024070	Vũ Tùng	Quân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3418	31221025758	Lê Viết Nhật	Quang	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3419	31221025758	Lê Viết Nhật	Quang	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3420	31221025758	Lê Viết Nhật	Quang	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3421	31221025758	Lê Viết Nhật	Quang	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3422	31221020655	Nguyễn Đăng	Quang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.50	10.00
3423	31221020655	Nguyễn Đăng	Quang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.50	10.00
3424	31221020655	Nguyễn Đăng	Quang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.50	10.00
3425	31221020655	Nguyễn Đăng	Quang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.50	10.00
3426	31221020586	Phạm Huỳnh Minh	Quang	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513097	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 1	7.00	10.00
3427	31221020586	Phạm Huỳnh Minh	Quang	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	7.00	10.00
3428	31221020586	Phạm Huỳnh Minh	Quang	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	7.00	10.00
3429	31221020586	Phạm Huỳnh Minh	Quang	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	7.00	10.00
3430	31221027102	Bùi Trung	Quốc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3431	31221027102	Bùi Trung	Quốc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3432	31221027102	Bùi Trung	Quốc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3433	31221027102	Bùi Trung	Quốc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3434	31221020139	Hoàng Kiến	Quốc	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3435	31221020139	Hoàng Kiến	Quốc	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3436	31221020139	Hoàng Kiến	Quốc	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3437	31221020139	Hoàng Kiến	Quốc	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3438	31221025096	Lê Cường	Quốc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.50	10.00
3439	31221025096	Lê Cường	Quốc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.50	10.00
3440	31221025096	Lê Cường	Quốc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.50	10.00
3441	31221025096	Lê Cường	Quốc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.50	10.00
3442	31221023100	Lâm Hồng	Quý	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	6.50	10.00
3443	31221023100	Lâm Hồng	Quý	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.50	10.00
3444	31221023100	Lâm Hồng	Quý	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.50	10.00
3445	31221023100	Lâm Hồng	Quý	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.50	10.00
3446	31221022362	Lê Xuân	Quý	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
3447	31221022362	Lê Xuân	Quý	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
3448	31221020765	Lê Tú	Quyên	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3449	31221020765	Lê Tú	Quyên	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3450	31221020765	Lê Tú	Quyên	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3451	31221024664	Nguyễn Thái Tường	Quyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
3452	31221024664	Nguyễn Thái Tường	Quyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
3453	31221024664	Nguyễn Thái Tường	Quyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
3454	31221024664	Nguyễn Thái Tường	Quyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
3455	31221023040	Nguyễn Trần Thảo	Quyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
3456	31221023040	Nguyễn Trần Thảo	Quyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
3457	31221023040	Nguyễn Trần Thảo	Quyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
3458	31221023040	Nguyễn Trần Thảo	Quyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
3459	31221025851	Nguyễn Trần Thục	Quyên	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3460	31221025851	Nguyễn Trần Thục	Quyên	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3461	31221025851	Nguyễn Trần Thục	Quyên	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3462	31221025851	Nguyễn Trần Thục	Quyên	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3463	31221023231	Phạm Thị Thảo	Quyên	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3464	31221023231	Phạm Thị Thảo	Quyên	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3465	31221023231	Phạm Thị Thảo	Quyên	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3466	31221023231	Phạm Thị Thảo	Quyên	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3467	31221025127	Lê Thế	Quyền	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
3468	31221025127	Lê Thế	Quyền	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
3469	31221025127	Lê Thế	Quyền	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
3470	31221025127	Lê Thế	Quyền	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
3471	31221026123	Bùi Như	Quỳnh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3472	31221026123	Bùi Như	Quỳnh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3473	31221026123	Bùi Như	Quỳnh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3474	31221026177	Đặng Võ Như	Quỳnh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3475	31221026177	Đặng Võ Như	Quỳnh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3476	31221026177	Đặng Võ Như	Quỳnh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3477	31221026177	Đặng Võ Như	Quỳnh	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3478	31221025919	Đỗ Kim	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3479	31221025919	Đỗ Kim	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3480	31221025919	Đỗ Kim	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3481	31221025919	Đỗ Kim	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3482	31221021604	Lê Mai	Quỳnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.50	10.00
3483	31221021604	Lê Mai	Quỳnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.50	10.00
3484	31221021604	Lê Mai	Quỳnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.50	10.00
3485	31221021604	Lê Mai	Quỳnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.50	10.00
3486	31221026124	Lê Như	Quỳnh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3487	31221026124	Lê Như	Quỳnh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3488	31221026124	Lê Như	Quỳnh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3489	31221026124	Lê Như	Quỳnh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3490	31221026014	Lê Phương	Quỳnh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
3491	31221026014	Lê Phương	Quỳnh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
3492	31221026014	Lê Phương	Quỳnh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
3493	31221026014	Lê Phương	Quỳnh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
3494	31221023456	Lê Trúc	Quỳnh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3495	31221023456	Lê Trúc	Quỳnh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3496	31221023456	Lê Trúc	Quỳnh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3497	31221023456	Lê Trúc	Quỳnh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3498	31221025594	Nguyễn Lan	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	8.00	10.00
3499	31221025594	Nguyễn Lan	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	8.00	10.00
3500	31221025594	Nguyễn Lan	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	8.00	10.00
3501	31221025594	Nguyễn Lan	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	8.00	10.00
3502	31221023374	Nguyễn Lê	Quỳnh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3503	31221023374	Nguyễn Lê	Quỳnh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3504	31221023374	Nguyễn Lê	Quỳnh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3505	31221023374	Nguyễn Lê	Quỳnh	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3506	31221023372	Nguyễn Mai	Quỳnh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
3507	31221023372	Nguyễn Mai	Quỳnh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
3508	31221021045	Nguyễn Như	Quỳnh	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
3509	31221022763	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3510	31221022763	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3511	31221021307	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
3512	31221021307	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
3513	31221021307	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
3514	31221022986	Phạm Nguyễn Diễm	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
3515	31221022986	Phạm Nguyễn Diễm	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
3516	31221022986	Phạm Nguyễn Diễm	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
3517	31221025759	Phạm Trúc	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3518	31221025759	Phạm Trúc	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3519	31221025759	Phạm Trúc	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3520	31221025759	Phạm Trúc	Quỳnh	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3521	31221027069	Tạ Duy Khánh	Quỳnh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3522	31221027069	Tạ Duy Khánh	Quỳnh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3523	31221027069	Tạ Duy Khánh	Quỳnh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3524	31221027069	Tạ Duy Khánh	Quỳnh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3525	31221023596	Trần Diễm	Quỳnh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
3526	31221023596	Trần Diễm	Quỳnh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
3527	31221023596	Trần Diễm	Quỳnh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
3528	31221023596	Trần Diễm	Quỳnh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
3529	31221021153	Trần Hải	Quỳnh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3530	31221021153	Trần Hải	Quỳnh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3531	31221021153	Trần Hải	Quỳnh	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3532	31221024081	Trần Ngọc Như	Quỳnh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
3533	31221024081	Trần Ngọc Như	Quỳnh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
3534	31221024081	Trần Ngọc Như	Quỳnh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
3535	31221024081	Trần Ngọc Như	Quỳnh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
3536	31221022685	Trần Như	Quỳnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	5.50	9.00
3537	31221022685	Trần Như	Quỳnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	5.50	9.00
3538	31221020196	Vũ Diễm	Quỳnh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3539	31221020196	Vũ Diễm	Quỳnh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3540	31221020196	Vũ Diễm	Quỳnh	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3541	31221023513	Vũ Thị Như	Quỳnh	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3542	31221023513	Vũ Thị Như	Quỳnh	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3543	31221023513	Vũ Thị Như	Quỳnh	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3544	31221023513	Vũ Thị Như	Quỳnh	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3545	31221025139	Cái Thị Tuyết	Sa	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
3546	31221025139	Cái Thị Tuyết	Sa	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
3547	31221025139	Cái Thị Tuyết	Sa	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
3548	31221024948	Võ Yến	San	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3549	31221024948	Võ Yến	San	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3550	31221024948	Võ Yến	San	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3551	31221024948	Võ Yến	San	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3552	31221026342	Mai Thanh	Sang	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3553	31221026342	Mai Thanh	Sang	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3554	31221026342	Mai Thanh	Sang	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3555	31221026342	Mai Thanh	Sang	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3556	31221024777	Nguyễn Gia	Sang	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
3557	31221024777	Nguyễn Gia	Sang	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3558	31221024777	Nguyễn Gia	Sang	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3559	31221024777	Nguyễn Gia	Sang	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3560	31221021608	Phan Minh	Sang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
3561	31221021608	Phan Minh	Sang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
3562	31221021608	Phan Minh	Sang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3563	31221021608	Phan Minh	Sang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
3564	31221025097	Phạm Ánh	Sao	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3565	31221025097	Phạm Ánh	Sao	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3566	31221025097	Phạm Ánh	Sao	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3567	31221025097	Phạm Ánh	Sao	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3568	31221023375	Lương Thị Hoài	Sim	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
3569	31221023375	Lương Thị Hoài	Sim	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
3570	31221023375	Lương Thị Hoài	Sim	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
3571	31221023375	Lương Thị Hoài	Sim	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
3572	31221024983	Nguyễn Đức	Sơn	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3573	31221024983	Nguyễn Đức	Sơn	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3574	31221024983	Nguyễn Đức	Sơn	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3575	31221024983	Nguyễn Đức	Sơn	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3576	31221021245	Nguyễn Trần Nam	Sơn	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
3577	31221021245	Nguyễn Trần Nam	Sơn	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
3578	31221021245	Nguyễn Trần Nam	Sơn	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.00	8.00
3579	31221023377	Phạm Đình Mạnh	Sơn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
3580	31221023377	Phạm Đình Mạnh	Sơn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
3581	31221023377	Phạm Đình Mạnh	Sơn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
3582	31221023377	Phạm Đình Mạnh	Sơn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
3583	31221023378	Đậu Viết	Sỹ	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
3584	31221023378	Đậu Viết	Sỹ	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
3585	31221023378	Đậu Viết	Sỹ	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
3586	31221023378	Đậu Viết	Sỹ	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
3587	31221020374	Lê Phú	Tài	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3588	31221020374	Lê Phú	Tài	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3589	31221020374	Lê Phú	Tài	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3590	31221020374	Lê Phú	Tài	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3591	31221022001	Lê Thành	Tài	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
3592	31221022001	Lê Thành	Tài	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
3593	31221022001	Lê Thành	Tài	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
3594	31221022001	Lê Thành	Tài	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
3595	31221020048	Mai Võ Trí	Tài	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
3596	31221020048	Mai Võ Trí	Tài	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
3597	31221020048	Mai Võ Trí	Tài	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
3598	31221020048	Mai Võ Trí	Tài	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
3599	31221020197	Nguyễn Vương Thắng	Tài	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
3600	31221020197	Nguyễn Vương Thắng	Tài	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
3601	31221020197	Nguyễn Vương Thắng	Tài	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
3602	31221020197	Nguyễn Vương Thắng	Tài	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
3603	31221026228	Phan Công Tấn	Tài	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.00	10.00
3604	31221026228	Phan Công Tấn	Tài	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.00	10.00
3605	31221026228	Phan Công Tấn	Tài	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.00	10.00
3606	31221026228	Phan Công Tấn	Tài	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3607	31221020047	Tống Hữu	Tài	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3608	31221020047	Tống Hữu	Tài	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3609	31221020047	Tống Hữu	Tài	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3610	31221022514	Bùi Ngọc Mỹ	Tâm	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3611	31221022514	Bùi Ngọc Mỹ	Tâm	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3612	31221022514	Bùi Ngọc Mỹ	Tâm	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3613	31221022514	Bùi Ngọc Mỹ	Tâm	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3614	31221023597	Cao Phương Thanh	Tâm	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 1	5.50	9.00
3615	31221023597	Cao Phương Thanh	Tâm	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	5.50	9.00
3616	31221020049	Nguyễn Thanh Khiết	Tâm	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 1	6.00	10.00
3617	31221020049	Nguyễn Thanh Khiết	Tâm	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	6.00	10.00
3618	31221020049	Nguyễn Thanh Khiết	Tâm	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 3	6.00	10.00
3619	31221020049	Nguyễn Thanh Khiết	Tâm	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513128	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 4	6.00	9.00
3620	31221026444	Phạm Thị Mỹ	Tâm	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
3621	31221026444	Phạm Thị Mỹ	Tâm	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
3622	31221026444	Phạm Thị Mỹ	Tâm	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
3623	31221020514	Phan Phương	Tâm	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3624	31221020514	Phan Phương	Tâm	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3625	31221020514	Phan Phương	Tâm	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3626	31221020514	Phan Phương	Tâm	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3627	31221025854	Phùng Thanh	Tâm	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3628	31221025854	Phùng Thanh	Tâm	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3629	31221025854	Phùng Thanh	Tâm	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3630	31221020905	Trần Hữu Minh	Tâm	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.50	10.00
3631	31221020905	Trần Hữu Minh	Tâm	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.50	10.00
3632	31221020905	Trần Hữu Minh	Tâm	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.50	10.00
3633	31221020905	Trần Hữu Minh	Tâm	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.50	10.00
3634	31221025363	Trần Thị Huệ	Tâm	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
3635	31221025363	Trần Thị Huệ	Tâm	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
3636	31221021354	Trần Thị Mỹ	Tâm	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3637	31221021354	Trần Thị Mỹ	Tâm	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3638	31221021354	Trần Thị Mỹ	Tâm	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3639	31221021354	Trần Thị Mỹ	Tâm	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3640	31221021246	Viên Thanh	Tâm	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	8.00	10.00
3641	31221021246	Viên Thanh	Tâm	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	8.00	10.00
3642	31221021246	Viên Thanh	Tâm	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	8.00	10.00
3643	31221021246	Viên Thanh	Tâm	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	8.00	10.00
3644	31221024665	Võ Thị Thanh	Tâm	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.50	10.00
3645	31221024665	Võ Thị Thanh	Tâm	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.50	10.00
3646	31221024665	Võ Thị Thanh	Tâm	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.50	10.00
3647	31221024665	Võ Thị Thanh	Tâm	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.50	10.00
3648	31221020906	Bùi Nhật	Tân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3649	31221020906	Bùi Nhật	Tân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3650	31221020906	Bùi Nhật	Tân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3651	31221020906	Bùi Nhật	Tân	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3652	31221026343	Trần Mỹ Thiên	Tân	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3653	31221026343	Trần Mỹ Thiên	Tân	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3654	31221026343	Trần Mỹ Thiên	Tân	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3655	31221022604	Nguyễn Bảo	Thạch	Quản lý công - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
3656	31221022450	Hoàng Văn	Thái	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
3657	31221022450	Hoàng Văn	Thái	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
3658	31221022450	Hoàng Văn	Thái	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
3659	31221022450	Hoàng Văn	Thái	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
3660	31221020050	Mai Quốc	Thái	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3661	31221020050	Mai Quốc	Thái	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3662	31221020050	Mai Quốc	Thái	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3663	31221020050	Mai Quốc	Thái	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3664	31221023457	Nguyễn Nam	Thái	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3665	31221023457	Nguyễn Nam	Thái	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3666	31221023457	Nguyễn Nam	Thái	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3667	31221023457	Nguyễn Nam	Thái	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3668	31221024779	Hà Việt	Thắng	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3669	31221024779	Hà Việt	Thắng	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3670	31221025098	Nguyễn Đăng Đức	Thắng	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
3671	31221025098	Nguyễn Đăng Đức	Thắng	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
3672	31221025098	Nguyễn Đăng Đức	Thắng	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
3673	31221025098	Nguyễn Đăng Đức	Thắng	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
3674	31221025099	Nguyễn Hữu	Thắng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
3675	31221025099	Nguyễn Hữu	Thắng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
3676	31221025099	Nguyễn Hữu	Thắng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
3677	31221025099	Nguyễn Hữu	Thắng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
3678	31221025402	Phạm Văn	Thắng	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3679	31221025402	Phạm Văn	Thắng	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3680	31221021160	Võ Minh	Thắng	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3681	31221021160	Võ Minh	Thắng	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3682	31221021160	Võ Minh	Thắng	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3683	31221021160	Võ Minh	Thắng	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3684	31221023381	Hoàng Ngọc	Thanh	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3685	31221023381	Hoàng Ngọc	Thanh	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3686	31221020910	Lê Hồng	Thanh	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3687	31221020910	Lê Hồng	Thanh	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3688	31221020910	Lê Hồng	Thanh	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3689	31221020910	Lê Hồng	Thanh	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3690	31221023382	Nguyễn Thị	Thanh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
3691	31221023382	Nguyễn Thị	Thanh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
3692	31221023382	Nguyễn Thị	Thanh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
3693	31221023382	Nguyễn Thị	Thanh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
3694	31221023383	Phạm Lê Giang	Thanh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3695	31221023383	Phạm Lê Giang	Thanh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3696	31221023383	Phạm Lê Giang	Thanh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3697	31221023383	Phạm Lê Giang	Thanh	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3698	31221020909	Phạm Ngọc Đan	Thanh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
3699	31221020909	Phạm Ngọc Đan	Thanh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3700	31221020909	Phạm Ngọc Đan	Thanh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3701	31221020909	Phạm Ngọc Đan	Thanh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3702	31221024535	Phạm Phương	Thanh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3703	31221024535	Phạm Phương	Thanh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3704	31221024535	Phạm Phương	Thanh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3705	31221027028	Phạm Quang	Thanh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3706	31221027028	Phạm Quang	Thanh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3707	31221027028	Phạm Quang	Thanh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3708	31221027028	Phạm Quang	Thanh	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3709	31221021611	Võ Thiên	Thanh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
3710	31221021611	Võ Thiên	Thanh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
3711	31221021611	Võ Thiên	Thanh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
3712	31221021611	Võ Thiên	Thanh	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
3713	31221026909	Nguyễn Đức	Thành	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3714	31221026909	Nguyễn Đức	Thành	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3715	31221026909	Nguyễn Đức	Thành	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3716	31221026909	Nguyễn Đức	Thành	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3717	31221020515	Nguyễn Hữu	Thành	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3718	31221020515	Nguyễn Hữu	Thành	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3719	31221020515	Nguyễn Hữu	Thành	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3720	31221020515	Nguyễn Hữu	Thành	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3721	31221026910	Nguyễn Phúc	Thành	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
3722	31221026910	Nguyễn Phúc	Thành	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
3723	31221026910	Nguyễn Phúc	Thành	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
3724	31221026910	Nguyễn Phúc	Thành	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
3725	31221020913	Trần Nguyễn Nhật	Thành	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3726	31221020913	Trần Nguyễn Nhật	Thành	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3727	31221020913	Trần Nguyễn Nhật	Thành	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3728	31221020913	Trần Nguyễn Nhật	Thành	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3729	31221020911	Trần Sáng	Thành	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3730	31221020911	Trần Sáng	Thành	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3731	31221023106	Văn Tất	Thành	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3732	31221023106	Văn Tất	Thành	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3733	31221023106	Văn Tất	Thành	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3734	31221023106	Văn Tất	Thành	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3735	31221025529	Biện Thị Thanh	Thảo	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
3736	31221021613	Đặng Phương	Thảo	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3737	31221021613	Đặng Phương	Thảo	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3738	31221021613	Đặng Phương	Thảo	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3739	31221021613	Đặng Phương	Thảo	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3740	31221021219	Đào Nguyễn Phương	Thảo	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3741	31221021219	Đào Nguyễn Phương	Thảo	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3742	31221021219	Đào Nguyễn Phương	Thảo	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3743	31221021219	Đào Nguyễn Phương	Thảo	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3744	31221024357	Đinh Hoàng Phương	Thảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
3745	31221024357	Đinh Hoàng Phương	Thảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
3746	31221024357	Đinh Hoàng Phương	Thảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
3747	31221024357	Đinh Hoàng Phương	Thảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
3748	31221020915	Đỗ Phương	Thảo	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3749	31221020915	Đỗ Phương	Thảo	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3750	31221020915	Đỗ Phương	Thảo	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3751	31221024356	Đoàn Thị Thu	Thảo	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
3752	31221024356	Đoàn Thị Thu	Thảo	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
3753	31221024356	Đoàn Thị Thu	Thảo	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
3754	31221024356	Đoàn Thị Thu	Thảo	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
3755	31221024096	Hoàng Anh Phương	Thảo	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3756	31221024096	Hoàng Anh Phương	Thảo	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3757	31221024096	Hoàng Anh Phương	Thảo	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3758	31221024096	Hoàng Anh Phương	Thảo	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3759	31221027136	Hoàng Thanh	Thảo	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3760	31221027136	Hoàng Thanh	Thảo	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3761	31221027136	Hoàng Thanh	Thảo	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3762	31221027136	Hoàng Thanh	Thảo	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3763	31221024840	Huỳnh Ngọc Thu	Thảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	6.50	10.00
3764	31221024840	Huỳnh Ngọc Thu	Thảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.50	10.00
3765	31221024840	Huỳnh Ngọc Thu	Thảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.50	10.00
3766	31221024840	Huỳnh Ngọc Thu	Thảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.50	10.00
3767	31221026691	Lê Nguyễn Hiếu	Thảo	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
3768	31221026691	Lê Nguyễn Hiếu	Thảo	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
3769	31221026691	Lê Nguyễn Hiếu	Thảo	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
3770	31221026691	Lê Nguyễn Hiếu	Thảo	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
3771	31221022427	Lữ Kim	Thảo	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3772	31221022427	Lữ Kim	Thảo	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3773	31221022427	Lữ Kim	Thảo	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3774	31221022427	Lữ Kim	Thảo	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3775	31221025763	Lưu Hương	Thảo	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3776	31221025763	Lưu Hương	Thảo	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3777	31221025763	Lưu Hương	Thảo	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3778	31221020144	Mạch Nguyễn Thanh	Thảo	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
3779	31221020144	Mạch Nguyễn Thanh	Thảo	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
3780	31221020144	Mạch Nguyễn Thanh	Thảo	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
3781	31221025326	Nguyễn Hồng Phương	Thảo	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3782	31221025326	Nguyễn Hồng Phương	Thảo	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3783	31221025326	Nguyễn Hồng Phương	Thảo	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3784	31221024782	Nguyễn Lê Hương	Thảo	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3785	31221024782	Nguyễn Lê Hương	Thảo	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3786	31221024782	Nguyễn Lê Hương	Thảo	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3787	31221021221	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
3788	31221021221	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
3789	31221021221	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
3790	31221021221	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
3791	31221022493	Nguyễn Ngọc	Thảo	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3792	31221022493	Nguyễn Ngọc	Thảo	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3793	31221021312	Nguyễn Thanh	Thảo	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3794	31221021312	Nguyễn Thanh	Thảo	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3795	31221021312	Nguyễn Thanh	Thảo	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3796	31221021312	Nguyễn Thanh	Thảo	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3797	31221025192	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.50	10.00
3798	31221025192	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.50	10.00
3799	31221025192	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.50	10.00
3800	31221025192	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.50	10.00
3801	31221025600	Phan Thị Phương	Thảo	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3802	31221025600	Phan Thị Phương	Thảo	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3803	31221025600	Phan Thị Phương	Thảo	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3804	31221020241	Phan Trần Thanh	Thảo	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3805	31221020241	Phan Trần Thanh	Thảo	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3806	31221020241	Phan Trần Thanh	Thảo	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3807	31221020241	Phan Trần Thanh	Thảo	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3808	31221027119	Trần Phương	Thảo	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3809	31221027119	Trần Phương	Thảo	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3810	31221027119	Trần Phương	Thảo	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3811	31221024955	Trần Thanh	Thảo	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3812	31221024955	Trần Thanh	Thảo	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3813	31221024955	Trần Thanh	Thảo	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3814	31221024955	Trần Thanh	Thảo	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3815	31221021683	Trần Thanh	Thảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	6.50	10.00
3816	31221021683	Trần Thanh	Thảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.50	10.00
3817	31221021683	Trần Thanh	Thảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.50	10.00
3818	31221021683	Trần Thanh	Thảo	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.50	10.00
3819	31221022606	Võ Lê Hương	Thảo	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
3820	31221022606	Võ Lê Hương	Thảo	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
3821	31221022606	Võ Lê Hương	Thảo	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
3822	31221022606	Võ Lê Hương	Thảo	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
3823	31221025641	Võ Lê Nguyên	Thảo	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3824	31221025641	Võ Lê Nguyên	Thảo	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3825	31221025641	Võ Lê Nguyên	Thảo	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3826	31221025641	Võ Lê Nguyên	Thảo	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3827	31221022574	Võ Ngọc Như	Thảo	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3828	31221021359	Đoàn Thị Mai	Thi	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3829	31221021359	Đoàn Thị Mai	Thi	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3830	31221021359	Đoàn Thị Mai	Thi	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3831	31221021359	Đoàn Thị Mai	Thi	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3832	31221023386	Huỳnh Minh	Thi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
3833	31221023386	Huỳnh Minh	Thi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3834	31221023386	Huỳnh Minh	Thi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3835	31221023386	Huỳnh Minh	Thi	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3836	31221021614	Lê Quý Cảnh Minh	Thi	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3837	31221021614	Lê Quý Cảnh Minh	Thi	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3838	31221026687	Nguyễn Hạ	Thi	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3839	31221026687	Nguyễn Hạ	Thi	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3840	31221026687	Nguyễn Hạ	Thi	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3841	31221026687	Nguyễn Hạ	Thi	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3842	31221024099	Trần Lê Minh	Thi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3843	31221024099	Trần Lê Minh	Thi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3844	31221024099	Trần Lê Minh	Thi	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3845	31221020146	Lâm Chí Nhật	Thiên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	7.00	10.00
3846	31221020146	Lâm Chí Nhật	Thiên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.00	10.00
3847	31221020146	Lâm Chí Nhật	Thiên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.00	10.00
3848	31221020146	Lâm Chí Nhật	Thiên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.00	10.00
3849	31221020772	Trần Thuận	Thiên	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3850	31221020772	Trần Thuận	Thiên	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3851	31221020772	Trần Thuận	Thiên	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3852	31221020772	Trần Thuận	Thiên	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3853	31221023388	Nguyễn Đức	Thiện	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3854	31221023388	Nguyễn Đức	Thiện	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3855	31221023388	Nguyễn Đức	Thiện	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3856	31221023388	Nguyễn Đức	Thiện	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3857	31221021223	Nguyễn Minh	Thiện	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3858	31221021223	Nguyễn Minh	Thiện	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3859	31221021223	Nguyễn Minh	Thiện	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3860	31221021223	Nguyễn Minh	Thiện	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3861	31221020376	Nguyễn Trần Minh	Thiện	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
3862	31221020376	Nguyễn Trần Minh	Thiện	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
3863	31221020376	Nguyễn Trần Minh	Thiện	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
3864	31221020376	Nguyễn Trần Minh	Thiện	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
3865	31221025858	Võ Quang	Thiện	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3866	31221025858	Võ Quang	Thiện	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3867	31221025858	Võ Quang	Thiện	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3868	31221022607	Châu Ngọc	Thịnh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3869	31221022607	Châu Ngọc	Thịnh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3870	31221022607	Châu Ngọc	Thịnh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3871	31221022607	Châu Ngọc	Thịnh	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3872	31221021313	Huỳnh Phạm Duy	Thịnh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3873	31221021313	Huỳnh Phạm Duy	Thịnh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3874	31221021313	Huỳnh Phạm Duy	Thịnh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3875	31221021313	Huỳnh Phạm Duy	Thịnh	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3876	31221022461	Nguyễn Gia	Thịnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
3877	31221022461	Nguyễn Gia	Thịnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
3878	31221022461	Nguyễn Gia	Thịnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
3879	31221022461	Nguyễn Gia	Thịnh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
3880	31221022622	Nguyễn Phát	Thịnh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3881	31221022622	Nguyễn Phát	Thịnh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3882	31221022622	Nguyễn Phát	Thịnh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3883	31221022622	Nguyễn Phát	Thịnh	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3884	31221025601	Nông Tuấn	Thịnh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3885	31221025601	Nông Tuấn	Thịnh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3886	31221025601	Nông Tuấn	Thịnh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3887	31221025601	Nông Tuấn	Thịnh	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3888	31221022689	Quách Tuấn	Thịnh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
3889	31221022689	Quách Tuấn	Thịnh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
3890	31221022689	Quách Tuấn	Thịnh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
3891	31221022689	Quách Tuấn	Thịnh	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
3892	31221026018	Trần Nhật	Thịnh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
3893	31221026018	Trần Nhật	Thịnh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3894	31221026018	Trần Nhật	Thịnh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3895	31221026018	Trần Nhật	Thịnh	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3896	31221025193	Lê Minh	Thơ	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	8.00	10.00
3897	31221025193	Lê Minh	Thơ	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	8.00	10.00
3898	31221025193	Lê Minh	Thơ	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	8.00	10.00
3899	31221025193	Lê Minh	Thơ	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	8.00	10.00
3900	31221025446	Trần Anh	Thơ	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3901	31221025446	Trần Anh	Thơ	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3902	31221025446	Trần Anh	Thơ	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3903	31221025446	Trần Anh	Thơ	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
3904	31221026826	Trần Thùy Thanh	Thơ	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3905	31221026826	Trần Thùy Thanh	Thơ	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3906	31221026826	Trần Thùy Thanh	Thơ	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3907	31221026826	Trần Thùy Thanh	Thơ	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3908	31221021482	Lê Bá	Thọ	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3909	31221021482	Lê Bá	Thọ	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3910	31221021482	Lê Bá	Thọ	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3911	31221026671	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
3912	31221026671	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
3913	31221026671	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
3914	31221026671	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3915	31221020378	Nguyễn Trí	Thông	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
3916	31221020378	Nguyễn Trí	Thông	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3917	31221020378	Nguyễn Trí	Thông	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3918	31221020378	Nguyễn Trí	Thông	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3919	31221022111	Võ Duy	Thông	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3920	31221022111	Võ Duy	Thông	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3921	31221022111	Võ Duy	Thông	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
3922	31221022111	Võ Duy	Thông	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
3923	31221026131	Lê Đình	Thống	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
3924	31221026131	Lê Đình	Thống	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
3925	31221022724	Bùi Phúc Anh	Thư	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
3926	31221022724	Bùi Phúc Anh	Thư	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
3927	31221022724	Bùi Phúc Anh	Thư	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
3928	31221022724	Bùi Phúc Anh	Thư	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
3929	31221021950	Đinh Nguyễn Minh	Thư	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3930	31221021950	Đinh Nguyễn Minh	Thư	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3931	31221023390	Đoàn Ngọc Anh	Thư	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
3932	31221023390	Đoàn Ngọc Anh	Thư	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
3933	31221025194	Dương Anh	Thư	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3934	31221025194	Dương Anh	Thư	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3935	31221025194	Dương Anh	Thư	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3936	31221025194	Dương Anh	Thư	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3937	31221024103	Dương Minh	Thư	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3938	31221024103	Dương Minh	Thư	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3939	31221024103	Dương Minh	Thư	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3940	31221024103	Dương Minh	Thư	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3941	31221024106	Hà Nguyễn Anh	Thư	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
3942	31221024106	Hà Nguyễn Anh	Thư	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
3943	31221024106	Hà Nguyễn Anh	Thư	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
3944	31221024106	Hà Nguyễn Anh	Thư	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
3945	31221023397	Hoàng Anh	Thư	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3946	31221023397	Hoàng Anh	Thư	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3947	31221023397	Hoàng Anh	Thư	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3948	31221023397	Hoàng Anh	Thư	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3949	31221025605	Huỳnh Thị Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
3950	31221025605	Huỳnh Thị Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
3951	31221025605	Huỳnh Thị Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
3952	31221025605	Huỳnh Thị Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
3953	31221020310	Lâm Khải Anh	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
3954	31221020310	Lâm Khải Anh	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
3955	31221020310	Lâm Khải Anh	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
3956	31221020310	Lâm Khải Anh	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
3957	31221023004	Lâm Phụng	Thư	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3958	31221021433	Lê Minh	Thư	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
3959	31221021433	Lê Minh	Thư	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
3960	31221021433	Lê Minh	Thư	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
3961	31221025860	Lê Minh	Thư	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3962	31221025860	Lê Minh	Thư	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3963	31221025860	Lê Minh	Thư	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3964	31221025860	Lê Minh	Thư	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3965	31221024104	Lê Phan Minh	Thư	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
3966	31221024104	Lê Phan Minh	Thư	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
3967	31221023517	Lê Thị Minh	Thư	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3968	31221023517	Lê Thị Minh	Thư	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3969	31221023517	Lê Thị Minh	Thư	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3970	31221024107	Lê Trần Anh	Thư	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
3971	31221024107	Lê Trần Anh	Thư	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
3972	31221024107	Lê Trần Anh	Thư	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
3973	31221024107	Lê Trần Anh	Thư	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
3974	31221024684	Ngô Thị Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	8.00	10.00
3975	31221024684	Ngô Thị Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	8.00	10.00
3976	31221024684	Ngô Thị Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	8.00	10.00
3977	31221020664	Nguyễn Anh	Thư	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3978	31221020664	Nguyễn Anh	Thư	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3979	31221020664	Nguyễn Anh	Thư	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3980	31221020664	Nguyễn Anh	Thư	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3981	31221023391	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
3982	31221023391	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
3983	31221023391	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
3984	31221021617	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
3985	31221021617	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
3986	31221021617	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
3987	31221021617	Nguyễn Hoàng Minh	Thư	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
3988	31221025328	Nguyễn Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
3989	31221025328	Nguyễn Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
3990	31221025328	Nguyễn Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
3991	31221025328	Nguyễn Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
3992	31221020516	Nguyễn Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.50	10.00
3993	31221020516	Nguyễn Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.50	10.00
3994	31221020516	Nguyễn Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.50	10.00
3995	31221020516	Nguyễn Minh	Thư	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.50	10.00
3996	31221024786	Nguyễn Minh	Thư	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
3997	31221024786	Nguyễn Minh	Thư	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
3998	31221024786	Nguyễn Minh	Thư	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
3999	31221024786	Nguyễn Minh	Thư	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4000	31221027145	Nguyễn Nhật Đan	Thư	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
4001	31221027145	Nguyễn Nhật Đan	Thư	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4002	31221027145	Nguyễn Nhật Đan	Thư	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4003	31221020383	Nguyễn Phạm Anh	Thư	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4004	31221023441	Nguyễn Thanh	Thư	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4005	31221023441	Nguyễn Thanh	Thư	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4006	31221023441	Nguyễn Thanh	Thư	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4007	31221021770	Nguyễn Thảo Anh	Thư	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
4008	31221021770	Nguyễn Thảo Anh	Thư	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
4009	31221023394	Nguyễn Thị Anh	Thư	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4010	31221023394	Nguyễn Thị Anh	Thư	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4011	31221023394	Nguyễn Thị Anh	Thư	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4012	31221023394	Nguyễn Thị Anh	Thư	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4013	31221025330	Phạm Minh	Thư	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
4014	31221025330	Phạm Minh	Thư	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
4015	31221025330	Phạm Minh	Thư	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
4016	31221025330	Phạm Minh	Thư	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
4017	31221020924	Phạm Ngọc Kim	Thư	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4018	31221020924	Phạm Ngọc Kim	Thư	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4019	31221020924	Phạm Ngọc Kim	Thư	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4020	31221020924	Phạm Ngọc Kim	Thư	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4021	31221020921	Phan Anh	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
4022	31221020921	Phan Anh	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4023	31221020921	Phan Anh	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4024	31221020921	Phan Anh	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
4025	31221024787	Phan Thị Hoài	Thư	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.50	10.00
4026	31221024787	Phan Thị Hoài	Thư	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.50	10.00
4027	31221024787	Phan Thị Hoài	Thư	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.50	10.00
4028	31221024266	Quách Thị Anh	Thư	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4029	31221022951	Tô Ngọc Anh	Thư	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4030	31221022951	Tô Ngọc Anh	Thư	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4031	31221022951	Tô Ngọc Anh	Thư	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4032	31221022951	Tô Ngọc Anh	Thư	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4033	31221024447	Trần Hoàng Anh	Thư	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4034	31221024447	Trần Hoàng Anh	Thư	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4035	31221024447	Trần Hoàng Anh	Thư	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4036	31221024558	Trần Minh	Thư	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4037	31221022952	Trần Ngọc	Thư	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4038	31221022952	Trần Ngọc	Thư	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4039	31221022952	Trần Ngọc	Thư	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4040	31221022952	Trần Ngọc	Thư	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4041	31221023393	Trần Ngọc Thiên	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
4042	31221023393	Trần Ngọc Thiên	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
4043	31221023393	Trần Ngọc Thiên	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
4044	31221023393	Trần Ngọc Thiên	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
4045	31221024413	Trượng Nại Anh	Thư	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4046	31221024413	Trượng Nại Anh	Thư	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4047	31221024204	Võ Anh	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
4048	31221024204	Võ Anh	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4049	31221024204	Võ Anh	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4050	31221024204	Võ Anh	Thư	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
4051	31221025863	Trần Vương Minh	Thuận	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4052	31221025863	Trần Vương Minh	Thuận	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4053	31221025863	Trần Vương Minh	Thuận	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4054	31221025863	Trần Vương Minh	Thuận	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4055	31221020312	Nguyễn Kiều Gia	Thức	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
4056	31221020312	Nguyễn Kiều Gia	Thức	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
4057	31221023176	Từ Duy	Thức	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
4058	31221023176	Từ Duy	Thức	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
4059	31221025659	Bùi Trần Nhật	Thương	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4060	31221025659	Bùi Trần Nhật	Thương	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4061	31221025659	Bùi Trần Nhật	Thương	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4062	31221025659	Bùi Trần Nhật	Thương	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4063	31221024788	Lê Trần Nhật	Thương	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
4064	31221024788	Lê Trần Nhật	Thương	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4065	31221024788	Lê Trần Nhật	Thương	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
4066	31221023398	Lê Thanh	Thúy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4067	31221023398	Lê Thanh	Thúy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4068	31221023398	Lê Thanh	Thúy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4069	31221023398	Lê Thanh	Thúy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4070	31221024957	Mạnh Hồng	Thúy	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4071	31221025196	Phan Thị Diệu	Thúy	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4072	31221025196	Phan Thị Diệu	Thúy	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4073	31221025196	Phan Thị Diệu	Thúy	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4074	31221025196	Phan Thị Diệu	Thúy	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4075	31221023443	Phan Thị Thanh	Thúy	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
4076	31221023443	Phan Thị Thanh	Thúy	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
4077	31221023079	Sơn Thanh	Thúy	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4078	31221023079	Sơn Thanh	Thúy	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4079	31221023079	Sơn Thanh	Thúy	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4080	31221023079	Sơn Thanh	Thúy	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4081	31221025703	Huỳnh Nguyễn Thanh	Thùy	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4082	31221025703	Huỳnh Nguyễn Thanh	Thùy	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4083	31221024110	Nguyễn Vũ Phương	Thùy	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4084	31221024110	Nguyễn Vũ Phương	Thùy	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4085	31221024110	Nguyễn Vũ Phương	Thùy	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4086	31221023399	Hồ Thanh	Thùy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
4087	31221023399	Hồ Thanh	Thùy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
4088	31221023399	Hồ Thanh	Thùy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
4089	31221026350	Nguyễn Thanh	Thủy	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4090	31221026350	Nguyễn Thanh	Thủy	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4091	31221026350	Nguyễn Thanh	Thủy	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4092	31221026830	Trương Ngọc Thanh	Thủy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
4093	31221026830	Trương Ngọc Thanh	Thủy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4094	31221026830	Trương Ngọc Thanh	Thủy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
4095	31221024824	Võ Ngọc	Thủy	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4096	31221024824	Võ Ngọc	Thủy	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4097	31221024824	Võ Ngọc	Thủy	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4098	31221024111	Phạm Hải	Thụy	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
4099	31221024111	Phạm Hải	Thụy	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4100	31221024111	Phạm Hải	Thụy	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
4101	31221021867	Chung Trần Mai	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
4102	31221021867	Chung Trần Mai	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4103	31221021867	Chung Trần Mai	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4104	31221021867	Chung Trần Mai	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
4105	31221021318	Đặng Mai	Thy	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
4106	31221021318	Đặng Mai	Thy	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
4107	31221021318	Đặng Mai	Thy	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
4108	31221022431	Đặng Nguyễn Trang	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
4109	31221022431	Đặng Nguyễn Trang	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
4110	31221022431	Đặng Nguyễn Trang	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
4111	31221022431	Đặng Nguyễn Trang	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
4112	31221023519	Hoàng Nguyễn Minh	Thy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4113	31221023519	Hoàng Nguyễn Minh	Thy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4114	31221021622	Nguyễn Hoàng Minh	Thy	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4115	31221021622	Nguyễn Hoàng Minh	Thy	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4116	31221021622	Nguyễn Hoàng Minh	Thy	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4117	31221026673	Nguyễn Phan Quỳnh	Thy	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4118	31221026673	Nguyễn Phan Quỳnh	Thy	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4119	31221026673	Nguyễn Phan Quỳnh	Thy	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4120	31221026673	Nguyễn Phan Quỳnh	Thy	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4121	31221024715	Nguyễn Phúc Tường	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
4122	31221024715	Nguyễn Phúc Tường	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4123	31221024715	Nguyễn Phúc Tường	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4124	31221024715	Nguyễn Phúc Tường	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
4125	31221023400	Nguyễn Quỳnh	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
4126	31221023400	Nguyễn Quỳnh	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4127	31221023400	Nguyễn Quỳnh	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4128	31221020242	Phan Hoàng Ngọc	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
4129	31221020242	Phan Hoàng Ngọc	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4130	31221020242	Phan Hoàng Ngọc	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4131	31221020242	Phan Hoàng Ngọc	Thy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
4132	31221023109	Trần Anh	Thy	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4133	31221023109	Trần Anh	Thy	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4134	31221023109	Trần Anh	Thy	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4135	31221023109	Trần Anh	Thy	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4136	31221020200	Trương Nguyễn Hồng	Thy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 1	6.00	10.00
4137	31221020200	Trương Nguyễn Hồng	Thy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	6.00	10.00
4138	31221020200	Trương Nguyễn Hồng	Thy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 3	6.00	10.00
4139	31221020200	Trương Nguyễn Hồng	Thy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513128	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 4	6.00	9.00
4140	31221020926	Vũ Ngọc Kim	Thy	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
4141	31221020926	Vũ Ngọc Kim	Thy	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
4142	31221020926	Vũ Ngọc Kim	Thy	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
4143	31221020926	Vũ Ngọc Kim	Thy	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
4144	31221025388	Đoàn Ngọc Cẩm	Tiên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
4145	31221025388	Đoàn Ngọc Cẩm	Tiên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
4146	31221025388	Đoàn Ngọc Cẩm	Tiên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
4147	31221025388	Đoàn Ngọc Cẩm	Tiên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
4148	31221026178	Hà Thủy	Tiên	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
4149	31221026178	Hà Thủy	Tiên	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
4150	31221026178	Hà Thủy	Tiên	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
4151	31221026831	Huỳnh Lê Mỹ	Tiên	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
4152	31221026831	Huỳnh Lê Mỹ	Tiên	Thẩm định giá và quản trị tài sản CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
4153	31221022385	Nguyễn Bạch Mỹ	Tiên	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513072	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	6.00	10.00
4154	31221022385	Nguyễn Bạch Mỹ	Tiên	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513073	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	6.00	10.00
4155	31221022385	Nguyễn Bạch Mỹ	Tiên	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513074	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P3	6.00	9.00
4156	31221022385	Nguyễn Bạch Mỹ	Tiên	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513075	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P4	6.00	8.00
4157	31221020243	Nguyễn Huỳnh	Tiên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4158	31221020243	Nguyễn Huỳnh	Tiên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4159	31221020243	Nguyễn Huỳnh	Tiên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4160	31221020243	Nguyễn Huỳnh	Tiên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4161	31221025864	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4162	31221025864	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4163	31221025864	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4164	31221025864	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4165	31221022476	Nguyễn Thị	Tiên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4166	31221022476	Nguyễn Thị	Tiên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4167	31221022476	Nguyễn Thị	Tiên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4168	31221024560	Nguyễn Thủy	Tiên	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4169	31221024560	Nguyễn Thủy	Tiên	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4170	31221024560	Nguyễn Thủy	Tiên	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4171	31221024560	Nguyễn Thủy	Tiên	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4172	31221024959	Trần Thủy	Tiên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4173	31221024959	Trần Thủy	Tiên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4174	31221024959	Trần Thủy	Tiên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4175	31221024959	Trần Thủy	Tiên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4176	31221020520	Trần Thủy	Tiên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
4177	31221020520	Trần Thủy	Tiên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
4178	31221020520	Trần Thủy	Tiên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4179	31221020520	Trần Thủy	Tiên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
4180	31221021319	Võ Bùi Cát	Tiên	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4181	31221021319	Võ Bùi Cát	Tiên	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4182	31221022028	Dương Nhật	Tiến	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4183	31221022028	Dương Nhật	Tiến	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4184	31221022028	Dương Nhật	Tiến	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4185	31221022028	Dương Nhật	Tiến	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4186	31221024792	Nguyễn Hữu	Tiến	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4187	31221024792	Nguyễn Hữu	Tiến	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4188	31221024792	Nguyễn Hữu	Tiến	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4189	31221021365	Nguyễn Vĩnh	Tiến	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
4190	31221021365	Nguyễn Vĩnh	Tiến	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
4191	31221021365	Nguyễn Vĩnh	Tiến	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
4192	31221020151	Hứa Hùng	Tín	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
4193	31221020151	Hứa Hùng	Tín	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
4194	31221020151	Hứa Hùng	Tín	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
4195	31221020151	Hứa Hùng	Tín	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
4196	31221020150	Nguyễn Phúc	Tín	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4197	31221020150	Nguyễn Phúc	Tín	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4198	31221020150	Nguyễn Phúc	Tín	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4199	31221020150	Nguyễn Phúc	Tín	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4200	31221024114	Nguyễn Trung	Tín	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4201	31221024114	Nguyễn Trung	Tín	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4202	31221024114	Nguyễn Trung	Tín	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4203	31221024114	Nguyễn Trung	Tín	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4204	31221020778	Trần Đức	Tín	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
4205	31221020778	Trần Đức	Tín	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
4206	31221020778	Trần Đức	Tín	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4207	31221020778	Trần Đức	Tín	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
4208	31221025660	Trương Quang	Tín	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
4209	31221025660	Trương Quang	Tín	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
4210	31221025660	Trương Quang	Tín	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4211	31221025660	Trương Quang	Tín	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
4212	31221021168	Đỗ Minh	Toàn	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
4213	31221021168	Đỗ Minh	Toàn	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
4214	31221021168	Đỗ Minh	Toàn	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4215	31221021168	Đỗ Minh	Toàn	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
4216	31221024960	Hoàng Nghĩa	Toàn	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4217	31221024960	Hoàng Nghĩa	Toàn	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4218	31221024960	Hoàng Nghĩa	Toàn	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4219	31221024960	Hoàng Nghĩa	Toàn	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4220	31221021623	Lê Đức	Toàn	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4221	31221021623	Lê Đức	Toàn	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4222	31221021623	Lê Đức	Toàn	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4223	31221021623	Lê Đức	Toàn	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4224	31221026141	Nguyễn Đình	Toàn	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.00	9.00
4225	31221020930	Nguyễn Hữu	Toàn	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4226	31221020930	Nguyễn Hữu	Toàn	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4227	31221020930	Nguyễn Hữu	Toàn	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4228	31221020930	Nguyễn Hữu	Toàn	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4229	31221021953	Nguyễn Trần Phước	Toàn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
4230	31221021953	Nguyễn Trần Phước	Toàn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4231	31221021953	Nguyễn Trần Phước	Toàn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4232	31221021953	Nguyễn Trần Phước	Toàn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
4233	31221023178	Phan An	Toàn	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4234	31221023178	Phan An	Toàn	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4235	31221023178	Phan An	Toàn	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4236	31221023178	Phan An	Toàn	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4237	31221021490	Tô Phạm Quốc	Toàn	Kiểm toán - K48	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	685.00	10.00
4238	31221021490	Tô Phạm Quốc	Toàn	Kiểm toán - K48	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	685.00	10.00
4239	31221021490	Tô Phạm Quốc	Toàn	Kiểm toán - K48	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	685.00	10.00
4240	31221021490	Tô Phạm Quốc	Toàn	Kiểm toán - K48	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	685.00	9.00
4241	31221021169	Trần An	Toàn	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
4242	31221021169	Trần An	Toàn	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
4243	31221021169	Trần An	Toàn	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
4244	31221021169	Trần An	Toàn	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
4245	31221021170	Nguyễn Nữ Hương	Trà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
4246	31221021170	Nguyễn Nữ Hương	Trà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
4247	31221021170	Nguyễn Nữ Hương	Trà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
4248	31221021170	Nguyễn Nữ Hương	Trà	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
4249	31221027108	Đào Ngọc	Trâm	Quản trị bệnh viện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
4250	31221027108	Đào Ngọc	Trâm	Quản trị bệnh viện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
4251	31221026832	Huỳnh Hà	Trâm	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4252	31221026832	Huỳnh Hà	Trâm	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4253	31221026832	Huỳnh Hà	Trâm	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4254	31221026832	Huỳnh Hà	Trâm	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4255	31221022623	Huỳnh Ngọc	Trâm	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 1	5.50	9.00
4256	31221022623	Huỳnh Ngọc	Trâm	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	5.50	9.00
4257	31221022623	Huỳnh Ngọc	Trâm	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 3	5.50	8.00
4258	31221025612	La Mai Anh	Trâm	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
4259	31221025612	La Mai Anh	Trâm	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
4260	31221025612	La Mai Anh	Trâm	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
4261	31221021227	Nguyễn Minh	Trâm	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
4262	31221021227	Nguyễn Minh	Trâm	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
4263	31221021227	Nguyễn Minh	Trâm	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
4264	31221021227	Nguyễn Minh	Trâm	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
4265	31221024796	Nguyễn Phúc Minh	Trâm	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4266	31221024796	Nguyễn Phúc Minh	Trâm	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4267	31221024796	Nguyễn Phúc Minh	Trâm	Khoa học dữ liệu - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4268	31221026142	Phan Phương	Trâm	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4269	31221026142	Phan Phương	Trâm	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4270	31221026142	Phan Phương	Trâm	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4271	31221026142	Phan Phương	Trâm	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4272	31221024449	Tạ Ngọc Bảo	Trâm	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
4273	31221024449	Tạ Ngọc Bảo	Trâm	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
4274	31221024449	Tạ Ngọc Bảo	Trâm	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
4275	31221024449	Tạ Ngọc Bảo	Trâm	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
4276	31221022218	Võ Thị Bảo	Trâm	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
4277	31221022218	Võ Thị Bảo	Trâm	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
4278	31221022218	Võ Thị Bảo	Trâm	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
4279	31221022218	Võ Thị Bảo	Trâm	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
4280	31221020153	Bùi Nguyễn Quế	Trân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	5.50	9.00
4281	31221020153	Bùi Nguyễn Quế	Trân	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	5.50	9.00
4282	31221022188	Đinh Huyền	Trân	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
4283	31221022188	Đinh Huyền	Trân	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
4284	31221022188	Đinh Huyền	Trân	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
4285	31221022188	Đinh Huyền	Trân	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
4286	31221026554	Dương Bảo	Trân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
4287	31221026554	Dương Bảo	Trân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
4288	31221026554	Dương Bảo	Trân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
4289	31221024739	Lê Nguyễn Quỳnh	Trân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
4290	31221022030	Lý Ngọc	Trân	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
4291	31221022030	Lý Ngọc	Trân	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
4292	31221022030	Lý Ngọc	Trân	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
4293	31221022956	Ngô Thảo	Trân	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4294	31221022956	Ngô Thảo	Trân	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4295	31221022956	Ngô Thảo	Trân	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4296	31221022956	Ngô Thảo	Trân	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4297	31221022624	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4298	31221022624	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4299	31221022624	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4300	31221022624	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4301	31221022119	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4302	31221022119	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4303	31221022119	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4304	31221022119	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4305	31221024450	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4306	31221024450	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4307	31221024450	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4308	31221024450	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4309	31221020781	Phạm Ngọc Quế	Trân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
4310	31221020781	Phạm Ngọc Quế	Trân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4311	31221020781	Phạm Ngọc Quế	Trân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
4312	31221020781	Phạm Ngọc Quế	Trân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
4313	31221024561	Phạm Trần Khánh	Trân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
4314	31221024561	Phạm Trần Khánh	Trân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
4315	31221024561	Phạm Trần Khánh	Trân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4316	31221024561	Phạm Trần Khánh	Trân	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
4317	31221025389	Trần Dương Thiên	Trân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513125	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 1	6.50	10.00
4318	31221025389	Trần Dương Thiên	Trân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513126	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 2	6.50	10.00
4319	31221025389	Trần Dương Thiên	Trân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513127	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 3	6.50	10.00
4320	31221025389	Trần Dương Thiên	Trân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TA - K48	IELTS	ENG513128	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp Phần 4	6.50	10.00
4321	31221023403	Đoàn Thị Kiều	Trang	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513072	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	6.50	10.00
4322	31221023403	Đoàn Thị Kiều	Trang	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513073	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	6.50	10.00
4323	31221023403	Đoàn Thị Kiều	Trang	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513074	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P3	6.50	10.00
4324	31221023403	Đoàn Thị Kiều	Trang	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513075	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P4	6.50	9.00
4325	31221021629	Hồ Ngọc Thu	Trang	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4326	31221021629	Hồ Ngọc Thu	Trang	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4327	31221021629	Hồ Ngọc Thu	Trang	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4328	31221021629	Hồ Ngọc Thu	Trang	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4329	31221025107	Hoàng Khánh	Trang	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4330	31221025107	Hoàng Khánh	Trang	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4331	31221025107	Hoàng Khánh	Trang	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4332	31221025107	Hoàng Khánh	Trang	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4333	31221025646	Hoàng Mai	Trang	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4334	31221025646	Hoàng Mai	Trang	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4335	31221025646	Hoàng Mai	Trang	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4336	31221025646	Hoàng Mai	Trang	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4337	31221026649	Hoàng Ngọc	Trang	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4338	31221026649	Hoàng Ngọc	Trang	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4339	31221026649	Hoàng Ngọc	Trang	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4340	31221025766	Hoàng Thị Thảo	Trang	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4341	31221025766	Hoàng Thị Thảo	Trang	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4342	31221025766	Hoàng Thị Thảo	Trang	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4343	31221025198	Hoàng Thị Thu	Trang	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4344	31221025119	Lê Thị Hạnh	Trang	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4345	31221025119	Lê Thị Hạnh	Trang	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4346	31221025119	Lê Thị Hạnh	Trang	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4347	31221024119	Lê Thị Thu	Trang	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4348	31221024119	Lê Thị Thu	Trang	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4349	31221024119	Lê Thị Thu	Trang	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4350	31221024119	Lê Thị Thu	Trang	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4351	31221023404	Mai Thanh	Trang	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4352	31221023404	Mai Thanh	Trang	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4353	31221023404	Mai Thanh	Trang	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4354	31221023404	Mai Thanh	Trang	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4355	31221025109	Nguyễn Đặng Khánh	Trang	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513073	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	6.50	10.00
4356	31221025109	Nguyễn Đặng Khánh	Trang	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513074	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P3	6.50	10.00
4357	31221025109	Nguyễn Đặng Khánh	Trang	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513075	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P4	6.50	9.00
4358	31221024964	Nguyễn Hiền Phương	Trang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
4359	31221024964	Nguyễn Hiền Phương	Trang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
4360	31221024964	Nguyễn Hiền Phương	Trang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
4361	31221024964	Nguyễn Hiền Phương	Trang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
4362	31221024120	Nguyễn Hoàng Huyền	Trang	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
4363	31221024120	Nguyễn Hoàng Huyền	Trang	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
4364	31221024120	Nguyễn Hoàng Huyền	Trang	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
4365	31221024120	Nguyễn Hoàng Huyền	Trang	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
4366	31221020455	Nguyễn Khánh	Trang	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
4367	31221020455	Nguyễn Khánh	Trang	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
4368	31221020455	Nguyễn Khánh	Trang	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
4369	31221020455	Nguyễn Khánh	Trang	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
4370	31221020525	Nguyễn Minh	Trang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
4371	31221020525	Nguyễn Minh	Trang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
4372	31221020525	Nguyễn Minh	Trang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
4373	31221020525	Nguyễn Minh	Trang	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
4374	31221024699	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4375	31221024699	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4376	31221024699	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4377	31221024699	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4378	31221022727	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4379	31221022727	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4380	31221022727	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4381	31221025461	Nguyễn Thị Thảo	Trang	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4382	31221025461	Nguyễn Thị Thảo	Trang	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4383	31221025461	Nguyễn Thị Thảo	Trang	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4384	31221025461	Nguyễn Thị Thảo	Trang	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4385	31221020932	Nguyễn Thị Thu	Trang	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
4386	31221020932	Nguyễn Thị Thu	Trang	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
4387	31221025661	Nguyễn Uyên	Trang	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
4388	31221026977	Nguyễn Võ Hà	Trang	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4389	31221026977	Nguyễn Võ Hà	Trang	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4390	31221026977	Nguyễn Võ Hà	Trang	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4391	31221026977	Nguyễn Võ Hà	Trang	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4392	31221022364	Nguyễn Xuân	Trang	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4393	31221022364	Nguyễn Xuân	Trang	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4394	31221023405	Phan Thị Thùy	Trang	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4395	31221023405	Phan Thị Thùy	Trang	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4396	31221021059	Trần Ngọc Quỳnh	Trang	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513097	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 1	7.00	10.00
4397	31221021059	Trần Ngọc Quỳnh	Trang	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	7.00	10.00
4398	31221021059	Trần Ngọc Quỳnh	Trang	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	7.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4399	31221021059	Trần Ngọc Quỳnh	Trang	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	7.00	10.00
4400	31221025347	Trương Nguyễn Thùy	Trang	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4401	31221025347	Trương Nguyễn Thùy	Trang	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4402	31221025347	Trương Nguyễn Thùy	Trang	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4403	31221020936	Bùi Minh	Trí	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	8.00	10.00
4404	31221020936	Bùi Minh	Trí	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	8.00	10.00
4405	31221020936	Bùi Minh	Trí	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	8.00	10.00
4406	31221020936	Bùi Minh	Trí	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	8.00	10.00
4407	31221020059	Đặng Cao	Trí	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	6.50	10.00
4408	31221024390	Đỗ Đức	Trí	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4409	31221024390	Đỗ Đức	Trí	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4410	31221024390	Đỗ Đức	Trí	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4411	31221024390	Đỗ Đức	Trí	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4412	31221021230	Hà Lê Minh	Trí	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4413	31221021230	Hà Lê Minh	Trí	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4414	31221021230	Hà Lê Minh	Trí	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4415	31221021230	Hà Lê Minh	Trí	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4416	31221020784	Nguyễn Minh	Trí	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4417	31221020784	Nguyễn Minh	Trí	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4418	31221020784	Nguyễn Minh	Trí	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4419	31221020784	Nguyễn Minh	Trí	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4420	31221020391	Phạm Minh	Trí	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
4421	31221020391	Phạm Minh	Trí	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
4422	31221020391	Phạm Minh	Trí	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
4423	31221020391	Phạm Minh	Trí	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
4424	31221024452	Võ Minh	Trí	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
4425	31221024452	Võ Minh	Trí	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
4426	31221020935	Võ Nguyễn Thiện	Trí	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4427	31221020935	Võ Nguyễn Thiện	Trí	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4428	31221020935	Võ Nguyễn Thiện	Trí	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4429	31221020935	Võ Nguyễn Thiện	Trí	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4430	31221022495	Nguyễn Minh	Triết	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
4431	31221022495	Nguyễn Minh	Triết	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
4432	31221022495	Nguyễn Minh	Triết	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
4433	31221022495	Nguyễn Minh	Triết	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
4434	31221020527	Trần Tuyên	Triệu	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4435	31221020527	Trần Tuyên	Triệu	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4436	31221020938	Bùi Hoàng	Trinh	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
4437	31221020938	Bùi Hoàng	Trinh	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
4438	31221024667	Đinh Thị Tuyết	Trinh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4439	31221024667	Đinh Thị Tuyết	Trinh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4440	31221024667	Đinh Thị Tuyết	Trinh	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4441	31221026144	Lê Đỗ Yến	Trinh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513097	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 1	6.00	10.00
4442	31221026144	Lê Đỗ Yến	Trinh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4443	31221026144	Lê Đỗ Yến	Trinh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	6.00	10.00
4444	31221026144	Lê Đỗ Yến	Trinh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	6.00	9.00
4445	31221026356	Lê Hoàng	Trinh	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
4446	31221026356	Lê Hoàng	Trinh	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
4447	31221026356	Lê Hoàng	Trinh	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
4448	31221026356	Lê Hoàng	Trinh	Quản trị khách sạn (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
4449	31221024322	Lê Thị Hoàng	Trinh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513072	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	6.50	10.00
4450	31221024322	Lê Thị Hoàng	Trinh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513073	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	6.50	10.00
4451	31221024322	Lê Thị Hoàng	Trinh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513074	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P3	6.50	10.00
4452	31221024322	Lê Thị Hoàng	Trinh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513075	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P4	6.50	9.00
4453	31221026146	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513097	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 1	6.50	10.00
4454	31221026146	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	6.50	10.00
4455	31221026146	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	6.50	10.00
4456	31221026688	Trần Ngọc Phương	Trinh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4457	31221026688	Trần Ngọc Phương	Trinh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4458	31221026688	Trần Ngọc Phương	Trinh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4459	31221026688	Trần Ngọc Phương	Trinh	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4460	31221023211	Trần Thị Kiều	Trinh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.50	10.00
4461	31221023211	Trần Thị Kiều	Trinh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.50	10.00
4462	31221023211	Trần Thị Kiều	Trinh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.50	10.00
4463	31221023211	Trần Thị Kiều	Trinh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.50	10.00
4464	31221022691	Trần Thị Ngọc	Trinh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513073	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P2	6.50	10.00
4465	31221022691	Trần Thị Ngọc	Trinh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513074	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P3	6.50	10.00
4466	31221022691	Trần Thị Ngọc	Trinh	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513075	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P4	6.50	9.00
4467	31221025871	Châu Thị Thanh	Trúc	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
4468	31221025871	Châu Thị Thanh	Trúc	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
4469	31221025871	Châu Thị Thanh	Trúc	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
4470	31221025871	Châu Thị Thanh	Trúc	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
4471	31221026149	Hồ Thị Minh	Trúc	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4472	31221026149	Hồ Thị Minh	Trúc	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4473	31221026149	Hồ Thị Minh	Trúc	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4474	31221026149	Hồ Thị Minh	Trúc	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4475	31221023545	Lê Châu Quỳnh	Trúc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
4476	31221023545	Lê Châu Quỳnh	Trúc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4477	31221023545	Lê Châu Quỳnh	Trúc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4478	31221023545	Lê Châu Quỳnh	Trúc	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
4479	31221026651	Nguyễn Phương Bảo	Trúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4480	31221026651	Nguyễn Phương Bảo	Trúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4481	31221026651	Nguyễn Phương Bảo	Trúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4482	31221026651	Nguyễn Phương Bảo	Trúc	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4483	31221023521	Nguyễn Quỳnh Thủy	Trúc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00
4484	31221023521	Nguyễn Quỳnh Thủy	Trúc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
4485	31221023521	Nguyễn Quỳnh Thủy	Trúc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
4486	31221023521	Nguyễn Quỳnh Thủy	Trúc	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4487	31221022079	Nguyễn Thanh	Trúc	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4488	31221022079	Nguyễn Thanh	Trúc	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4489	31221022079	Nguyễn Thanh	Trúc	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4490	31221022079	Nguyễn Thanh	Trúc	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4491	31221024123	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
4492	31221024123	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
4493	31221024123	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
4494	31221020062	Nguyễn Thụy Thanh	Trúc	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4495	31221020062	Nguyễn Thụy Thanh	Trúc	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4496	31221020062	Nguyễn Thụy Thanh	Trúc	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4497	31221020062	Nguyễn Thụy Thanh	Trúc	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4498	31221025873	Nguyễn Vũ Nhã	Trúc	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4499	31221025873	Nguyễn Vũ Nhã	Trúc	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4500	31221025873	Nguyễn Vũ Nhã	Trúc	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4501	31221025873	Nguyễn Vũ Nhã	Trúc	Kinh doanh thương mại - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4502	31221021986	Phan Xuân	Trúc	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4503	31221021986	Phan Xuân	Trúc	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4504	31221021986	Phan Xuân	Trúc	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4505	31221021986	Phan Xuân	Trúc	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4506	31221020787	Trần Đăng Thanh	Trúc	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.00	10.00
4507	31221020787	Trần Đăng Thanh	Trúc	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
4508	31221020787	Trần Đăng Thanh	Trúc	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
4509	31221020787	Trần Đăng Thanh	Trúc	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.00	10.00
4510	31221020317	Trần Mai	Trúc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4511	31221020317	Trần Mai	Trúc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4512	31221020317	Trần Mai	Trúc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4513	31221020317	Trần Mai	Trúc	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4514	31221020674	Trịnh Thiên Thanh	Trúc	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4515	31221020674	Trịnh Thiên Thanh	Trúc	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4516	31221020674	Trịnh Thiên Thanh	Trúc	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4517	31221020941	Vũ Hoàng Thanh	Trúc	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4518	31221020941	Vũ Hoàng Thanh	Trúc	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4519	31221022434	Đào Kim	Trung	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4520	31221022434	Đào Kim	Trung	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4521	31221022434	Đào Kim	Trung	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4522	31221022434	Đào Kim	Trung	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4523	31221022692	Đỗ Huỳnh Thế	Trung	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
4524	31221022692	Đỗ Huỳnh Thế	Trung	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
4525	31221022692	Đỗ Huỳnh Thế	Trung	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
4526	31221022692	Đỗ Huỳnh Thế	Trung	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
4527	31221020064	Tạ Hoàng Quang	Trung	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
4528	31221020064	Tạ Hoàng Quang	Trung	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4529	31221020064	Tạ Hoàng Quang	Trung	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4530	31221025422	Trần Phước	Trung	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4531	31221025422	Trần Phước	Trung	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.50	10.00
4532	31221025422	Trần Phước	Trung	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.50	10.00
4533	31221025422	Trần Phước	Trung	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.50	10.00
4534	31221023446	Võ Minh Bảo	Trung	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	5.50	9.00
4535	31221023446	Võ Minh Bảo	Trung	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	5.50	9.00
4536	31221024340	Vũ Mạnh	Trung	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	635.00	10.00
4537	31221024340	Vũ Mạnh	Trung	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	635.00	10.00
4538	31221024340	Vũ Mạnh	Trung	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	635.00	9.00
4539	31221024799	Lê Chí	Trường	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	7.50	10.00
4540	31221024799	Lê Chí	Trường	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.50	10.00
4541	31221024799	Lê Chí	Trường	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.50	10.00
4542	31221024799	Lê Chí	Trường	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.50	10.00
4543	31221020942	Nguyễn Huy	Trường	Kế toán (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4544	31221021441	Nguyễn Phương	Trường	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4545	31221021441	Nguyễn Phương	Trường	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4546	31221025476	Nguyễn Văn	Trường	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4547	31221025476	Nguyễn Văn	Trường	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4548	31221020065	Đặng Thanh	Tú	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4549	31221020065	Đặng Thanh	Tú	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4550	31221020065	Đặng Thanh	Tú	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4551	31221020065	Đặng Thanh	Tú	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4552	31221026652	Ngô Anh	Tú	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.00	9.00
4553	31221026652	Ngô Anh	Tú	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.00	8.00
4554	31221024800	Nguyễn Cẩm	Tú	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4555	31221024800	Nguyễn Cẩm	Tú	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4556	31221026619	Nguyễn Đăng Cẩm	Tú	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4557	31221026619	Nguyễn Đăng Cẩm	Tú	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4558	31221026619	Nguyễn Đăng Cẩm	Tú	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4559	31221026619	Nguyễn Đăng Cẩm	Tú	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4560	31221024725	Nguyễn Lê Khả	Tú	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4561	31221024725	Nguyễn Lê Khả	Tú	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4562	31221021957	Phạm Minh	Tú	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	5.50	9.00
4563	31221021957	Phạm Minh	Tú	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	5.50	9.00
4564	31221021231	Trần Đoàn Minh	Tú	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4565	31221021231	Trần Đoàn Minh	Tú	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4566	31221021231	Trần Đoàn Minh	Tú	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4567	31221021231	Trần Đoàn Minh	Tú	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4568	31221024290	Vương Cẩm	Tú	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4569	31221024290	Vương Cẩm	Tú	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4570	31221024290	Vương Cẩm	Tú	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4571	31221024290	Vương Cẩm	Tú	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4572	31221025451	Hồ Lê Anh	Tuấn	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4573	31221025451	Hồ Lê Anh	Tuấn	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4574	31221025451	Hồ Lê Anh	Tuấn	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4575	31221025451	Hồ Lê Anh	Tuấn	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4576	31221020157	Lê Công	Tuấn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
4577	31221020157	Lê Công	Tuấn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
4578	31221020157	Lê Công	Tuấn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
4579	31221020157	Lê Công	Tuấn	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
4580	31221020158	Nguyễn Mạnh	Tuấn	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
4581	31221020158	Nguyễn Mạnh	Tuấn	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
4582	31221020158	Nguyễn Mạnh	Tuấn	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4583	31221020158	Nguyễn Mạnh	Tuấn	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
4584	31221020601	Phan Anh	Tuấn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4585	31221020601	Phan Anh	Tuấn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4586	31221020601	Phan Anh	Tuấn	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
4587	31221026839	Phùng Anh	Tuấn	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4588	31221026839	Phùng Anh	Tuấn	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4589	31221026839	Phùng Anh	Tuấn	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4590	31221026839	Phùng Anh	Tuấn	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4591	31221025405	Thái Chương	Tuấn	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4592	31221025405	Thái Chương	Tuấn	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4593	31221025405	Thái Chương	Tuấn	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4594	31221025405	Thái Chương	Tuấn	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4595	31221021632	Trần Nguyễn Đức	Tuấn	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4596	31221021632	Trần Nguyễn Đức	Tuấn	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4597	31221021632	Trần Nguyễn Đức	Tuấn	Kỹ thuật phần mềm - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4598	31221025517	Phan Thị Minh	Tuệ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4599	31221025517	Phan Thị Minh	Tuệ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4600	31221025517	Phan Thị Minh	Tuệ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4601	31221025517	Phan Thị Minh	Tuệ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4602	31221023732	Trương Gia	Tuệ	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4603	31221023732	Trương Gia	Tuệ	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
4604	31221023185	Hứa Thanh Hà	Tùng	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
4605	31221023185	Hứa Thanh Hà	Tùng	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
4606	31221023185	Hứa Thanh Hà	Tùng	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
4607	31221023185	Hứa Thanh Hà	Tùng	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
4608	31221024801	Lê Xuân	Tùng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
4609	31221024801	Lê Xuân	Tùng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4610	31221024801	Lê Xuân	Tùng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4611	31221024801	Lê Xuân	Tùng	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
4612	31221023411	Ngô Anh	Tùng	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
4613	31221023411	Ngô Anh	Tùng	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
4614	31221023412	Trần Thị Hồng	Tươi	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
4615	31221023412	Trần Thị Hồng	Tươi	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
4616	31221024127	Đỗ Thụy Cát	Tường	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4617	31221024127	Đỗ Thụy Cát	Tường	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4618	31221024127	Đỗ Thụy Cát	Tường	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4619	31221021171	Lưu Phan Cát	Tường	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4620	31221021171	Lưu Phan Cát	Tường	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4621	31221021171	Lưu Phan Cát	Tường	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4622	31221021171	Lưu Phan Cát	Tường	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4623	31221022961	Quách Hồ Cát	Tường	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
4624	31221022961	Quách Hồ Cát	Tường	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
4625	31221023604	Tôn Võ Cát	Tường	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4626	31221023604	Tôn Võ Cát	Tường	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4627	31221023604	Tôn Võ Cát	Tường	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4628	31221024128	Đoàn Kim	Tuyền	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4629	31221024128	Đoàn Kim	Tuyền	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4630	31221024128	Đoàn Kim	Tuyền	Tài chính Quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4631	31221024713	Phạm Thị Thanh	Tuyền	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
4632	31221024713	Phạm Thị Thanh	Tuyền	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
4633	31221024713	Phạm Thị Thanh	Tuyền	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
4634	31221024713	Phạm Thị Thanh	Tuyền	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
4635	31221020395	Trần Đình	Tuyền	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4636	31221020395	Trần Đình	Tuyền	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4637	31221020395	Trần Đình	Tuyền	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4638	31221020395	Trần Đình	Tuyền	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4639	31221022442	Phạm Bá	Tỷ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
4640	31221022442	Phạm Bá	Tỷ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
4641	31221022442	Phạm Bá	Tỷ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
4642	31221022442	Phạm Bá	Tỷ	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
4643	31221024974	Chu Phương	Uyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	6.00	10.00
4644	31221024974	Chu Phương	Uyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.00	10.00
4645	31221024974	Chu Phương	Uyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.00	10.00
4646	31221026559	Hoàng	Uyên	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4647	31221026559	Hoàng	Uyên	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4648	31221026559	Hoàng	Uyên	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4649	31221026559	Hoàng	Uyên	Thống kê kinh doanh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4650	31221022836	Hoàng Đặng Minh	Uyên	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4651	31221022836	Hoàng Đặng Minh	Uyên	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4652	31221022836	Hoàng Đặng Minh	Uyên	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4653	31221022836	Hoàng Đặng Minh	Uyên	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4654	31221025770	Huỳnh Hạ	Uyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4655	31221026153	Huỳnh Thị Thu	Uyên	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	7.00	10.00
4656	31221026153	Huỳnh Thị Thu	Uyên	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	7.00	10.00
4657	31221023547	Lê Mai Phương	Uyên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
4658	31221023547	Lê Mai Phương	Uyên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
4659	31221023547	Lê Mai Phương	Uyên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
4660	31221023547	Lê Mai Phương	Uyên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
4661	31221021519	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4662	31221021519	Lê Nguyễn Phương	Uyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4663	31221024325	Lê Quỳnh Giảng	Uyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
4664	31221023186	Lê Thảo	Uyên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4665	31221023186	Lê Thảo	Uyên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4666	31221023186	Lê Thảo	Uyên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4667	31221023186	Lê Thảo	Uyên	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4668	31221024686	Lê Trần Bảo	Uyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4669	31221024686	Lê Trần Bảo	Uyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4670	31221027113	Ngô Mai Phương	Uyên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	7.00	10.00
4671	31221027113	Ngô Mai Phương	Uyên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	7.00	10.00
4672	31221027113	Ngô Mai Phương	Uyên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	7.00	10.00
4673	31221027113	Ngô Mai Phương	Uyên	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	7.00	10.00
4674	31221021233	Nguyễn Mỹ	Uyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.50	10.00
4675	31221021233	Nguyễn Mỹ	Uyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.50	10.00
4676	31221021233	Nguyễn Mỹ	Uyên	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.50	10.00
4677	31221023413	Nguyễn Phương	Uyên	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4678	31221023413	Nguyễn Phương	Uyên	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4679	31221023413	Nguyễn Phương	Uyên	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4680	31221023413	Nguyễn Phương	Uyên	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4681	31221020321	Nguyễn Thị Phương	Uyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
4682	31221020321	Nguyễn Thị Phương	Uyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
4683	31221020321	Nguyễn Thị Phương	Uyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
4684	31221020321	Nguyễn Thị Phương	Uyên	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
4685	31221025707	Phạm Thị Thu	Uyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
4686	31221025707	Phạm Thị Thu	Uyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4687	31221025707	Phạm Thị Thu	Uyên	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
4688	31221024129	Trần Ngọc Phương	Uyên	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4689	31221024129	Trần Ngọc Phương	Uyên	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4690	31221024129	Trần Ngọc Phương	Uyên	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4691	31221026558	Trần Phạm Thảo	Uyên	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4692	31221026558	Trần Phạm Thảo	Uyên	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4693	31221026558	Trần Phạm Thảo	Uyên	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4694	31221026558	Trần Phạm Thảo	Uyên	Kinh doanh quốc tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4695	31221022583	Võ Minh	Uyên	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
4696	31221022583	Võ Minh	Uyên	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
4697	31221022583	Võ Minh	Uyên	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
4698	31221022583	Võ Minh	Uyên	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
4699	31221024802	Võ Nguyễn Mỹ	Uyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
4700	31221024802	Võ Nguyễn Mỹ	Uyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
4701	31221024802	Võ Nguyễn Mỹ	Uyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
4702	31221024802	Võ Nguyễn Mỹ	Uyên	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
4703	31221023419	Đỗ Thùy	Vân	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4704	31221023419	Đỗ Thùy	Vân	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4705	31221023419	Đỗ Thùy	Vân	Thương mại Điện tử - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4706	31221023417	Hoàng Gia Khánh	Vân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	6.50	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4707	31221023417	Hoàng Gia Khánh	Vân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.50	10.00
4708	31221023417	Hoàng Gia Khánh	Vân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.50	10.00
4709	31221023417	Hoàng Gia Khánh	Vân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.50	10.00
4710	31221024273	Khưu Nhã	Vân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
4711	31221024273	Khưu Nhã	Vân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
4712	31221024273	Khưu Nhã	Vân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
4713	31221024273	Khưu Nhã	Vân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
4714	31221025619	Lê Thị Thanh	Vân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4715	31221025619	Lê Thị Thanh	Vân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4716	31221025619	Lê Thị Thanh	Vân	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4717	31221021234	Nguyễn Hoàng Thúy	Vân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
4718	31221021234	Nguyễn Hoàng Thúy	Vân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
4719	31221021234	Nguyễn Hoàng Thúy	Vân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4720	31221021234	Nguyễn Hoàng Thúy	Vân	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
4721	31221025007	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
4722	31221025007	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
4723	31221025007	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân	Marketing - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
4724	31221025007	Nguyễn Ngọc Thảo	Vân	Marketing - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
4725	31221021634	Nguyễn Ngọc Tường	Vân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4726	31221021634	Nguyễn Ngọc Tường	Vân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4727	31221021634	Nguyễn Ngọc Tường	Vân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4728	31221021634	Nguyễn Ngọc Tường	Vân	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4729	31221025620	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.00	10.00
4730	31221025620	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.00	10.00
4731	31221025620	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.00	9.00
4732	31221020161	Nguyễn Thùy	Vân	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4733	31221020161	Nguyễn Thùy	Vân	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4734	31221020161	Nguyễn Thùy	Vân	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4735	31221020161	Nguyễn Thùy	Vân	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4736	31221025462	Phan Hoàng	Vân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.50	10.00
4737	31221025462	Phan Hoàng	Vân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.50	10.00
4738	31221025462	Phan Hoàng	Vân	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	7.50	10.00
4739	31221023418	Trần Khánh	Vân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513113	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 1	6.00	10.00
4740	31221023418	Trần Khánh	Vân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	6.00	10.00
4741	31221023418	Trần Khánh	Vân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	6.00	10.00
4742	31221023418	Trần Khánh	Vân	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	6.00	9.00
4743	31221021635	Trần Ngọc Bích	Vân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4744	31221021635	Trần Ngọc Bích	Vân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4745	31221021635	Trần Ngọc Bích	Vân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4746	31221021635	Trần Ngọc Bích	Vân	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4747	31221023797	Trần Thanh	Vân	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4748	31221023797	Trần Thanh	Vân	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4749	31221020679	Vũ Tường	Vân	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4750	31221020679	Vũ Tường	Vân	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4751	31221020679	Vũ Tường	Vân	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4752	31221020679	Vũ Tường	Vân	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4753	31221021444	Nguyễn Thị Mộng	Vàng	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4754	31221021444	Nguyễn Thị Mộng	Vàng	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4755	31221021444	Nguyễn Thị Mộng	Vàng	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4756	31221021444	Nguyễn Thị Mộng	Vàng	Kinh tế Đầu tư CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4757	31221024806	Đào Ngọc Uyên	Vi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	6.00	10.00
4758	31221024806	Đào Ngọc Uyên	Vi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	6.00	10.00
4759	31221024806	Đào Ngọc Uyên	Vi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513094	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 4	6.00	9.00
4760	31221023606	Lý Nguyễn Thiên	Vi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4761	31221023606	Lý Nguyễn Thiên	Vi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4762	31221023606	Lý Nguyễn Thiên	Vi	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4763	31221025493	Nguyễn Thị Tường	Vi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	7.00	10.00
4764	31221025493	Nguyễn Thị Tường	Vi	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513093	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 3	7.00	10.00
4765	31221020945	Nguyễn Trần Thảo	Vi	Luật kinh doanh CLC-TV - K48	IELTS	ENG513072	Tiếng Anh chuyên ngành Luật P1	6.00	10.00
4766	31221020795	Trần Thị Phương	Vi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
4767	31221020795	Trần Thị Phương	Vi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
4768	31221020795	Trần Thị Phương	Vi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
4769	31221020795	Trần Thị Phương	Vi	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
4770	31221020248	Hứa Tuấn	Vĩ	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
4771	31221020248	Hứa Tuấn	Vĩ	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
4772	31221020248	Hứa Tuấn	Vĩ	Công nghệ và Đổi mới sáng tạo - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
4773	31221020163	Phạm Doãn Khiết	Viên	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4774	31221020163	Phạm Doãn Khiết	Viên	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4775	31221020163	Phạm Doãn Khiết	Viên	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4776	31221020163	Phạm Doãn Khiết	Viên	Kế toán tích hợp ICAEW CFAB plus - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4777	31221026842	Hoàng Huy	Việt	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
4778	31221026842	Hoàng Huy	Việt	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
4779	31221026842	Hoàng Huy	Việt	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
4780	31221026842	Hoàng Huy	Việt	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
4781	31221021636	Lâm Quốc	Việt	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
4782	31221021636	Lâm Quốc	Việt	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4783	31221021636	Lâm Quốc	Việt	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4784	31221021636	Lâm Quốc	Việt	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
4785	31221020164	Phạm Quốc	Việt	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4786	31221020164	Phạm Quốc	Việt	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4787	31221020164	Phạm Quốc	Việt	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4788	31221020164	Phạm Quốc	Việt	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4789	31221024132	Vũ Nguyễn Hoàng	Việt	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4790	31221024132	Vũ Nguyễn Hoàng	Việt	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4791	31221024132	Vũ Nguyễn Hoàng	Việt	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4792	31221024132	Vũ Nguyễn Hoàng	Việt	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4793	31221026156	Bùi Thế	Vinh	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
4794	31221026156	Bùi Thế	Vinh	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4795	31221026156	Bùi Thế	Vinh	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4796	31221026156	Bùi Thế	Vinh	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
4797	31221023422	Lê Đặng Quang	Vinh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
4798	31221023422	Lê Đặng Quang	Vinh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4799	31221023422	Lê Đặng Quang	Vinh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4800	31221023422	Lê Đặng Quang	Vinh	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
4801	31221020532	Nguyễn Đắc	Vinh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4802	31221020532	Nguyễn Đắc	Vinh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4803	31221020532	Nguyễn Đắc	Vinh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4804	31221020532	Nguyễn Đắc	Vinh	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4805	31221024133	Nguyễn Quang	Vinh	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4806	31221024133	Nguyễn Quang	Vinh	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4807	31221024133	Nguyễn Quang	Vinh	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4808	31221024133	Nguyễn Quang	Vinh	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4809	31221024649	Nguyễn Thanh	Vinh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4810	31221024649	Nguyễn Thanh	Vinh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4811	31221024649	Nguyễn Thanh	Vinh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4812	31221024649	Nguyễn Thanh	Vinh	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4813	31221025391	Nguyễn Phan Cảnh	Vượng	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.50	10.00
4814	31221025391	Nguyễn Phan Cảnh	Vượng	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.50	10.00
4815	31221025391	Nguyễn Phan Cảnh	Vượng	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.50	10.00
4816	31221025391	Nguyễn Phan Cảnh	Vượng	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.50	10.00
4817	31221027125	Đỗ Hà	Vy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
4818	31221027125	Đỗ Hà	Vy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
4819	31221027125	Đỗ Hà	Vy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
4820	31221027125	Đỗ Hà	Vy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
4821	31221024138	Đỗ Phùng Tường	Vy	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4822	31221024138	Đỗ Phùng Tường	Vy	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4823	31221024138	Đỗ Phùng Tường	Vy	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4824	31221024138	Đỗ Phùng Tường	Vy	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4825	31221023800	Dương Thị Phương	Vy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4826	31221023800	Dương Thị Phương	Vy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4827	31221023800	Dương Thị Phương	Vy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4828	31221023800	Dương Thị Phương	Vy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4829	31221020801	Hạ Trần Thúy	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4830	31221020801	Hạ Trần Thúy	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4831	31221020801	Hạ Trần Thúy	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4832	31221020801	Hạ Trần Thúy	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4833	31221020606	Hoàng Khánh	Vy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4834	31221020606	Hoàng Khánh	Vy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4835	31221020606	Hoàng Khánh	Vy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4836	31221020606	Hoàng Khánh	Vy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4837	31221021837	Huỳnh Khánh	Vy	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
4838	31221021837	Huỳnh Khánh	Vy	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4839	31221021837	Huỳnh Khánh	Vy	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
4840	31221024399	Lê Hoàng Hải	Vy	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
4841	31221024399	Lê Hoàng Hải	Vy	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
4842	31221024399	Lê Hoàng Hải	Vy	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.00	8.00
4843	31221021238	Lê Nhật	Vy	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4844	31221021238	Lê Nhật	Vy	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4845	31221021238	Lê Nhật	Vy	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4846	31221021238	Lê Nhật	Vy	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4847	31221021175	Lê Thanh	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4848	31221021175	Lê Thanh	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4849	31221021175	Lê Thanh	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4850	31221021175	Lê Thanh	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4851	31221026199	Lê Thị Thảo	Vy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4852	31221026199	Lê Thị Thảo	Vy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4853	31221026199	Lê Thị Thảo	Vy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4854	31221026199	Lê Thị Thảo	Vy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4855	31221023865	Lương Tường	Vy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4856	31221023865	Lương Tường	Vy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4857	31221023865	Lương Tường	Vy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4858	31221023865	Lương Tường	Vy	Quản trị kinh doanh (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4859	31221020250	Lý Ngọc Khánh	Vy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4860	31221020250	Lý Ngọc Khánh	Vy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4861	31221020250	Lý Ngọc Khánh	Vy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4862	31221020250	Lý Ngọc Khánh	Vy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4863	31221023113	Ngô Khánh	Vy	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
4864	31221023113	Ngô Khánh	Vy	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
4865	31221023113	Ngô Khánh	Vy	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
4866	31221023113	Ngô Khánh	Vy	Bất Động sản - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
4867	31221024456	Ngô Nguyễn Linh	Vy	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
4868	31221024456	Ngô Nguyễn Linh	Vy	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
4869	31221024456	Ngô Nguyễn Linh	Vy	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
4870	31221024456	Ngô Nguyễn Linh	Vy	Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
4871	31221021961	Ngô Tường Khánh	Vy	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
4872	31221021961	Ngô Tường Khánh	Vy	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
4873	31221020950	Nguyễn Đoàn Diễm	Vy	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4874	31221020950	Nguyễn Đoàn Diễm	Vy	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4875	31221020950	Nguyễn Đoàn Diễm	Vy	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4876	31221020950	Nguyễn Đoàn Diễm	Vy	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4877	31221026938	Nguyễn Hà Thảo	Vy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.50	10.00
4878	31221026938	Nguyễn Hà Thảo	Vy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.50	10.00
4879	31221026938	Nguyễn Hà Thảo	Vy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.50	10.00
4880	31221026938	Nguyễn Hà Thảo	Vy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.50	10.00
4881	31221020607	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4882	31221020607	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4883	31221020607	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4884	31221020607	Nguyễn Hoàng Khánh	Vy	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4885	31221020800	Nguyễn Hoàng Ngọc Khá	Vy	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4886	31221020800	Nguyễn Hoàng Ngọc Khá	Vy	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4887	31221020800	Nguyễn Hoàng Ngọc Khá	Vy	Ngân hàng CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4888	31221023746	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	Marketing - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4889	31221023746	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	Marketing - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4890	31221023526	Nguyễn Ngọc	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
4891	31221023526	Nguyễn Ngọc	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	5.50	7.00
4892	31221022626	Nguyễn Ngọc Hà	Vy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
4893	31221022626	Nguyễn Ngọc Hà	Vy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4894	31221022626	Nguyễn Ngọc Hà	Vy	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4895	31221021699	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4896	31221021699	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4897	31221021699	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4898	31221021699	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4899	31221026163	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4900	31221026163	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4901	31221026163	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	Kinh doanh thương mại CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4902	31221021328	Nguyễn Ngọc Trúc	Vy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4903	31221021328	Nguyễn Ngọc Trúc	Vy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4904	31221021639	Nguyễn Thảo	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	5.50	10.00
4905	31221021639	Nguyễn Thảo	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	5.50	9.00
4906	31221021639	Nguyễn Thảo	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	5.50	8.00
4907	31221026653	Nguyễn Thị Tường	Vy	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513114	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 2	7.00	10.00
4908	31221026653	Nguyễn Thị Tường	Vy	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513115	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 3	7.00	10.00
4909	31221026653	Nguyễn Thị Tường	Vy	Quản trị CLC-TA - K48	IELTS	ENG513116	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Phần 4	7.00	10.00
4910	31221020168	Nguyễn Thùy Bảo	Vy	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4911	31221020168	Nguyễn Thùy Bảo	Vy	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4912	31221020168	Nguyễn Thùy Bảo	Vy	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4913	31221020168	Nguyễn Thùy Bảo	Vy	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4914	31221024966	Nguyễn Trần Thảo	Vy	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4915	31221024966	Nguyễn Trần Thảo	Vy	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4916	31221024966	Nguyễn Trần Thảo	Vy	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.50	10.00
4917	31221024966	Nguyễn Trần Thảo	Vy	Kiểm toán CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.50	9.00
4918	31221020461	Nguyễn Tuyết Phương	Vy	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4919	31221020461	Nguyễn Tuyết Phương	Vy	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4920	31221020461	Nguyễn Tuyết Phương	Vy	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4921	31221020461	Nguyễn Tuyết Phương	Vy	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4922	31221026654	Nguyễn Uyên	Vy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	8.00	10.00
4923	31221026654	Nguyễn Uyên	Vy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	8.00	10.00
4924	31221026654	Nguyễn Uyên	Vy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	8.00	10.00
4925	31221020071	Phạm Lan	Vy	Luật kinh doanh quốc tế - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4926	31221021076	Phạm Phan Khánh	Vy	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4927	31221021076	Phạm Phan Khánh	Vy	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4928	31221021076	Phạm Phan Khánh	Vy	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4929	31221021076	Phạm Phan Khánh	Vy	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4930	31221022587	Phạm Phương	Vy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4931	31221022587	Phạm Phương	Vy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4932	31221022587	Phạm Phương	Vy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4933	31221022587	Phạm Phương	Vy	Kế toán doanh nghiệp CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4934	31221026160	Phan Hồng Uyên	Vy	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513098	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 2	7.00	10.00
4935	31221026160	Phan Hồng Uyên	Vy	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513099	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 3	7.00	10.00
4936	31221026160	Phan Hồng Uyên	Vy	Ngoại thương CLC-TA - K48	IELTS	ENG513100	Tiếng Anh chuyên ngành Ngoại thương Phần 4	7.00	10.00
4937	31221022991	Thi Lê Cát	Vy	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4938	31221022991	Thi Lê Cát	Vy	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4939	31221022991	Thi Lê Cát	Vy	Kinh doanh quốc tế CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4940	31221022478	Trần Hạ	Vy	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.50	10.00
4941	31221022478	Trần Hạ	Vy	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.50	10.00
4942	31221022478	Trần Hạ	Vy	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.50	10.00
4943	31221022478	Trần Hạ	Vy	Luật kinh doanh - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.50	10.00
4944	31221021330	Trần Nguyễn Khánh	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.50	10.00
4945	31221021330	Trần Nguyễn Khánh	Vy	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.50	10.00
4946	31221025424	Trịnh Thảo	Vy	Marketing - K48	TOEIC	ENG513001	Tiếng Anh P1	840.00	10.00
4947	31221025424	Trịnh Thảo	Vy	Marketing - K48	TOEIC	ENG513002	Tiếng Anh P2	840.00	10.00
4948	31221025424	Trịnh Thảo	Vy	Marketing - K48	TOEIC	ENG513003	Tiếng Anh P3	840.00	10.00
4949	31221025424	Trịnh Thảo	Vy	Marketing - K48	TOEIC	ENG513004	Tiếng Anh P4	840.00	10.00
4950	31221026164	Trương Nhật	Vy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00
4951	31221026164	Trương Nhật	Vy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
4952	31221026164	Trương Nhật	Vy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4953	31221026164	Trương Nhật	Vy	Marketing CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
4954	31221024139	Vũ Khánh	Vy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4955	31221024139	Vũ Khánh	Vy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4956	31221024139	Vũ Khánh	Vy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4957	31221024139	Vũ Khánh	Vy	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4958	31221025623	Hồ Triệu	Vỹ	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
4959	31221025623	Hồ Triệu	Vỹ	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
4960	31221025623	Hồ Triệu	Vỹ	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
4961	31221025623	Hồ Triệu	Vỹ	Kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00
4962	31221022221	Lê Thị Thanh	Xuân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
4963	31221022221	Lê Thị Thanh	Xuân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
4964	31221022221	Lê Thị Thanh	Xuân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
4965	31221022221	Lê Thị Thanh	Xuân	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
4966	31221026677	Đặng Điệp	Y	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.00	10.00
4967	31221026677	Đặng Điệp	Y	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.00	9.00
4968	31221026677	Đặng Điệp	Y	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.00	8.00
4969	31221026677	Đặng Điệp	Y	Toán kinh tế (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.00	7.00
4970	31221022273	Bùi Thị Mỹ	Ý	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	7.00	10.00

UEH UNIVERSITY

STT	Mã sinh viên	Họ	Tên	Tên CTĐT	Loại chứng chỉ	Môn học	Tên môn học	Điểm chứng chỉ	Điểm chuyển
4971	31221022273	Bùi Thị Mỹ	Ý	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	7.00	10.00
4972	31221022273	Bùi Thị Mỹ	Ý	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	7.00	10.00
4973	31221022273	Bùi Thị Mỹ	Ý	Thương mại điện tử CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	7.00	10.00
4974	31221025624	Bùi Thị Như	Ý	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513091	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 1	5.50	9.00
4975	31221025624	Bùi Thị Như	Ý	Kinh doanh quốc tế CLC-TA - K48	IELTS	ENG513092	Tiếng Anh ngành Kinh doanh quốc tế Phần 2	5.50	9.00
4976	31221023652	Nguyễn Như	Ý	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
4977	31221023652	Nguyễn Như	Ý	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
4978	31221023652	Nguyễn Như	Ý	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
4979	31221023652	Nguyễn Như	Ý	Hệ thống thông tin quản lý (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	5.50	8.00
4980	31221021240	Trần Như	Ý	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
4981	31221021240	Trần Như	Ý	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
4982	31221021240	Trần Như	Ý	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
4983	31221021240	Trần Như	Ý	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
4984	31221020202	Nguyễn Hà Phương	Yên	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	7.00	10.00
4985	31221020202	Nguyễn Hà Phương	Yên	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	7.00	10.00
4986	31221020202	Nguyễn Hà Phương	Yên	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	7.00	10.00
4987	31221020202	Nguyễn Hà Phương	Yên	Quản trị nhân lực - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	7.00	10.00
4988	31221026165	Hà Thị Hải	Yến	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	5.50	10.00
4989	31221026165	Hà Thị Hải	Yến	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	5.50	10.00
4990	31221026165	Hà Thị Hải	Yến	Kinh tế đầu tư (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	5.50	9.00
4991	31221021078	Hoàng Thị Hải	Yến	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.50	10.00
4992	31221021078	Hoàng Thị Hải	Yến	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.50	10.00
4993	31221021078	Hoàng Thị Hải	Yến	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.50	10.00
4994	31221021078	Hoàng Thị Hải	Yến	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.50	10.00
4995	31221020803	Huỳnh Kim	Yến	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	8.00	10.00
4996	31221020803	Huỳnh Kim	Yến	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	8.00	10.00
4997	31221020803	Huỳnh Kim	Yến	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	8.00	10.00
4998	31221020803	Huỳnh Kim	Yến	Tài chính - Ngân hàng (DC) - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	8.00	10.00
4999	31221020951	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513107	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 1	6.00	10.00
5000	31221020951	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513108	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 2	6.00	10.00
5001	31221020951	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513109	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 3	6.00	10.00
5002	31221020951	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	Tài chính CLC-TA - K48	IELTS	ENG513110	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính Phần 4	6.00	9.00
5003	31221024967	Nguyễn Thị Hải	Yến	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
5004	31221024967	Nguyễn Thị Hải	Yến	Tài chính CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
5005	31221024276	Nguyễn Thị Kim	Yến	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513086	Tiếng Anh Phần 1	6.00	10.00
5006	31221024276	Nguyễn Thị Kim	Yến	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513087	Tiếng Anh Phần 2	6.00	10.00
5007	31221024276	Nguyễn Thị Kim	Yến	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513088	Tiếng Anh Phần 3	6.00	9.00
5008	31221024276	Nguyễn Thị Kim	Yến	Quản trị CLC-TV - K48	IELTS	ENG513089	Tiếng Anh Phần 4	6.00	8.00
5009	31221021963	Tạ Kim	Yến	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513001	Tiếng Anh P1	6.00	10.00
5010	31221021963	Tạ Kim	Yến	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513002	Tiếng Anh P2	6.00	10.00
5011	31221021963	Tạ Kim	Yến	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513003	Tiếng Anh P3	6.00	10.00
5012	31221021963	Tạ Kim	Yến	Kiểm toán - K48	IELTS	ENG513004	Tiếng Anh P4	6.00	9.00